

Tác giả : ANNIE BESANT

QUYỀN NĂNG CỦA TƯ TƯỞNG



Dịch xong ngày 22/02/2018



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
PHẦN MỞ ĐẦU	6
BẢN NGÃ (SELF) LÀ CHỦ THỂ BIẾT	6
PHI NGÃ LÀ CÁI ĐƯỢC BIẾT	9
VIỆC BIẾT	10
CHƯƠNG I – BẢN CHẤT CỦA TƯ TƯỞNG.....	12
Chuỗi Sự kiện: Chủ Thể Biết, Sự Biết, và Cái Được Biết.....	15
CHƯƠNG II – KẺ TẠO RA ẢO TƯỢNG.....	20
THỂ HẠ TRÍ.....	24
VIỆC KIẾN TẠO VÀ SỰ TIẾN HÓA CỦA THỂ TRÍ.....	26
CHƯƠNG III – VIỆC CHUYỂN DI TƯ TƯỞNG	31
CHƯƠNG IV	37
CÁC ĐIỀU KIỆN BAN ĐẦU CỦA TƯ TƯỞNG.....	37
MỐI LIÊN QUAN GIỮA CẢM GIÁC VÀ TƯ TƯỞNG.....	40
CHƯƠNG V – KÝ ỨC.....	44
BẢN CHẤT CỦA TRÍ NHỚ.....	44
SỰ THIẾU TRÍ NHỚ	46
KÝ ỨC VÀ SỰ TIÊN ĐOÁN.....	50
CHƯƠNG VI – SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VIỆC QUAN SÁT TƯ TƯỞNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA NÓ.....	53
SỰ TIẾN HÓA CỦA CÁC QUAN NĂNG TRÍ TUỆ.....	59
SỰ HUẤN LUYỆN THỂ TRÍ.....	61
SỰ KẾT HỢP VỚI NHỮNG ĐẲNG BÈ TRÊN.....	62
CHƯƠNG VII – SỰ ĐỊNH TRÍ.....	65
TÂM THỨC Ở BẤT CỨ NƠI NÀO CÓ MỘT ĐỐI TƯỢNG MÀ NÓ ĐÁP ỨNG VỚI.....	71
LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐỊNH TRÍ.....	74
CHƯƠNG VIII	78
CÁC CHƯỚNG NGẠI CHO VIỆC TẬP TRUNG CÁC THỂ TRÍ ĐI LANG THANG.....	78
CÁC NGUY HIỂM CỦA SỰ ĐỊNH TRÍ	83
THAM THIỀN	87
CHƯƠNG IX	88

TĂNG CƯỜNG QUYỀN NĂNG CỦA TƯ TƯỞNG.....	88
SỰ LO LẮNG – Ý NGHĨA VÀ VIỆC TRỪ TIỆT NÓ	92
SUY TƯ VÀ CHẤM DỨT SUY TƯ	96
BÍ MẬT VỀ SỰ BÌNH AN CỦA THỂ TRÍ.....	99
CHƯƠNG X.....	101
GIÚP ĐỖ NGƯỜI KHÁC BẰNG TƯ TƯỞNG	101
GIÚP ĐỖ NGƯỜI ĐƯỢC GỌI LÀ NGƯỜI CHẾT	104
HOẠT ĐỘNG TƯ TƯỞNG BÊN NGOÀI THỂ XÁC	106
QUYỀN NĂNG CỦA TƯ TƯỞNG KẾT HỢP	109
LỜI SAU CÙNG.....	111



LỜI NÓI ĐẦU

Quyển sách nhỏ này được dự định giúp môn sinh tìm hiểu bản chất riêng của y, trong chừng mực liên quan đến ảnh hưởng trí tuệ của nó. Nếu y quán triệt những nguyên tắc được trình bày ở đây, y sẽ theo một con đường tốt đẹp để cộng tác với Thiên Nhiên trong sự tiến hóa của riêng y, và gia tăng mức phát triển trí tuệ của y nhanh chóng hết mức có thể khi y vẫn còn không biết về các tình trạng phát triển của y.

Phần Mở Đầu có thể đưa ra một số khó khăn cho bạn đọc chưa quen và có thể bị y bỏ qua khi mới đọc qua. Tuy nhiên, nó lại là cần thiết, là nền tảng cho những người muốn thấy mối quan hệ của trí năng với những phần khác của bản chất họ, và với thế giới bên ngoài.

Và người nào muốn thực hiện câu châm ngôn “*Anh hãy tự biết anh*” thì không được lùi bước khỏi một sự cố gắng trí tuệ nhỏ nhất, cũng không được mong thức ăn tinh thần nấu sẵn từ trên trời rơi vào một cái miệng mở ra một cách lười nhác. Nếu cuốn sách nhỏ này giúp ích cho một vài môn sinh thành khẩn, và dọn sạch vài khó khăn trên đường đạo thì mục đích phụng sự của nó đã đạt được.

ANNIE BESANT



PHẦN MỞ ĐẦU

Giá trị của tri thức được thử nghiệm bởi năng lực của nó để thanh luyện và làm thanh cao đời sống, và mọi đạo sinh nhiệt thành muốn áp dụng tri thức có tính lý thuyết được hoạch định trong khi họ nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng cho sự tiến hóa về tính cách của riêng họ, và cho việc giúp đỡ đồng bào của họ. Chính vì những môn sinh như thế mà tôi viết quyển sách nhỏ này, với hy vọng là một sự hiểu biết rõ ràng hơn về bản chất trí tuệ của riêng họ có thể dẫn tới một sự vun bồi có chủ đích về những điều tốt trong đó, và một sự trừ tuyệt những điều xấu. Tình cảm thôi thúc tới sinh hoạt ngay thẳng bị mất đi phân nửa nếu ánh sáng trong treo của trí năng không soi sáng con đường lập hạnh; vì, như một người mù đi lạc khỏi con đường chưa được biết cho đến khi y ngã vào cái mương, Chân Nhân cũng thế, bị mù quáng vì vô minh, quay ra khỏi con đường sinh hoạt chân chính cho đến khi y ngã vào cái hố của hành động sai trái.

Avidya – Sự Vô Minh, là sự thiếu tri thức – thật ra là bước đầu tiên ra khỏi sự hợp nhất để đi vào tính chia rẽ, và chỉ khi nó giảm đi thì tính chia rẽ mới giảm xuống, cho đến khi nó biến mất thì Hòa Bình Vĩnh Cửu mới được phục hồi.

BẢN NGÃ (SELF) LÀ CHỦ THỂ BIẾT

Khi nghiên cứu bản chất con người, chúng ta phải tách biệt con người khỏi các hiện thể mà y sử dụng, Bản Ngã sống động [2] được tách biệt khỏi y phục mà y mặc.

Bản Ngã chỉ có một, mặc dù Bản Ngã có thể biểu lộ dưới nhiều hình thức khác nhau, khi hoạt động qua trung gian của

các loại vật chất khác nhau. Dĩ nhiên, thật ra chỉ có một Đại Ngã Duy Nhất theo ý nghĩa đầy đủ nhất của các từ này; như các tia sáng bùng ra từ mặt trời, các Bản Ngã, là Con Người thật sự, chỉ là các tia của Đại Ngã Tối Cao, và mỗi Bản Ngã có thể thì thảo, “Tôi là Ngài”.

Nhưng vì mục đích hiện thời của chúng ta, khi đề cập tới một tia sáng riêng rẽ, chúng ta cũng có thể khẳng định, trong tình trạng tách biệt của nó, về tính thống nhất cố hữu của nó, mặc dù điều này bị các hình thức của nó che giấu. Tâm thức là một đơn vị, và các phân chia mà chúng ta thực hiện trong nó hoặc được làm vì các mục đích nghiên cứu, hoặc là các ảo tưởng, do sự giới hạn về năng lực nhận thức của chúng ta, bởi các cơ quan mà nó tác động qua đó trong ba cõi thấp. Sự thật là các biểu lộ của Bản Ngã tiến hành riêng biệt từ ba trạng thái của y là biết, muốn, và hoạt động – từ đó nổi lên một cách riêng biệt các tư tưởng, các ham muốn và các hành động – không được làm chúng ta mù quáng với sự kiện khác, đó là không có sự phân chia về thực thể; toàn bộ Bản Ngã biết, toàn bộ Bản Ngã muốn, toàn bộ Bản Ngã hành động. Các chức năng này cũng không tách biệt hoàn toàn; khi y biết, y cũng hành động và muốn; khi y hành động, y cũng biết và muốn; khi y muốn, y cũng hành động và biết. Một chức năng chiếm ưu thế, và đôi khi tới một mức độ che hoàn toàn các chức năng kia; nhưng ngay cả trong sự tập trung hiểu biết cao độ nhất – riêng biệt nhất trong ba chức năng – vẫn luôn luôn hiện diện một hoạt động tiềm tàng và [3] một ý muốn tiềm tàng, có thể thấy hiện diện nhờ phân tích cẩn thận.

Chúng ta đã gọi ba chức năng này là “ba trạng thái của Bản Ngã; một sự giải thích thêm một chút có thể giúp cho sự hiểu biết. Khi Bản Ngã yên tĩnh, bấy giờ trạng thái Hiểu Biết

được biểu lộ, nó có thể tiếp nhận chân dung của bất kỳ đối tượng nào được đưa ra. Khi Bản Ngã được tập trung, chú ý vào sự thay đổi trạng thái, bấy giờ trạng thái Ý Muốn xuất hiện. Khi Bản Ngã, ở trước bất kỳ đối tượng nào đó, đưa ra năng lượng để tiếp xúc đối tượng đó, bấy giờ trạng thái Hành Động thể hiện ra. Như vậy ta thấy rằng ba chức năng này không phải là các phân chia riêng biệt của Bản Ngã, không phải ba trạng thái này được nhập thành một hoặc được trộn lẫn nhau, mà là có một tổng thể không thể phân chia, biểu lộ theo ba cách.

Thật không dễ dàng để làm sáng tỏ ý niệm căn bản về Bản Ngã thêm nữa so với việc chỉ gọi tên của y. Bản Ngã là thực thể hằng hữu, có ý thức, có cảm giác, tự biết y đang tồn tại trong mỗi chúng ta. Không người nào có thể nghĩ y không tồn tại, hoặc tự trình bày với chính y trong trạng thái tỉnh táo là “Tôi không hiện hữu” (“I am not”). Như Bhavagan Das đã nói: “Bản Ngã là căn bản đầu tiên không thể thiếu của sự sống.... Theo lời của Vachaspati-Mishra trong Luận giải (the *Bhamati*) về quyển *Shariraka-Bhashya* của Ngài Sankaracharya: ‘Không ai nghi ngờ: “Ta hiện hữu” hay “Ta không hiện hữu”’⁽¹⁾ Sự khẳng định về Bản Ngã “Ta hiện hữu” đến trước mọi thứ khác, ở trên và vượt qua mọi luận cứ. Không có bằng chứng nào làm nó [4] mạnh hơn; không có phản chứng nào có thể làm nó yếu đi. Cả bằng chứng và phản chứng đều dựa vào “Ta hiện hữu”, Cảm Giác không thể phân tích về Sự Tồn Tại duy nhất, mà không gì có thể được khẳng định, ngoại trừ sự tăng hoặc giảm. “Tôi nhiều hơn” là biểu lộ Niềm Vui Thích; “Tôi ít hơn” là biểu lộ sự Đau khổ.

¹ Khoa học về Tình Cảm, tr. 20

Khi chúng ta quan sát “Cái Tôi hiện hữu” (“I am”) này, chúng ta thấy rằng nó tự biểu lộ theo ba cách khác nhau:

a/ Sự phản ánh bên trong của một Phi Ngã (Non-Self), là TRI THỨC, cội nguồn của các tư tưởng; “Tôi biết” hay “Tôi suy tư”,

b/ Sự tập trung bên trong, là Ý CHÍ, cội nguồn của các dục vọng; “Tôi quyết ý” hay “Tôi muốn”,

c/ Việc tiến ra bên ngoài, là NĂNG LƯỢNG, cội nguồn của các hành động; “Tôi hoạt động mạnh mẽ” hay “Tôi hành động”.

Đây là ba sự khẳng định của Bản Ngã không thể phân chia, của “cái Tôi”. Mọi sự biểu lộ đều có thể được xếp loại theo một trong ba trạng thái tinh thần này; Bản Ngã biểu lộ trong các cõi giới của chúng ta chỉ trong ba cách này; như mọi màu sắc phát sinh từ ba màu căn bản đỏ, xanh, lục, cũng thế, các biểu lộ vô số của Bản Ngã đều phát sinh từ Ý Chí, Năng Lượng, Tri Thức.

Bản Ngã là Chủ Thể Ham muốn, Bản Ngã là Chủ Thể Hành Động, Bản Ngã là Chủ Thể Tri Giác – y là Đấng Duy Nhất trong Vô Tận và cũng là cội nguồn của cá tính trong Thời gian và Không gian. Đó là Bản Ngã trong trạng thái Tư Tưởng, Bản Ngã với tư cách Chủ Thể Biết, mà chúng ta sắp nghiên cứu.

PHI NGÃ LÀ CÁI ĐƯỢC BIẾT

Bản Ngã mà “bản chất của y là tri thức” thấy phản chiếu trong y vô số hình tướng, và [5] nhờ kinh nghiệm y biết rằng y không thể biết và hành động và muốn trong hình tướng và xuyên qua hình tướng. Y phát hiện các hình tướng này không phục tùng sự kiểm soát của y như là hình tướng mà y trở nên ý thức lần đầu tiên, và y (một cách nhầm lẫn nhưng lại cần

thiết) học cách đồng hóa chúng với y. Y biết, còn chúng thì không suy nghĩ; y muốn, còn chúng thì cho thấy không muốn; y truyền sinh lực, nhưng không có hành động đáp ứng nào trong chúng. Y không thể nói trong chúng, “Tôi biết”, “Tôi hành động”, “Tôi muốn”; và rốt cuộc y nhận ra chúng là các bản ngã khác, trong các hình thức khoáng thạch, thực vật, động vật, con người và siêu nhân, và y khái quát tất cả những điều này dưới một thuật ngữ bao quát, là Phi Ngã (Not-Self), mà y, với tư cách một Bản Ngã tách biệt, không ở trong đó, y không biết, hành động và muốn trong đó. Như vậy, y trả lời câu hỏi xa xưa:

“Phi-Ngã là gì?” với

“Là tất cả những gì mà trong đó Ta không biết, không muốn và không hành động.”

Và mặc dù thật ra y sẽ nhận thấy, nhờ những sự phân tích tuần tự, rằng các hiện thể của y, lần lượt cái này đến cái khác – thật ra ngoại trừ lớp màng thanh mảnh nhất làm cho y thành một Bản Ngã – là các thành phần của Phi Ngã, là các đối tượng của tri giác, là Cái Được Biết, chứ không phải là Chủ Thể Biết, đối với mọi mục đích thực tế thì lời đáp của y là đúng. Thật ra y không bao giờ có thể biết, khi có thể phân chia khỏi y, lớp màng thanh mảnh nhất này làm cho y thành một Bản Ngã riêng biệt, vì sự hiện diện của nó cần cho sự tách biệt đó, và để biết nó với tư cách Phi Ngã sẽ là, để hòa nhập vào Toàn Ngã (the All).

[6]

VIỆC BIẾT

Để cho Bản Ngã có thể là Chủ Thể Biết, còn Phi Ngã thành Cái Được Biết thì phải thiết lập một mối quan hệ rõ rệt giữa chúng. Phi Ngã phải ảnh hưởng Bản Ngã và đến lượt

Bản Ngã phải ảnh hưởng trở lại Phi Ngã. Phải có một hành động trao đổi giữa cả hai. Việc Biết là một mối quan hệ giữa Bản Ngã và Phi Ngã, và bản chất của mối quan hệ đó phải là đoạn tiếp theo của chủ đề chúng ta, nhưng việc trước tiên nên là hiểu biết rõ ràng sự thật là việc biết là một mối quan hệ. Nó hàm ý tính hai mặt, là ý thức của một Bản Ngã và sự nhận biết một Phi Ngã – và sự hiện diện của cả hai được đặt đối lập nhau thì cần thiết cho sự hiểu biết.

Chủ Thể Biết, Cái Được Biết, Sự Hiểu biết – Đây là ba trong một mà ta phải hiểu biết nếu quyền năng tư tưởng sẽ được chuyển tới mục tiêu đích thực của nó, là việc giúp đỡ thế gian. Theo thuật ngữ phương Tây, Thể Trí là Chủ Thể Biết, Đối Tượng là cái được biết; Mối Quan Hệ giữa chúng là việc biết. Chúng ta phải hiểu bản chất của Chủ Thể Biết, bản chất của Cái Được Biết, và bản chất của mối quan hệ được thiết lập giữa chúng, và cách thức mà mối quan hệ đó phát sinh. Khi những điều này được hiểu biết, quả thực chúng ta đã thực hiện một bước hướng tới sự hiểu biết về Bản Ngã (Self-knowledge), điều này chính là sự minh triết. Bấy giờ, quả thực chúng ta có thể giúp đỡ thế gian chung quanh chúng ta, trở thành những người giúp đỡ và cứu độ; vì đây là mục tiêu thật sự của minh triết, mà khi được phát động bởi [7] bác ái, nó có thể nâng thế giới ra khỏi sự đau khổ để vào trong sự hiểu biết, trong đó mọi đau khổ chấm dứt mãi mãi.

Đó là mục tiêu cho chúng ta nghiên cứu, vì điều đó thật sự được nói trong những cuốn sách của quốc gia nào sở hữu môn tâm lý học cổ nhất và tuy vậy lại thâm diệu nhất và tinh tế nhất, rằng mục tiêu của triết học là chấm dứt đau khổ. Vì lẽ đó mà bậc Thức Giả suy tư; vì lẽ đó mà tri thức liên tục được tìm kiếm. Chấm dứt đau khổ là lý do cuối cùng cho triết học,

và đó không phải là minh triết thật sự nếu nó không dẫn đến việc tìm thấy BÌNH AN.

CHƯƠNG I – BẢN CHẤT CỦA TƯ TƯỞNG

Bản chất của tư tưởng có thể được nghiên cứu theo hai quan điểm: từ khía cạnh tâm thức, là tri thức, hoặc từ khía cạnh hình tướng mà nhờ đó có được tri thức, tính nhạy cảm của hình tướng với những biến đổi làm cho sự thành tựu tri thức có thể xảy ra. Khả năng này đã dẫn tới hai cực đoan trong triết học mà chúng ta phải tránh, vì mỗi cực đoan không biết một mặt của sự sống biểu lộ. Một bên cho rằng mọi vật là tâm thức, bỏ qua tính thiết yếu của hình tướng với vai trò chi phối tâm thức, là làm cho tâm thức trở thành khả hữu. Bên kia thì cho rằng vạn vật là hình tướng, bỏ qua sự thật là hình tướng chỉ có thể tồn tại do bởi sự sống phú linh nó. Sắc tướng và sự sống, vật chất và tinh thần, hiện thể và tâm thức, đều không thể tách biệt nhau trong biểu lộ, và là những trạng thái không thể phân chia của CÁI ĐÓ, mà cả hai đều thuộc về, CÁI ĐÓ không phải là tâm thức mà cũng không phải là hiện thể, mà là CỘI NGUỒN của cả hai. Một triết học cố gắng giải thích vạn vật bằng các hình tướng mà bỏ qua sự sống sẽ nhận thấy những khó khăn mà nó hoàn toàn không thể giải quyết. Một triết học cố gắng giải thích vạn vật bằng sự sống, bỏ qua [10] các hình tướng, sẽ thấy nó đối mặt với những bức tường kín mà nó không thể vượt qua. Lời cuối cùng cho điều này là tâm thức và các hiện thể của nó, sự sống và sắc tướng, tinh thần và vật chất, là những biểu lộ tạm thời của hai khía cạnh của một Thực Thể (Existence)

tuyệt đối duy nhất không được biết, trừ được biểu lộ dưới hình thức Tinh Thần Gốc (Root-Spirit) – (người Ấn Giáo gọi là Pratyagatman), Thực Thể (Being) trừu tượng, Thượng Đế trừu tượng – nguồn phát sinh mọi bản ngã cá nhân., và Vật Chất Gốc (Root-Matter, Mulaprakriti) nguồn phát sinh mọi hình tướng. Bất cứ khi nào sự biểu lộ diễn ra thì Tinh Thần Gốc này sinh ra một tâm thức tam phân, và Vật Chất Gốc này sinh ra một vật chất tam phân; bên dưới những cái này là Thực Tại Duy Nhất, mà tâm thức bị qui định vĩnh viễn không thể nhận thức được. Hoa thì không thấy được rễ mà từ đó nó mọc ra, mặc dù mọi sự sống của nó được rút ra từ rễ và không có rễ thì nó không thể có.

Bản Ngã với tư cách là Chủ Thể Biết, có chức năng tiêu biểu của nó là phản ánh trong chính nó về Phi Ngã. Như một tấm kính nhay cảm tiếp nhận các tia sáng được phản chiếu từ các khách thể, và các tia đó gây ra những biến đổi trong vật chất mà nó rơi lên, để có thể có các hình ảnh của các khách thể đó, cũng thế, với Bản Ngã trong khía cạnh tri thức hướng tới vạn vật bên ngoài. Hiện thể của y là một khối cầu mà trên đó Bản Ngã tiếp nhận từ Phi Ngã các tia phản chiếu của Bản Ngã Duy Nhất, gây ra sự xuất hiện trên bề mặt của khối cầu này các hình ảnh vốn là các phản ánh của những gì không phải là y. Chủ Thể Biết không biết chính sự vật trong những giai đoạn ban đầu của [11] tâm thức y. Y chỉ biết các hình ảnh được tạo ra trong hiện thể của y bằng tác động của Phi Ngã trên lớp vỏ đáp ứng của y, các hình chụp của thế giới bên ngoài. Do đó, thể trí, là hiện thể của Bản Ngã với tư cách là Chủ Thể Biết, đã được so sánh với một tấm gương, trong đó ta thấy các hình ảnh của mọi đối tượng được đặt trước nó. Chúng ta không biết chính sự vật mà chỉ biết hiệu quả được chúng tạo ra trong tâm thức của chúng ta; không biết các đối

tượng mà chỉ biết các hình ảnh của đối tượng, là những gì mà chúng ta có trong thể trí. Như tấm gương có vẻ như có các đối tượng trong nó, nhưng các đối tượng biểu kiến đó chỉ là các hình ảnh, các ảo tưởng được tạo ra bởi các tia sáng được phản chiếu từ các đối tượng chứ không phải chính các đối tượng; thể trí cũng thế, trong sự hiểu biết của nó về vũ trụ bên ngoài, nó chỉ biết các hình ảnh ảo huyền và không biết đúng sự vật.

Các hình ảnh này, được tạo ra trong hiện thể, được Chủ Thể Biết nhận thức là các đối tượng, và sự nhận thức này do sự mô phỏng của y về chúng trong chính y. Bây giờ, sự tương tự của cái gương, và việc sử dụng từ ngữ “sự phản chiếu” trong đoạn văn trước hơi sai lạc, vì hình ảnh của thể trí là một sự mô phỏng chứ không phải là một phản ảnh của đối tượng tạo ra nó. Chất trí thật ra được nắn thành một cái giống với vật thể được đưa ra cho nó, và cái vật giống này, đến lượt nó, được Chủ Thể Biết mô phỏng. Như thế, khi y biến đổi chính y thành một cái giống với một vật thể bên ngoài, y được nói để biết vật đó, nhưng trong trường hợp chúng ta đang xem xét, điều mà y biết chỉ là hình ảnh được đối tượng tạo ra trong hiện thể của y chứ không [12] phải là chính đối tượng. Và hình ảnh này không phải là một bản sao hoàn hảo của đối tượng, vì một lý do mà chúng ta sẽ xem xét trong chương kế tiếp.

Ta có thể nói, “nhưng điều đó sẽ luôn luôn như thế hay sao? Chúng ta sẽ không bao giờ biết đúng mọi việc hay sao?” Điều này đưa chúng ta tới sự phân biệt quan trọng giữa tâm thức và vật chất mà trong đó tâm thức đang hoạt động, và do điều này mà chúng ta có thể tìm thấy một câu trả lời cho câu hỏi tự nhiên đó của thể trí con người. Khi tâm thức, nhờ sự tiến hóa lâu dài, đã phát triển năng lực mô phỏng lại trong nó

mọi thứ tồn tại bên ngoài nó, bấy giờ, lớp vỏ vật chất mà trong đó tâm thức đã và đang hoạt động rơi đi, và tâm thức vốn là kiến thức, đồng nhất hóa Bản Ngã của nó với mọi Bản Ngã mà nó đã và đang phát triển giữa chúng, và thấy chỉ vật chất là Phi Ngã, vật chất này được liên kết giống nhau với mọi Bản Ngã một cách riêng biệt.

Đó là “Ngày sẽ đến với chúng ta” (“Day be with us”), là sự hợp nhất vốn là sự thắng lợi của tiến hóa, khi tâm thức biết nó và những người khác, và biết những người khác là chính nó. Nhờ tính giống nhau của bản thể, tri thức hoàn hảo được đạt đến, và Bản Ngã nhận thức trạng thái kỳ diệu mà ở đó sự đồng nhất không bị tàn lụi và ký ức không bị mất đi, nhưng ở đó sự chia rẽ tìm thấy sự kết thúc của nó, và chủ thể biết, sự biết và tri thức là một.

Chính bản chất phi thường này của Bản Ngã, đang phát triển trong chúng ta qua tri thức vào lúc này, mà chúng ta phải nghiên cứu, để hiểu bản chất của tư tưởng, và cần thấy rõ khía cạnh ảo tưởng để chúng ta có thể dùng [13] ảo tưởng để vượt qua ảo tưởng. Vì thế, bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu cách thức mà Sự Biết – là mối quan hệ giữa Chủ Thể Biết và Cái Được Biết – được thiết lập, và điều này sẽ khiến chúng ta quan sát rõ hơn vào bản chất của tư tưởng.

Chuỗi Sự kiện: Chủ Thể Biết, Sự Biết, và Cái Được Biết

Có một từ ngữ, là sự rung động, đang trở nên ngày càng là nguyên tắc chủ đạo của khoa học phương Tây, khi từ lâu nó đã là chủ âm của khoa học phương Đông. Sự vận động là căn nguyên của vạn vật. Sự sống là sự vận động; tâm thức là sự vận động. Và sự vận động ảnh hưởng vật chất thì là sự rung động. Chúng ta nghĩ Đấng Duy Nhất (the One), Đấng Tối Cao (the All) là Đấng Bất Biến, hoặc là Sự Vận Động

Tuyệt Đối, hoặc là Sự Bất Động, bởi vì trong Sự Duy Nhất thì không thể có sự vận động tương đối. Chỉ khi nào có sự biến phân, hay có các thành phần thì chúng ta mới có thể nghĩ tới điều mà chúng ta gọi là sự vận động, vốn là sự thay đổi vị trí liên tiếp của thời gian. Khi Một (One) trở thành Nhiều (Many) thì phát sinh sự vận động; khi có sự vận động nhịp nhàng, đều đặn thì ta có sức khỏe, tâm thức, sự sống, khi sự vận động không nhịp nhàng, không đều đặn thì ta có bệnh tật, sự vô ý thức, sự chết. Vì sự sống và cái chết là hai chị em sinh đôi, cùng được sinh ra từ sự vận động, là sự biểu lộ.

Sự vận động phải xuất hiện khi Một trở thành Nhiều; bởi vì, khi cái toàn hiện (có mặt ở khắp nơi) xuất hiện dưới hình thức là các phần tử riêng rẽ, sự vận động vô tận phải biểu trưng cho sự toàn hiện, hoặc, nói khác đi, phải là sự phản chiếu hay hình ảnh của nó trong vật chất. Căn bản của vật chất là sự chia rẽ, cũng như căn bản của tinh thần là sự thống nhất, và khi [14] cặp này (the twain) xuất hiện trong Một, như kem trong sữa, thì phản ánh của sự toàn hiện của Một đó trong vô số vật chất sẽ không ngừng, và sự vận động vô tận. Sự vận động tuyệt đối – sự hiện diện của mỗi đơn vị hoạt động ở mỗi điểm của không gian ở mỗi khoảnh khắc của thời gian – thì giống với sự nghỉ ngơi (rest), chỉ là sự nghỉ ngơi được nhìn theo một cách khác, từ quan điểm của vật chất thay vì từ quan điểm của tinh thần. Từ quan điểm của tinh thần, luôn luôn có Một, từ quan điểm của vật chất, luôn luôn có Nhiều.

Sự vận động vô tận này xuất hiện dưới hình thức các chuyển động, các rung động nhịp nhàng, trong vật chất biểu lộ nó, mỗi Jiva, hay đơn vị tâm thức riêng biệt, được biệt lập bởi một bức tường vật chất bao quanh, tách ra khỏi mọi Jiva

khác. Mỗi Jiva (²) được hiện thân hay được bao bọc trong nhiều y phục bằng vật chất. Khi các y phục vật chất này rung động, chúng truyền các rung động của chúng tới vật chất xung quanh chúng, vật chất như thế trở thành phương tiện mà trong đó các rung động được mang ra ngoài. và phương tiện này, đến lượt nó, truyền xung lực của rung động tới các y phục bao quanh một Jiva khác, và như vậy nó làm cho Jiva đó rung động như Jiva đầu tiên. Trong loạt các rung động này – bắt đầu trong một Jiva, được thực hiện trong thể xác bao quanh nó, được thể xác tiếp tục gửi tới trung gian xung quanh nó, được trung gian đó truyền tới một thể xác khác, [15] và từ thể xác thứ hai đó tới Jiva mà nó bao quanh – chúng ta có chuỗi các rung động mà nhờ đó Jiva này biết Jiva khác. Jiva thứ hai biết Jiva thứ nhất vì y tái tạo Jiva thứ nhất trong chính y, và như vậy, trải nghiệm như Jiva thứ nhất trải nghiệm. Tuy nhiên, có một sự khác nhau. Vì Jiva thứ hai của chúng ta đã ở trong một tình trạng rung động, và trạng thái vận động của y sau khi nhận xung lực từ Jiva thứ nhất không chỉ là một sự lặp lại đơn thuần xung động đó, mà là một sự kết hợp sự vận động nguyên thủy riêng của y với sự vận động được áp đặt lên y từ bên ngoài, và đó không phải là một sự mô phỏng hoàn hảo. Sự giống nhau được đạt đến, luôn luôn càng lúc càng giống hơn, nhưng sự đồng nhất luôn luôn lẫn tránh chúng ta, chừng nào mà các y phục còn tồn tại.

² Không có từ tiếng Anh nào thích hợp cho "một đơn vị tâm thức tách biệt" ("a separated unit of consciousness") – "tinh thần" ("spirit") và "linh hồn" ("soul") bao hàm các đặc trưng khác nhau trong các trường phái tư tưởng khác nhau. Do đó, tôi sẽ mạo muội sử dụng cái tên Jiva, thay vì cụm từ vụng về "một đơn vị tâm thức tách biệt".

Chuỗi các ảnh hưởng rung động thường được thấy trong thiên nhiên. Một ngọn lửa ở một trung tâm của hoạt động rung động trong chất ête được chúng ta gọi tên là nhiệt; các rung động này, hay các sóng nhiệt, ném ête xung quanh vào những cơn sóng như tới chính chúng, những cơn sóng này khiến cho ête trong một miếng sắt nằm gần thành những sóng tương tự, và các hạt của chúng rung động dưới xung lực của chúng, và vì thế sắt trở nên nóng và đến lượt nó trở thành một nguồn nhiệt. Cũng thế, một loạt các rung động chuyển từ một Jiva đến một Jiva khác, và mọi sinh linh được liên kết nhau bởi mạng lưới tâm thức này.

Vì thế, một lần nữa theo tính chất vật lý, chúng ta phân biệt nhiều loại rung động khác nhau bằng những tên khác nhau, cái là ánh sáng, cái khác là nhiệt, cái khác nữa là điện, rồi là âm thanh, v.v...; tuy nhiên, tất cả đều có cùng bản chất, tất cả đều là các phương cách vận động trong ête ⁽³⁾, mặc dù chúng khác nhau về [16] tốc độ và về đặc tính của các sóng.

Tư tưởng, Dục vọng và Hành động, là các biểu lộ linh hoạt trong vật chất của Tri Thức, Ý muốn và Năng lượng, tất cả đều có cùng bản chất, nghĩa là, tất cả đều được làm bằng những rung động nhưng khác nhau theo các hiện tượng của chúng, do đặc tính các rung động khác nhau. Có một nhóm rung động theo một loại vật chất cụ thể, và với một đặc tính nhất định, và chúng ta gọi nhóm này là các rung động tư tưởng. Một nhóm khác được nói đến là các rung động dục vọng, một nhóm khác nữa là các rung động hành động. Những tên gọi này diễn tả một số sự kiện trong thiên nhiên. Có một loại ête nào đó được ném vào rung động, và các rung động của nó ảnh hưởng đến mắt của ta, chúng ta gọi chuyển

³ Âm thanh chủ yếu là một rung động của ête.

động đó là ánh sáng. Có một loại ête khác tinh anh hơn nhiều được đưa vào rung động, các rung động này được nhận thức, nghĩa là, được đáp ứng bởi thể trí, và chúng ta gọi chuyển động đó là tư tưởng. Chúng ta được bao quanh bởi vật chất có độ đậm đặc khác nhau và chúng ta đặt tên cho các chuyển động trong nó khi chúng ảnh hưởng chúng ta, được đáp ứng bởi những cơ quan khác nhau của các thể thô trước hoặc tinh anh của chúng ta. Chúng ta đặt tên “ánh sáng” những chuyển động tác động lên mắt; chúng ta đặt tên “tư tưởng” những chuyển động ảnh hưởng một cơ quan khác là thể trí. “Việc thấy” xảy ra khi ête ánh sáng được nắn tạo thành các sóng từ một vật đến mắt của chúng ta; “việc suy nghĩ” xảy ra khi ête tư tưởng được nắn tạo thành sóng giữa đối tượng và thể trí của chúng ta. Loại này không bí hiểm nhiều hơn hoặc ít hơn so với loại kia.

Khi bàn về thể trí, chúng ta sẽ thấy rằng những biến đổi trong việc sắp xếp các vật liệu của nó được gây ra bởi một tác động của các sóng tư tưởng, và trong [17] việc suy tư cụ thể, chúng ta lại trải nghiệm các tác động xuất phát từ bên ngoài. Chủ Thể Biết tìm thấy hoạt động của y trong các rung động này, và tất cả những gì mà chúng ta có thể đáp ứng, nghĩa là, tất cả những gì mà chúng có thể mô phỏng, là Tri Thức. Tư tưởng là một sự mô phỏng bên trong thể trí của Chủ Thể Biết về những gì không phải là Chủ Thể Biết, không phải là Bản Ngã; nó là một bức tranh, được tạo ra bởi một sự kết hợp các chuyển động-sóng, một hình ảnh, hoàn toàn theo nghĩa đen. Một phần của Phi Ngã rung động, và khi Chủ Thể Biết rung động đáp ứng, phần đó trở thành cái được biết; vật chất rung động giữa chúng làm cho việc biết có thể xảy ra bằng việc đặt chúng tiếp xúc với nhau. Như thế chuỗi Chủ Thể Biết, Cái Được Biết và Việc Biết được thiết lập và được duy trì.

CHƯƠNG II – KẺ TẠO RA ẢO TƯỢNG

“Khi đã trở nên lãnh đạm với các đối tượng nhận thức, đệ tử phải tìm cho ra vị Chúa Tể của các Giác Quan, Kẻ Tạo Tác Tư Tượng, chính y là người đánh thức ảo tượng.

Thế Trí là kẻ sát nhân vĩ đại của Sự Thật.”

Một trong các đoạn văn được bà H.P.B dịch từ Kim Huấn Thư viết như thế, áng văn tuyệt tác đó là một trong những món quà quý giá nhất của bà cho thế gian. Và không có danh hiệu nào có ý nghĩa hơn cho thế trí so với danh hiệu này: “kẻ tạo ra ảo tượng”.

Cái Trí không phải là Chủ Thể Biết, và chúng ta nên phân biệt cẩn thận Thế Trí với Chủ Thể Biết. Nhiều sự nhầm lẫn và khó khăn làm rối trí môn sinh nổi lên vì y không nhớ sự phân biệt giữa y, là người biết, với thế trí, là khí cụ để y có được sự hiểu biết. Điều đó giống như nhà điêu khắc bị đồng hóa với cái đục của ông.

Về căn bản, cái trí có hai phần và là vật chất, phần được cấu tạo bằng một lớp vỏ chứa vật chất tinh anh thì được gọi là thể nguyên nhân, tức là trí trừu tượng, và phần được cấu tạo bằng một lớp vỏ chứa vật chất thô trực hơn, được gọi là thế trí, tức trí cụ thể – bản thân cái trí này [19] là một phản ảnh trong vật chất nguyên tử của trạng thái đó của Bản Ngã là Tri Thức. Thế trí này giới hạn Jiva, vốn, khi ngã thức gia tăng, thấy y bị nó ngăn trở trên mọi mặt. Khi một người, để thực hiện một mục đích nào đó, có thể mang găng tay dày, và thấy rằng bàn tay của y trong găng tay đã mất nhiều năng lực cảm giác, sự tiếp xúc khéo léo của chúng, khả năng nhặt lên những đồ vật nhỏ, và chỉ có thể nắm những đồ vật lớn và

cảm giác các va chạm nặng nề, điều đó cũng thể với Chủ Thể Biết khi y khoắc vào thể trí. Bàn tay ở đó và còn thêm cái găng, nhưng các khả năng của nó giảm đi nhiều; Chủ Thể Biết ở đó và còn thêm thể trí, nhưng các năng lực của y bị hạn chế nhiều trong việc biểu lộ của chúng.

Chúng ta sẽ giới hạn thuật ngữ thể trí (the mind) trong các đoạn văn sau đây vào trí cụ thể.

Thể trí là kết quả của việc suy nghĩ trong quá khứ, và đang thường xuyên bị biến đổi bởi việc suy nghĩ trong hiện tại; nó là một vật, chính xác và rõ ràng, với vài năng lực và các khiếm khuyết, sức mạnh và sự yếu đuối, vốn là thành quả của những hoạt động trong các kiếp trước. Chính vì chúng ta đã tạo ra nó, chúng ta không thể thay đổi nó, trừ khi là từ từ, chúng ta không thể vượt qua nó bằng một nỗ lực của ý chí, chúng ta không thể ném nó qua một bên, cũng không thể loại bỏ những bất toàn của nó ngay tức thì. Nó là thể, nó là của chúng ta, một phần của Phi Ngã được dành riêng và được tạo hình cho việc sử dụng riêng của chúng ta, và chỉ qua nó mà chúng ta có thể hiểu biết.

Mọi kết quả của những suy nghĩ trong quá khứ của chúng ta hiện diện với chúng ta dưới hình thức thể trí, và mỗi thể trí có tốc độ rung động riêng của nó, [20] phạm vi rung động riêng của nó, và ở trong trạng thái chuyển động không ngừng, đưa ra một loạt các hình ảnh luôn luôn thay đổi. Mỗi ấn tượng đến với chúng ta từ bên ngoài được tạo ra trên khối cầu linh hoạt sẵn này, và đa số các rung động hiện có biến đổi và bị biến đổi bởi ấn tượng mới đến. Do đó, kết quả không phải là một sự mô phỏng chính xác các rung động mới mà là một sự kết hợp của nó với các rung động có sẵn trước đó. Một lần nữa, chúng ta mượn một thí dụ minh họa về ánh sáng. Nếu chúng ta cầm một miếng gương đỏ trước mắt

chúng ta và nhìn vào những vật màu lục, chúng sẽ hiện ra là màu đen cho chúng ta. Các rung động cho chúng ta cảm giác về màu đỏ bị cắt đi bởi các rung động cho chúng ta cảm giác về màu lục và mắt bị lừa dối thành ra thấy đồ vật là màu đen. Cũng thế, nếu chúng ta nhìn một vật màu xanh lơ qua một tấm kính màu vàng, chúng ta sẽ thấy nó màu đen. Trong mỗi trường hợp, một trung gian có màu sẽ gây ra một ấn tượng về màu sắc khác với màu của đồ vật được nhìn bằng mắt thường. Ngay cả việc nhìn các vật với mắt thường, nhiều người thấy chúng hơi khác đi, vì bản thân mắt biến đổi các rung động mà nó tiếp nhận nhiều hơn so với nhiều người tưởng tượng. Ảnh hưởng của thể trí với vai trò là một trung gian mà qua nó Chủ Thể Biết nhìn thế giới bên ngoài thì rất giống với ảnh hưởng của tấm kính màu lên các màu sắc của các đồ vật được nhìn qua nó. Chủ Thể Biết không ý thức về ảnh hưởng này của thể trí, giống như một người không bao giờ nhìn thấy, ngoại trừ qua những tấm kính màu đỏ hay xanh lơ, sẽ không ý thức về những thay đổi bị chúng làm ra trong các màu sắc của một cảnh vật.

[21] Chính ở cảm thức thiên cận và hiển nhiên này mà thể trí được gọi là “kẻ tạo ra ảo tưởng”. Nó chỉ trình bày cho chúng ta các hình ảnh bị biến dạng, một sự kết hợp của chính nó và đối tượng bên ngoài. Thật ra, theo một ý nghĩa sâu xa hơn nhiều, “kẻ tạo ra ảo tưởng” là ở chỗ các hình ảnh bị biến dạng này chỉ là những hình ảnh của các vẻ bề ngoài chứ không phải của các thực tại; cái bóng của những cái bóng là tất cả những gì mà nó cung cấp cho chúng ta. Nhưng điều đó sẽ đủ cho chúng ta vào lúc này để xem xét các ảo tưởng được tạo ra bởi bản chất riêng của nó.

Ý tưởng của chúng ta về thế giới sẽ rất khác nếu chúng ta có thể biết đúng bản chất của nó, ngay cả trong khía cạnh

hiện tượng của nó, thay vì qua các rung động bị thể trí biến đổi. Và điều này không phải không thể có, mặc dù nó chỉ có thể được thực hiện bởi những người đã tiến bộ rất nhiều trong việc kiểm soát thể trí. Các rung động của thể trí có thể được làm tĩnh lặng, tâm thức được rút ra khỏi nó; một tác động từ bên ngoài khi đó sẽ tạo ra một hình ảnh đúng một cách chính xác với nó, các rung động này giống về tính chất và số lượng, không bị trộn lẫn với các rung động thuộc về người quan sát. Hoặc, tâm thức có thể đi ra, và ghi khắc vật được quan sát vào tâm hồn (ensoul), và như vậy, trải nghiệm trực tiếp các rung động của nó. Trong cả hai trường hợp, ta có được một hiểu biết thật sự về hình tướng. Ý tưởng trong thế giới của thực tại (noumena), mà hình tướng của nó biểu lộ một khía cạnh hiện tượng, cũng có thể được biết, nhưng chỉ bằng tâm thức đang hoạt động trong thể nguyên nhân, không bị cản trở bởi trí cụ thể hay các hiện thể thấp.

[22] Sự thật là chúng ta chỉ biết các cảm tưởng của chúng ta về sự vật chứ không phải chính sự vật – ngoại trừ như vừa được nói – là điều có tầm quan trọng sống còn khi nó được áp dụng vào đời sống thực tế. Điều này dạy chúng ta tính khiêm tốn và thận trọng, và tính sẵn sàng lắng nghe các ý tưởng mới. Chúng ta phải bỏ đi sự chắc chắn có tính bản năng của chúng ta là các nhận xét của chúng ta là đúng, và học cách phân tích chính chúng ta trước khi chúng ta lên án người khác.

Một thí dụ minh họa có thể dùng để làm ý tưởng này rõ ràng hơn.

Tôi gặp một người mà hoạt động rung động của người này thể hiện theo một cách bổ túc cho rung động của riêng tôi. Khi chúng tôi gặp nhau, chúng tôi phá hủy nhau; do đó, chúng tôi không thích nhau, chúng tôi không thấy bất cứ

điều gì trong nhau, và chúng tôi tự hỏi tại sao một người nào đó lại nghĩ người kia quá thông minh khi chúng tôi nhận thấy nhau là quá ngu ngốc. Bây giờ, nếu tôi đã có một chút sự tự tri, sự ngạc nhiên này sẽ được kiểm soát, trong chừng mực liên quan đến tôi. Thay vì nghĩ rằng người kia ngu ngốc, tôi sẽ tự hỏi: “Tôi đang thiếu điều gì mà tôi không thể đáp ứng với rung động của người đó? Cả hai chúng tôi đang rung động, và nếu tôi không hiểu cuộc sống và tư tưởng của y, đó là vì tôi không thể mô phỏng các rung động của y. Tại sao tôi có thể phê phán y vì tôi không thể biết y, cho đến khi tôi sửa đổi chính tôi đủ để có thể chấp nhận y?” Chúng ta không thể sửa đổi người khác nhiều, nhưng chúng ta có thể sửa đổi chính chúng ta một cách đáng kể, và chúng ta nên liên tục cố gắng để mở rộng khả năng tiếp nhận của chúng ta. Chúng ta phải trở thành như ánh sáng trắng mà mọi màu sắc đều có trong đó, mà không làm biến dạng màu nào vì nó không loại bỏ màu nào, và có trong chính nó năng lực [23] đáp ứng với từng màu. Chúng ta có thể đo lường sự đến gần của chúng ta với sắc trắng bằng năng lực đáp ứng của chúng ta với những tính cách đa dạng nhất.

THỂ HẠ TRÍ

Bây giờ chúng ta chuyển sang sự cấu tạo của thể trí với vai trò là một cơ quan tâm thức trong trạng thái của nó là Chủ Thể Biết, và xem sự cấu tạo này là gì, chúng ta đã tạo thể trí trong quá khứ như thế nào, chúng ta có thể thay đổi nó như thế nào trong hiện tại.

Trạng thái trí tuệ, trên phương diện sự sống, là manas, và manas là sự phản ánh của Bản Ngã với tư cách là Chủ Thể

Biết, trong vật chất nguyên tử của cõi thứ ba ⁽⁴⁾ (hay cõi trí) của trạng thái có thể nhận thức được của Bản Ngã.

Trên phương diện sắc tướng, trạng thái trí tuệ này thể hiện hai trạng thái, chi phối một cách riêng biệt hoạt động của manas, là tâm thức hoạt động trên cõi trí. Các trạng thái này là do những tập hợp vật chất của cõi trí được thu hút xung quanh trung tâm rung động của nguyên tử. Vật chất này, theo bản chất và cách sử dụng của nó, được chúng ta gọi là chất trí, hay chất tư tưởng. Chất trí tạo nên một vùng lớn của vũ trụ, thấu nhập lẫn nhau với vật chất cõi cảm dục và cõi trần, và tồn tại thành bảy cõi phụ, giống như các trạng thái của vật chất trên cõi trần; nó chủ yếu đáp ứng với các rung động đến từ trạng thái của Bản Ngã, là Tri Thức, và trạng thái này áp đặt lên nó các tính chất của nó.

Trạng thái thứ nhất – và cao hơn – của phương diện sắc tướng của trạng thái trí tuệ được gọi là thể nguyên nhân. Nó gồm [24] vật chất của cõi phụ thứ năm và thứ sáu của cõi trí (là cõi phụ thứ 2 và thứ 3 theo Chân Sư D.K.), tương ứng với các cõi phụ dĩ thái thanh mịn của cõi trần. Thể nguyên nhân này ít phát triển ở đa số người trong giai đoạn tiến hóa hiện tại, vì nó vẫn không bị ảnh hưởng bởi các hoạt động trí tuệ được hướng tới các sự vật bên ngoài, do đó, chúng ta có thể để nó sang một bên vào lúc này. Thật ra, nó là cơ quan cho tư tưởng trừu tượng.

Trạng thái thứ nhì được gọi là thể trí, và gồm chất liệu tư tưởng thuộc về bốn cõi phụ của cõi trí, tương ứng với cõi

⁴ Bà A. Besant đánh số các cõi từ dưới lên trong khi Chân Sư D.K. và những người khác đánh số từ trên xuống. Do đó, cõi trí theo bà là cõi thứ ba, nhưng trong các sách của Chân Sư D.K. thì là cõi thứ năm – ND.

phụ dĩ thái thấp nhất và các trạng thái vật chất: khí, lỏng và đặc trên cõi trần. Quả thật nó có thể được gọi là thể trí đậm đặc. Các thể trí cho thấy 7 loại căn bản lớn, mỗi loại bao gồm các hình tướng ở mỗi giai đoạn phát triển, và tất cả đều tiến hóa và tăng trưởng dưới các định luật như nhau, Hiểu và áp dụng các định luật này là làm thay đổi sự tiến hóa chậm chạp tự nhiên sang sự tăng trưởng nhanh chóng bởi trí thông tuệ tự quyết định. Đó là tầm quan trọng sâu xa của việc khảo cứu về chúng.

VIỆC KIẾN TẠO VÀ SỰ TIẾN HÓA CỦA THỂ TRÍ

Phương pháp mà tâm thức dùng để kiến tạo hiện thể của nó nên được hiểu rõ, vì mỗi ngày mỗi giờ của đời sống đều cung cấp cơ hội cho việc áp dụng nó cho các mục đích cao siêu. Trong khi thức hay ngủ, [25] chúng ta luôn luôn kiến tạo thể trí của chúng ta, vì khi tâm thức rung động, nó ảnh hưởng chất trí xung quanh nó, và mỗi cái run rẩy của tâm thức, dù nó chỉ do một tư tưởng thoáng qua, cũng rút vào trong thể trí vài hạt chất trí, và giữ ra khỏi nó các hạt khác. Trong phạm vi hiện thể – thể xác – có liên quan, đây là do sự rung động; nhưng đừng nên quên rằng chính bản chất của tâm thức thường xuyên đồng nhất hóa nó với Phi Ngã và cũng thường xuyên tái khẳng định nó bằng cách bác bỏ Phi Ngã, tâm thức bao gồm sự khẳng định và sự phủ định luân phiên nhau, “Tôi là cái này”, “Tôi không phải là cái này”; đó là sự vận động của nó và nó gây ra, trong vật chất, việc hút và đẩy mà chúng ta gọi là sự rung động. Vật chất xung quanh cũng bị ném vào các cơn sóng, vì vậy dùng như một trung gian để ảnh hưởng các tâm thức khác.

Bây giờ, sự thanh mảnh hay thô trực của vật chất được chiếm hữu như thế phụ thuộc tính chất của các rung động do

tâm thức tạo ra. Những tư tưởng thanh khiết và cao thượng gồm những rung động nhanh, và chỉ có thể ảnh hưởng các cấp độ chất trí hiểm và tinh anh. Các cấp độ thô trực vẫn không bị ảnh hưởng, vì không thể rung động ở tốc độ cần thiết. Khi một tư tưởng như thế làm cho thể trí rung động, các hạt của vật chất thô trực bị giữ ra khỏi thể trí, và chỗ của chúng được thay thế bởi những hạt ở các cấp độ thanh khiết hơn, và như thế các vật chất tốt đẹp hơn được gắn vào thể trí. Tương tự, các tư tưởng kém đạo đức và xấu xa rút vào thể trí những vật liệu thô trực hơn [26] thích hợp cho sự biểu lộ riêng của chúng, và các vật liệu này đẩy và đuổi ra các loại vật liệu thanh mảnh hơn.

Như thế, các rung động tâm thức này luôn luôn giữ ra một loại vật chất này và gắn vào một loại vật chất khác. Và do đó, như một hậu quả tất nhiên, tùy theo loại vật chất mà chúng ta đã kiến tạo vào thể trí của chúng ta trong quá khứ, sẽ là năng lực đáp ứng của chúng ta với các tư tưởng mà bây giờ đến với chúng ta từ bên ngoài. Nếu thể trí của chúng ta gồm những vật liệu thanh mảnh, các tư tưởng thô trực và xấu xa sẽ không được đáp ứng, và do đó, không thể gây ra tổn hại nào; trong khi nếu chúng được kiến tạo với các vật liệu thô trực, chúng sẽ bị ảnh hưởng bởi mỗi điều xấu đi qua và sẽ vẫn như cũ, không đáp ứng với và không được lợi lộc gì bởi điều tốt lành.

Khi chúng ta tiếp xúc với người có những tư tưởng cao quý, các rung động tư tưởng của người này, tác động lên chúng ta, kích thích các rung động của vật chất như thế trong thể trí của chúng ta như là khả năng đáp ứng, và những rung động này gây cản trở, và thậm chí giữ ra ngoài một số vật chất quá thô trực, để rung động ở tốc độ hoạt động cao của người đó. Lợi ích mà chúng ta nhận được từ người đó như

vậy tùy thuộc phần lớn vào việc tư duy của chính chúng ta trong quá khứ, và “sự hiểu biết” của chúng ta về người ấy, sự đáp ứng của chúng ta bị những điều này chi phối. Chúng ta không thể suy nghĩ cho nhau; người đó chỉ có thể suy nghĩ về những tư tưởng riêng của người đó, nhờ thế tạo ra sự rung động tương ứng trong chất trí xung quanh y, và những rung động này tác động lên chúng ta, thiết lập trong thể trí của chúng ta những rung động cộng hưởng. Những rung động này ảnh hưởng đến tâm thức. Một người suy tư bên ngoài [27] chúng ta chỉ có thể ảnh hưởng tâm thức chúng ta bằng việc kích thích các rung động này trong thể trí của chúng ta.

Nhưng sự hiểu biết tức thì không luôn luôn theo sau việc tạo ra các rung động như thế, được gây ra từ bên ngoài. Đôi khi hiệu quả này giống như hiệu quả của mặt trời, và mưa, và đất trên hạt giống được vùi trong đất. Không có sự đáp ứng hữu hình lúc đầu với các rung động tác động trên hạt giống; nhưng bên trong có một sự run rẩy nhỏ bé của sự sống trỗi lên, và sự run rẩy đó sẽ ngày càng phát triển mạnh hơn ngày qua ngày, cho đến khi sự sống đang phát triển bật tung lớp vỏ của hạt giống và đưa ra cái rễ nhỏ và phần sinh trưởng. Với thể trí thì cũng thế. Tâm thức run rẩy yếu ớt bên trong chính nó, trước khi nó có thể đưa ra sự đáp ứng nào với các tác động lên nó; và khi chúng ta chưa có thể hiểu một người có tư tưởng thanh cao, tuy nhiên, trong chúng ta có một sự run rẩy vô thức là dấu hiệu đi trước của một sự đáp ứng hữu thức. Chúng ta rời khỏi một một sự hiện diện vĩ đại thì chúng ta gần hơn một chút với đời sống tư tưởng phong phú đang chảy ra từ nó so với trước khi chúng ta đi vào nó, và các hạt giống tư tưởng đã được sinh động trong chúng ta, và thể trí của chúng ta được giúp đỡ trong sự tiến hóa của chúng.

Vậy thì, một điều gì đó, trong việc kiến tạo và sự tiến hóa của thể trí chúng ta, có thể được thực hiện từ bên ngoài, nhưng hầu hết phải là kết quả từ những hoạt động của chính tâm thức của chúng ta; và nếu chúng ta muốn có thể trí mạnh mẽ, được truyền sinh lực đầy đủ, tích cực, có thể nắm bắt những tư tưởng cao thượng được đưa ra cho chúng ta, thì chúng ta phải hoạt động ổn định trong việc suy tư chính đáng, vì chúng ta là những nhà xây dựng của chính chúng ta, và uốn nắn thể trí của chúng ta cho chính chúng ta.

[28] Nhiều người là những độc giả tuyệt vời. Mà việc đọc không kiến tạo thể trí; chỉ có tư tưởng mới kiến tạo nó mà thôi. Việc đọc chỉ có giá trị khi nó cung cấp vật liệu cho tư tưởng. Một người có thể đọc nhiều, nhưng sự tăng trưởng trí tuệ của y sẽ tỉ lệ với số lượng tư tưởng mà y sử dụng trong việc đọc của y. Đối với y, giá trị của tư tưởng mà y đọc tùy thuộc vào việc y sử dụng nó. Trừ khi y hiểu tư tưởng đó và tự y tiếp tục tác động lên nó, nếu không thì đối với y, giá trị của nó sẽ nhỏ bé và thoáng qua. Ngài Bacon có nói: “Việc đọc tạo nên một người no nề”, và điều đó hợp với thể trí cũng như với thể xác. Việc ăn làm cho đầy bao tử, nhưng bữa ăn là vô ích đối với thể xác trừ khi nó được tiêu hóa và được đồng hóa, cũng vậy, thể trí có thể được làm đầy bằng việc đọc, nhưng trừ khi có tư tưởng, không có sự đồng hóa những gì được đọc, và thể trí không phát triển nhờ đó – không, nó có thể đau khổ vì sự quá tải, và làm yếu đi hơn là làm mạnh thêm dưới một gánh nặng của các ý tưởng không được đồng hóa.

Chúng ta nên đọc ít và suy nghĩ nhiều, nếu chúng ta muốn thể trí của chúng ta tăng trưởng và trí thông minh của chúng ta phát triển. Nếu chúng ta nhiệt tâm trong việc trau dồi thể trí của chúng ta, chúng ta nên dùng một giờ mỗi ngày

trong việc nghiên cứu một cuốn sách đạo lý có sức thuyết phục nào đó, và, khi đọc được năm phút, chúng ta nên suy nghĩ trong mười phút, và tiếp tục như thế suốt một giờ. Cách thông thường là đọc nhanh chóng trong một giờ và để cuốn sách qua một bên cho đến giờ đọc kế tiếp. Do đó, người ta phát triển quyền năng tư tưởng rất chậm chạp.

[29] Một trong những việc rõ rệt nhất trong phong trào Thông Thiên Học là sự tăng trưởng trí tuệ đáng chú ý năm này qua năm khác trong các hội viên của phong trào này. Điều này phần lớn do sự kiện là họ được dạy về bản chất của tư tưởng; họ bắt đầu hiểu đôi chút về các hoạt động của nó, và tự họ quyết định xây dựng thể trí của họ thay vì để cho chúng phát triển theo tiến trình tự nhiên của thiên nhiên. Môn sinh khao khát tăng trưởng nên quyết tâm rằng không ngày nào trôi qua mà không có ít nhất năm phút cho việc đọc và mười phút cho việc suy nghĩ tích cực về những gì đã đọc. Trước tiên, y sẽ nhận thấy nỗ lực này buồn chán và khó nhọc, và y sẽ phát hiện điểm yếu của năng lực tư tưởng của y. Sự khám phá này đánh dấu bước đầu tiên của y, vì nhiều người thấy rằng họ không thể suy nghĩ một cách kiên trì và liên tục. Người không thể suy nghĩ nhưng lại tưởng rằng họ có thể thì không tiến bộ nhiều được. Tốt hơn là biết được điểm yếu của y hơn là tưởng tượng là y mạnh trong khi y thật là yếu ớt. Sự nhận thức về nhược điểm – là tính lang thang của thể trí, cảm giác về hơi nóng, sự lộn xộn, và sự mệt mỏi đến trong não bộ sau một nỗ lực kéo dài để theo đuổi đến cùng một đường lối tư tưởng khó khăn, cả bốn dấu hiệu này tiếp diễn với cảm giác tương tự trong các bắp cơ sau một việc sử dụng cơ bắp mạnh mẽ. Với sự luyện tập thường xuyên và kiên trì – nhưng không quá mức – năng lực tư tưởng phát triển, nó cũng được đặt dưới sự kiểm soát, và có thể được điều khiển tới các mục

tiêu xác định. Không có việc suy tư này, thể trí sẽ vẫn có cấu tạo lỏng lẻo và thiếu tổ chức, không [30] đạt được sự định trí – là năng lực cố định tư tưởng vào một điểm xác định – năng lực tư tưởng không thể được rèn luyện chút nào cả.

CHƯƠNG III – VIỆC CHUYỂN DI TƯ TƯỞNG

Hầu hết mọi người thời nay đều nôn nóng thực hành việc chuyển di tư tưởng, và mơ ước các niềm vui giao tiếp với một người bạn ở xa mà không cần sự hỗ trợ của điện tín hay thư từ. Nhiều người có vẻ nghĩ rằng họ có thể hoàn thành công việc với rất ít cố gắng, và khá ngạc nhiên khi họ gặp thất bại hoàn toàn trong những nỗ lực của họ. Tuy nhiên, rõ ràng rằng một người phải có thể suy nghĩ trước khi y có thể chuyển di tư tưởng, và cần phải có một năng lực tư duy ổn định nào đó để gửi đi một dòng tư tưởng qua không gian. Các tư tưởng yếu ớt, không dứt khoát của đa số người chỉ gây ra các rung động chập chờn trong không khí tư tưởng, xuất hiện và biến mất từng phút, không làm phát sinh một hình thức rõ ràng nào và được phú cho sinh lực thấp nhất. Một hình tư tưởng phải được cắt gọt rõ ràng và có sinh lực đầy đủ nếu nó được đẩy theo bất kỳ hướng rõ rệt nào, và đủ mạnh khi tới điểm đến của nó, để thiết lập ở đó một bản sao của chính nó.

Có hai phương pháp chuyển di tư tưởng, một phương pháp có thể được nhận ra – có tính vật lý, còn phương pháp kia có tính tâm linh, một phương pháp thuộc về não bộ [32] cũng như là thể trí, phương pháp kia chỉ thuộc về thể trí. Một tư tưởng có thể được sinh ra bởi tâm thức, gây ra sự rung động trong thể trí, rồi đến thể cảm dục, tạo nên những con

sóng trong thể dĩ thái, rồi đến các phân tử đậm đặc của não bộ; chất ête của cõi trần bị ảnh hưởng bởi các rung động não bộ này, và các con sóng chuyển ra ngoài, cho đến khi chúng đến một não bộ khác và thiết lập những rung động trong các phần ête đậm đặc của nó. Bởi việc tiếp nhận đó, các rung động của não bộ được tạo ra trong thể cảm dục và tiếp theo là trong thể trí được gắn bó với nó, và các rung động trong thể trí tạo ra sự run rẩy đáp ứng trong tâm thức. Đó là nhiều giai đoạn của vòng cung mà một tư tưởng đi qua. Nhưng việc đi qua một “đường vòng” này thì không cần thiết. Tâm thức này có thể, khi tạo ra những rung động trong thể trí, hướng những rung động đó thẳng tới thể trí của tâm thức nhận, như vậy tránh sự lòng vòng vừa được mô tả.

Chúng ta hãy xem điều gì xảy ra trong trường hợp đầu.

Có một cơ quan nhỏ trong não, là tuyến tùng quả, chức năng của nó không được các nhà sinh lý học phương Tây biết, và các nhà tâm lý học phương Tây thì không quan tâm đến. Đó là một cơ quan còn phôi thai trong hầu hết mọi người, nhưng nó đang phát triển, chứ không phải đang thoái hóa, và có thể đẩy nhanh sự tiến hóa của nó vào một tình huống mà trong đó, nó có thể thực hiện chức năng riêng của nó, chức năng mà, trong tương lai, nó sẽ hoạt động trong mọi người. Nó là cơ quan dành cho việc chuyển di tư tưởng, cũng như mắt là cơ quan thị giác hay tai là cơ quan thính giác.

[33] Nếu người nào đó suy nghĩ rất chăm chú vào chỉ một ý tưởng, với sự tập trung và chú ý liên tục, y sẽ trở nên có ý thức về một sự run rẩy nhẹ nhàng hoặc một cảm giác râm ran – nó được so sánh với việc bò râm ran của một con kiến – ở tuyến tùng quả. Sự run rẩy này diễn ra trong chất ête thấm nhập vào tuyến, và gây ra một luồng từ điện nhẹ làm phát sinh cảm giác râm ran trong các phân tử đậm đặc của

tuyến. Nếu tư tưởng đủ mạnh để gây ra dòng từ điện, bấy giờ người suy tư biết rằng y đã thành công trong việc mang tư tưởng của y tới một mức nổi bật và một sức mạnh làm cho nó có thể truyền đi.

Sự rung động đó trong ête của tuyến tủy quả tạo nên những gợn sóng trong ête chung quanh, giống như các sóng ánh sáng, chỉ là nhỏ hơn nhiều và nhanh hơn. Các gợn sóng này đi ra theo mọi hướng, đặt ête vào trong chuyển động, và các sóng ête này, tuần tự, tạo ra các gợn sóng trong ête của tuyến tủy trong một bộ não khác, và từ đó được truyền tới thể cảm dục và thể trí theo sự lần lượt thông thường, theo đó đến tận tâm thức. Nếu tuyến tủy thứ hai này không thể tái tạo các gợn sóng này, bấy giờ tư tưởng sẽ đi qua, không được chú ý, không tạo được ấn tượng nào, như các sóng ánh sáng tạo một ấn tượng lên mắt của một người mù.

Trong phương pháp thứ hai của việc chuyển di tư tưởng, chủ thể tư tưởng, đã tạo ra một hình tư tưởng trên cõi riêng của y, nhưng không gửi nó xuống não bộ, mà hướng nó trực tiếp tới một chủ thể tư tưởng khác trên cõi trí. Năng lực để làm điều này một cách chủ tâm hàm ý một [34] sự tiến hóa trí tuệ cao hơn nhiều so với phương pháp chuyển di tư tưởng theo tự nhiên, vì người gửi phải tự ý thức trên cõi trí để thực hiện hoạt động này một cách có hiệu biết.

Nhưng quyền năng này được mỗi người chúng ta liên tục thực hành một cách gián tiếp và vô thức, vì mọi suy nghĩ của chúng ta gây ra những rung động trong thể trí, mà do bản chất của các sự vật, phải được lan truyền rộng rãi qua chất trí chung quanh. Và không có lý do nào để giới hạn từ ngữ “sự chuyển di tư tưởng” vào “sự truyền chuyển hữu thức và có chủ ý” của một tư tưởng đặc biệt từ một người này tới một người khác. Tất cả chúng ta liên tục ảnh hưởng lẫn

nhau bởi những làn sóng tư tưởng này, được phóng ra ngoài mà không có ý định rõ rệt nào, và điều được gọi là công luận phần lớn được tạo ra theo cách này. Hầu hết mọi người suy tư theo những đường lối nào đó, không bởi vì họ đã nghĩ ra cẩn thận một vấn đề và đi đến một kết luận, mà vì có số lượng lớn người đang suy nghĩ theo những đường lối đó, và mang những người khác theo với họ. Tư tưởng mạnh mẽ của một nhà tư tưởng lớn phóng ra vào thế giới tư tưởng, và được bắt lấy bởi những thể trí dễ tiếp thu và dễ đáp ứng. Chúng tái tạo lại các rung động của nhà tư tưởng, và như thế tăng cường làn sóng tư tưởng, ảnh hưởng những người khác, là những người vẫn chưa đáp ứng với những gợn sóng ban đầu. Những người này, đáp ứng lại, cho thêm lực vào các sóng, và chúng trở nên mạnh hơn nữa, ảnh hưởng đến quần chúng rộng lớn.

Công luận, một khi được hình thành, hành động một cách thống trị trên thể trí của đa số người, nện [35] không ngừng lên mọi não bộ và đánh thức trong chúng những gợn sóng đáp ứng.

Cũng có những đường lối tư tưởng quốc gia nào đó, những vận hà rõ rệt và được khắc chạm sâu sắc, bắt nguồn từ sự lặp đi lặp lại liên tục trong nhiều thế kỷ những tư tưởng tương tự, phát sinh từ lịch sử, những cuộc đấu tranh, các tập tục của một quốc gia. Những điều này biến đổi sâu xa và nhuộm màu mọi tâm trí được sinh ra trong quốc gia đó, và mọi thứ đến từ bên ngoài quốc gia được thay đổi bởi tốc độ rung động của quốc gia. Khi các tư tưởng đến với chúng ta từ thế giới bên ngoài bị thể trí của chúng ta biến đổi, và khi chúng ta nhận chúng thì chúng ta tiếp nhận các rung động của chúng cộng với các rung động bình thường của riêng chúng ta – là một hợp lực – thì các quốc gia cũng vậy, khi

nhận các ấn tượng từ các quốc gia khác là nhận chúng đã được biến đổi bởi tốc độ rung động quốc gia riêng của chúng. Do đó, người Anh và người Pháp, Người Ấn và người Phi châu, thấy cùng các sự kiện, nhưng thêm vào chúng các thiên kiến sẵn có của riêng họ, và một cách hoàn toàn chân thật, họ kết tội nhau về việc làm sai lệch các sự kiện và việc thực hành các phương pháp không ngay thẳng. Nếu sự thật này, và việc không thể tránh của nó, được nhận ra, nhiều sự tranh chấp quốc tế sẽ được dàn xếp một cách dễ dàng hơn trường hợp hiện nay, sẽ tránh được nhiều cuộc chiến tranh, và những hậu quả đó sẽ dễ dàng được kết thúc. Bấy giờ mỗi quốc gia sẽ công nhận điều thỉnh thoảng được gọi là “phương trình cá nhân”^{5} (personal equation, sự khác biệt nhau trong cách nhận xét và đánh giá cùng một sự việc – ND), và thay vì chỉ trích quốc gia kia vì khác ý kiến, mỗi bên sẽ tìm giải pháp lấy trung bình giữa hai quan điểm, cũng không hoàn toàn khẳng khẳng theo ý kiến riêng của quốc gia đó.

[36] Vấn đề rất thực tế cho cá nhân, nảy sinh từ sự hiểu biết về sự chuyển di tư tưởng liên tục và phổ biến này, đó là: Tôi có thể hoạch đắc được bao nhiêu điều tốt và tránh được điều xấu, khi thấy rằng tôi phải sống trong một không khí ô hợp, trong đó các làn sóng tư tưởng tốt và xấu luôn luôn hoạt động và đang đập vào bộ não của tôi? Làm sao tôi có thể bảo vệ tôi chống lại sự chuyển di tư tưởng có hại, và làm sao tôi có thể hưởng lợi từ sự chuyển di tư tưởng có ích? Kiến thức

⁵ Thuật ngữ này phát sinh trong khoa học thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, đề cập đến ý tưởng rằng mỗi người quan sát cá nhân đều có một sự thiên vị cố hữu khi tiến hành các phép đo và quan sát. (theo Wikipedia)

về cách mà trong đó năng lực chọn lọc hoạt động có tầm quan trọng sống còn.

Mỗi người là một nhân vật có ảnh hưởng thường xuyên nhất lên thể trí của chính y. Những người khác đôi khi ảnh hưởng nó, nhưng y thì luôn luôn. Vị diễn giả mà y nghe nói chuyện, tác giả của quyển sách mà y đọc có ảnh hưởng đến thể trí của y. Nhưng đó là những điều tình cờ trong đời y; còn y mới là một yếu tố thường trực. Ảnh hưởng của chính y lên cấu tạo của thể trí mạnh hơn nhiều so với ảnh hưởng của bất cứ ai khác, và bản thân y ấn định tốc độ rung động bình thường của thể trí y. Các tư tưởng không hài hòa với tốc độ đó sẽ bị hắt qua một bên khi chúng chạm đến thể trí. Nếu một người nghĩ điều chân thật, một điều dối trá không thể ở được trong thể trí của y; nếu y nghĩ đến lòng yêu thương, sự thù ghét không thể quấy rầy được y; nếu y nghĩ đến minh triết, sự vô minh không thể làm tê liệt y. Sự an toàn là đây, quyền năng thật sự là đây. Thể trí không được phép nằm nghỉ khi nó ít hoạt động, vì bấy giờ bất cứ hạt giống tư tưởng nào cũng có thể đâm rễ và mọc lên; nó không được phép rung động như nó muốn, vì đó có nghĩa là nó sẽ đáp ứng với bất kỳ rung động thoáng qua nào.

[37] Bài học thực tiễn nằm ở đó. Người thực hành nó sẽ sớm thấy giá trị của nó, và sẽ phát hiện rằng nhờ suy nghĩ, đời sống có thể được làm cho cao quý hơn và hạnh phúc hơn, và thật sự thì, nhờ minh triết, chúng ta có thể chấm dứt đau khổ.



CHƯƠNG IV

CÁC ĐIỀU KIỆN BAN ĐẦU CỦA TƯ TƯỞNG

Ngoài giới nghiên cứu tâm lý học, ít người đã bận tâm nhiều với vấn đề: Tư tưởng phát sinh như thế nào? Khi chúng ta vào trong cõi trần này, ta nhận thấy ta đã có sẵn một số lớn tư tưởng, một số lượng dự trữ lớn của điều mà chúng ta gọi là các “ý tưởng bẩm sinh”. Đây là những quan niệm mà chúng ta mang theo với chúng ta vào thế gian, các kết quả được cô đọng hoặc được tổng kết về những kinh nghiệm của chúng ta trong các tiền kiếp tới kiếp sống hiện tại. Với vật liệu trí tuệ có sẵn này, chúng ta bắt đầu các vụ giao dịch của chúng ta trong kiếp này, và nhà tâm lý học không bao giờ có thể nghiên cứu bằng cách quan sát trực tiếp những điều kiện ban đầu của tư tưởng.

Tuy nhiên, y có thể tìm hiểu điều gì đó từ việc quan sát một đứa bé thơ, vì cũng như thể xác mới lướt qua sự tiến hóa về thể xác lâu dài của quá khứ trong giai đoạn trước khi sinh, thì cũng thế, thể trí mới đi qua nhanh chóng các giai đoạn của sự phát triển lâu dài của nó. Thật ra thì “thể trí” không hề giống tư tưởng, và do đó, ngay cả trong việc nghiên cứu chính thể trí mới, chúng ta thật sự không phải đang nghiên cứu các “điều kiện ban đầu của tư tưởng” chút nào; tới một mức độ còn lớn hơn nữa thì điều này là [39] đúng, khi chúng ta xem xét rằng ít người có thể nghiên cứu thể trí một cách trực tiếp, nhưng được giới hạn vào việc quan sát các hiệu quả của những hoạt động của thể đó nơi người anh em đậm đặc của nó, là não bộ vật chất và hệ thần kinh. “Tư tưởng” khác với thể trí cũng như khác với thể xác; nó thuộc về tâm thức,

về khía cạnh sự sống, trong khi thể trí và thể xác cùng thuộc về sắc tướng, về khía cạnh vật chất, và chỉ là các hiện thể hay khí cụ tạm thời. Như đã nói, môn sinh phải luôn luôn giữ trước y “sự khác nhau giữa y, là người biết, với thể trí, là khí cụ của y để hoạch đắc sự hiểu biết”, và định nghĩa của từ ngữ “the mind”, được đưa ra, là “thể trí và manas” – là một từ ghép.

Tuy nhiên, chúng ta có thể, bằng cách nghiên cứu các hiệu quả của tư tưởng lên các thể này, khi các thể còn mới, suy luận bằng sự tương ứng một điều gì đó về những khởi đầu của tư tưởng, khi một Bản Ngã, trong bất kỳ vũ trụ đã cho nào, lần đầu tiên tiếp xúc với Phi Ngã. Những quan sát này có thể giúp ích chúng ta, theo châm ngôn “Trên sao dưới vậy”. Mỗi thứ ở đây chỉ là một phản ảnh, và bằng cách nghiên cứu các phản ảnh, chúng ta có thể tìm hiểu điều gì đó về những đối tượng gây ra chúng.

Nếu quan sát kỹ lưỡng một đứa trẻ, ta sẽ thấy rằng các giác quan – đáp ứng với sự kích thích bởi các cảm giác vui sướng hay đau khổ, và chủ yếu bởi các cảm giác đau khổ – có trước bất kỳ dấu hiệu thông minh nào. Đó là các cảm giác mơ hồ có trước những nhận thức rõ rệt. Trước khi sinh, đứa trẻ được duy trì liên tục bởi các lực sống (life forces) [40] chảy qua cơ thể người mẹ. Vào lúc nó bắt đầu một sự sống độc lập của nó, các lực sống này bị cắt đứt. Sự sống chảy ra khỏi thể xác và bây giờ không được tiếp tục; khi các lực sống giảm xuống, sự thiếu thốn được cảm nhận, và sự thiếu thốn này là sự đau khổ. Việc cung cấp nhu cầu này đem lại sự thoải mái, niềm vui, và đứa trẻ chìm trở lại vào sự vô thức. Vào lúc này các hình ảnh và âm thanh kích thích giác quan, nhưng vẫn không có dấu hiệu thông minh nào được đưa ra. Dấu hiệu đầu tiên của trí thông minh là khi hình ảnh hay âm thanh của

người mẹ hay bảo mẫu được liên kết với sự thỏa mãn nhu cầu luôn tái diễn, với việc cung cấp niềm vui bằng thức ăn; sự liên kết cùng nhau trong, hoặc bởi ký ức của một nhóm các cảm giác tái diễn với một đối tượng bên ngoài, mà đối tượng được xem là riêng biệt với, và là nguyên nhân của các cảm giác đó. Tư tưởng là sự nhận thức về một mối quan hệ giữa nhiều cảm giác với một người, một phần tử, liên kết chúng cùng nhau. Đây là sự biểu lộ đầu tiên của trí thông minh, là tư tưởng đầu tiên – theo chuyên môn thì là “năng lực tri giác” (“perception”). Bản chất của điều này là việc thiết lập một mối quan hệ như được mô tả ở trên giữa một đơn vị tâm thức – một Jiva – và một đối tượng, bất cứ đâu mà một mối quan hệ được thiết lập thì ở đó có tư tưởng.

Sự thật đơn giản và luôn luôn có thể kiểm chứng này có thể dùng như một thí dụ chung về sự khởi đầu của tư tưởng trong một Bản Ngã riêng biệt – nghĩa là, trong một Bản Ngã tam phân bị bao bọc trong một vỏ vật chất, tuy tinh vi, một Bản Ngã (a Self) khác với Chân Ngã (the Self); trong một Bản Ngã biệt lập như thế, các cảm giác có trước các tư tưởng; sự chú ý của Chân Ngã được kích thích bởi một ấn tượng tác động lên y và [41] được đáp ứng bởi một cảm giác. Cảm giác thô của sự thiếu thốn, do sự giảm năng lượng sống, không gọi lên tư tưởng bằng chính nó; mà sự thiếu thốn đó được thỏa mãn bởi sự tiếp xúc của sữa, gây ra một ấn tượng cục bộ rõ rệt, một ấn tượng được tiếp theo bằng một cảm giác vui thích. Sau khi điều này đã thường lặp lại, Chân Ngã hướng ra bên ngoài, một cách mơ hồ, mò mẫm; ra ngoài vì hướng của ấn tượng đến từ bên ngoài. Như vậy, năng lượng sống chảy vào thể trí và truyền sức sống cho nó, để nó phản ánh – một cách yếu ớt lúc đầu – đối tượng đi vào tiếp xúc với thể trí, đã gây ra cảm giác. Sự biến đổi này trong thể trí, được lặp lại hết

lần này đến lần khác, kích thích Chân Ngã trong phương diện tri thức, và y rung động theo đó. Nó đã cảm thấy nhu cầu, sự tiếp xúc, niềm vui sướng, và với sự tiếp xúc, một hình ảnh biểu thị chính nó, mắt cùng với môi bị ảnh hưởng,, hai ấn tượng giác quan hòa trộn. Bản chất cố hữu của riêng nó liên kết ba điều này, nhu cầu, hình ảnh tiếp xúc, niềm vui lại với nhau, và liên kết này là tư tưởng. Không có tư tưởng nào cả nếu nó không đáp ứng như thế; chính Chân Ngã nhận thức chứ không phải cái gì khác hay cái thấp hơn.

Tri giác này chuyên về ham muốn, không còn là sự thèm muốn mơ hồ một cái gì đó, và trở thành một thèm muốn một việc đặc biệt – là sữa. Nhưng tri giác cần sự ôn lại, vì Chủ Thể Biết đã liên kết ba việc này lại với nhau, và một trong số chúng phải được tách ra – là nhu cầu. Đáng kể là ở một giai đoạn đầu, cái thấy về người cung cấp sữa gọi lên [42] nhu cầu, Chủ Thể Biết đánh thức nhu cầu khi hình ảnh được liên kết với nó xuất hiện; đứa trẻ không đói sẽ khóc đòi vú khi thấy mẹ; về sau, liên kết sai lầm này được phá bỏ, và người cho sữa được liên kết với niềm vui như là nguyên nhân, và được thấy như là đối tượng của niềm vui. Sự mong muốn mẹ như thế được thiết lập, và sau đó trở thành một sự kích thích thêm cho tư tưởng.

MỐI LIÊN QUAN GIỮA CẢM GIÁC VÀ TƯ TƯỞNG

Trong nhiều sách tâm lý học ở Đông và Tây phương đều nói rất rõ rằng mọi tư tưởng đều bắt nguồn trong cảm giác, rằng chỉ cho đến khi có một số lớn các cảm giác đã được tích lũy, nếu không thì không thể có việc suy nghĩ.

Bà H. P. Blavatsky nói: “Thể trí, như chúng ta biết, có thể chuyển thành các trạng thái tâm thức, có thời gian tồn tại, cường độ, tính phức tạp, v.v... khác nhau, tất cả, về cơ bản,

đều dựa trên cảm giác.”⁽⁶⁾ Nhiều tác giả đã đi xa hơn điều này, phát biểu rằng các cảm giác không chỉ là vật liệu để kiến tạo tư tưởng mà còn tạo ra tư tưởng nữa, như vậy bỏ qua Chủ Thể Suy Tưởng và Chủ Thể Biết. Những người khác, ở cực đoan đối lập, xem tư tưởng là kết quả của hoạt động của nhà Tư Tưởng, được phát khởi từ bên trong thay vì nhận các xung lực đầu tiên của nó từ bên ngoài, các cảm giác là nguyên liệu mà trên đó y dùng khả năng đặc biệt vốn có của riêng y chứ không phải là một điều kiện cần thiết của hoạt động của y.

[43] Mỗi một trong hai quan điểm, một quan điểm cho rằng tư tưởng là sản phẩm thuần túy của các cảm giác, và quan điểm kia cho rằng tư tưởng là sản phẩm thuần túy của Chủ Thể Biết, đều có chứa sự thật, nhưng sự thật đầy đủ nằm ở giữa cả hai. Trong khi cần cho việc đánh thức Chủ Thể Biết rằng các cảm giác nên tác động lên y từ bên ngoài, và trong khi tư tưởng đầu tiên sẽ được tạo ra do kết quả của các xung lực từ cảm giác, và các cảm giác sẽ dùng như là tiền lệ cần thiết của nó; tuy nhiên, trừ phi có một khả năng cố hữu cho việc liên kết các sự việc lại với nhau, trừ phi bản ngã có bản chất riêng của nó là tri thức, nếu không thì các cảm giác có thể được liên tục trình bày cho y mà không bao giờ có một tư tưởng nào được tạo ra. Đó chỉ là nửa chân lý rằng các tư tưởng có căn nguyên của chúng trong các cảm giác; cần phải có năng lực tổ chức chúng tác động lên các cảm giác, và năng lực thiết lập để kết nối các liên kết, các mối quan hệ giữa chúng, và ngoài ra giữa chúng và thế giới bên ngoài. Chủ Thể Tư Tưởng là cha, Cảm Giác là mẹ, Tư Tưởng là con.

⁶ Secret Doctrine, Quyển I – trang 31.

Nếu các tư tưởng có các căn nguyên của chúng trong các cảm giác, và các cảm giác đó được gây ra bởi các tác động từ bên ngoài, bấy giờ điều quan trọng nhất là khi cảm giác khởi lên, bản chất và mức độ của cảm giác đó sẽ được quan sát một cách chính xác. Công việc đầu tiên của chủ thể biết là quan sát; nếu không có gì để quan sát, y vẫn sẽ luôn luôn ngủ; nhưng khi một đối tượng được trình bày cho y, khi với tư cách là Bản Ngã, y ý thức về tác động, bấy giờ với tư cách là Chủ Thể Biết, y quan sát. Sự chính xác của việc quan sát đó phụ thuộc [44] vào tư tưởng mà y sẽ tạo hình từ nhiều quan sát này được đặt chung nhau. Nếu y quan sát thiếu chính xác, nếu y thiết lập một mối quan hệ sai lầm giữa đối tượng tạo nên tác động và chính y, là người đang quan sát tác động, bấy giờ, từ lỗi lầm đó trong công việc của riêng y, một số các lỗi lầm tương ứng sẽ phát triển đến nỗi không gì có thể chấn chỉnh cho đúng, trừ khi trở lại ngay lúc bắt đầu.

Bây giờ chúng ta hãy xem cách thức mà cảm giác và nhận thức tác động trong một trường hợp đặc biệt. Giả sử tôi cảm thấy ở bàn tay một sự va chạm, sự tiếp xúc đó gây ra và được đáp ứng bằng một cảm giác; sự nhận thức đối tượng đã gây ra cảm giác chính là một tư tưởng. Khi tôi cảm thấy một sự va chạm, tôi cảm thấy, và không có gì cần được thêm vào trong chừng mực liên quan với cảm giác thuần túy đó; nhưng khi từ cảm giác, tôi đi tới đối tượng đã gây ra cảm giác đó, tôi nhận thức rằng đối tượng và sự nhận thức là một tư tưởng. Sự nhận thức này có nghĩa là với vai trò Chủ Thể Biết, tôi nhận ra một mối quan hệ giữa tôi và đối tượng đó, vì đã gây ra một cảm giác nào đó trong Bản Ngã của tôi. Tuy nhiên, điều này không phải là tất cả những gì xảy ra. Vì tôi cũng trải nghiệm các cảm giác khác, từ màu sắc, hình dạng, tính mềm, hơi ấm, kết cấu; những điều này lại tiếp tục được chuyển đến

tôi với tư vách là Chủ Thể Biết, và, được trợ giúp bởi ký ức về các ấn tượng tương tự nhận được trước đây, nghĩa là, khi so sánh các hình ảnh quá khứ với hình ảnh của đối tượng đang chạm vào tay, tôi quyết định về loại đối tượng đã chạm vào nó.

Trong sự nhận thức về các sự việc làm cho chúng ta cảm giác này có chứa căn nguyên của tư tưởng; khi đặt điều này vào trong các thuật ngữ siêu hình thông thường – sự nhận thức về một Phi Ngã, như là nguyên nhân của một số cảm giác nào đó trong Bản Ngã, là căn nguyên của nhận thức. Chỉ một mình cảm giác, nếu điều đó có thể xảy ra, không thể đưa ra sự ý thức về Phi Ngã; sẽ chỉ có cảm giác về niềm vui hay đau khổ trong Bản Ngã, một ý thức bên trong về sự mở rộng hay sự co rút. Không có sự tiến hóa cao siêu nào sẽ có thể xảy ra nếu một người không thể làm gì hơn là cảm giác; chỉ khi nào y nhận thức các đối tượng như là các nguyên nhân của niềm vui hay đau khổ thì sự giáo dục con người của y mới bắt đầu. Trong việc thiết lập một mối quan hệ hữu thức giữa Bản Ngã và Phi Ngã, toàn bộ sự tiến hóa tương lai phụ thuộc vào, và sự tiến hóa sẽ phần lớn cốt ở các mối quan hệ này đang trở nên ngày càng nhiều hơn, ngày càng phức tạp hơn, ngày càng chính xác hơn về phía Chủ Thể Biết. Chủ Thể Biết bắt đầu sự khai mở bên ngoài của y khi tâm thức thức tỉnh, cảm thấy niềm vui hay đau khổ, chuyển sự chú mục của nó vào thế giới bên ngoài và nói: “Đối tượng đó đã cho tôi niềm vui; đối tượng đó đã làm tôi đau khổ.”

Cần phải đã được trải nghiệm một số lớn các cảm giác trước khi Bản Ngã đáp ứng với bên ngoài chút nào đó. Rồi đến một sự mò mẫm dần dần, lộn xộn sau niềm vui, do một ham muốn trong Bản Ngã sẵn lòng trải nghiệm một sự lặp lại niềm vui. Và đây là một thí dụ thích hợp cho sự kiện được đề

cập ở trước, là không có một việc nào thuần cảm giác hay thuần tư tưởng; vì “sự ham muốn lặp lại một niềm vui”, hàm ý rằng bức tranh về niềm vui vẫn còn trong tâm thức tuy mơ hồ, và đây là ký ức, [46] và thuộc về tư tưởng. Trong một thời gian dài, Bản Ngã thức tỉnh một nửa trôi dạt từ việc này đến việc khác, đập vào Phi Ngã một cách lung tung, không có phương hướng nào được tâm thức đưa ra cho các hành động này, trải nghiệm niềm vui và đau khổ mà không có nhận thức nào về nguyên nhân của cả hai. Chỉ khi điều này đã tiếp diễn trong một thời gian dài thì sự nhận thức được đề cập ở trên mới có thể xảy ra, và mối quan hệ giữa Chủ Thể Biết và Cái Được Biết đã bắt đầu.

CHƯƠNG V – KÝ ỨC

BẢN CHẤT CỦA TRÍ NHỚ

Khi sự kết nối giữa một niềm vui và một đối tượng nào đó được thiết lập, ở đó phát khởi một ham muốn rõ rệt để lại có đối tượng đó, và như thế lặp lại niềm vui. Hoặc, khi một sự kết nối giữa một đau khổ với một đối tượng nào đó được thiết lập, thì có sự phát khởi một ham muốn rõ rệt để tránh đối tượng đó, và vì thế thoát khỏi sự đau khổ. Khi bị kích thích, thể trí sẵn sàng lặp lại hình ảnh của đối tượng; vì, do định luật chung là năng lượng chảy theo hướng ít đối kháng nhất, vật chất của thể trí được tạo hình dễ dàng nhất thành hình thể đã thường được chọn; khuynh hướng này lặp lại những rung động một khi được bắt đầu, khi được tác động bởi năng lượng, là do Tamas, do tính trì trệ của vật chất, và là mầm mống của Ký ỨC. Các phân tử vật chất, đã được tập hợp lại với nhau, rơi ra từ từ khi các năng lượng khác tác động lên

chúng, nhưng giữ lại trong một thời gian đáng kể khuynh hướng khôi phục lại mối quan hệ lẫn nhau của chúng; nếu một xung lực như xung lực đã tập hợp chúng được cung cấp cho chúng, chúng nhanh chóng [48] rơi trở lại vào vị trí. Ngoài ra, khi Chủ Thể Biết đã rung động theo một hướng nào đó, năng lực rung động đó vẫn còn trong y, và, trong trường hợp của đối tượng gieo niềm vui hay sự đau khổ, sự ham muốn đối với đối tượng, hay đối với việc tránh xa đối tượng, sẽ giải thoát năng lực đó, đẩy nó ra ngoài, ta có thể nói như vậy, và như thế, cung cấp sự kích thích cần thiết cho thể trí. Hình ảnh được tạo ra như thế được Chủ Thể Biết nhận biết, và trong một trường hợp, sự quyến luyến được niềm vui tạo ra cũng làm cho y tái tạo hình ảnh của niềm vui. Trong trường hợp kia, sự ghê tởm do sự đau khổ gây ra cũng gây ra hình ảnh của sự đau khổ. Đối tượng và niềm vui, hay đối tượng và sự đau khổ, được kết nối nhau lại trong kinh nghiệm, và khi tập hợp các rung động tạo ra hình ảnh của đối tượng được tạo ra, thì tập hợp các rung động tạo ra niềm vui hay sự đau khổ cũng được bắt đầu, và niềm vui hay sự đau khổ được nếm trải trở lại khi vắng mặt đối tượng. Đó là ký ức trong hình thức đơn giản nhất của nó: một rung động tự khởi đầu, có cùng bản chất với rung động đã gây ra cảm giác về niềm vui hay đau khổ, một lần nữa gây ra cảm giác đó. Những hình ảnh này không có khối lượng lớn, và vì thế đối với Chủ Thể Biết đã phát triển một phần thì ít mạnh mẽ và sống động hơn so với những hình ảnh được gây ra do sự tiếp xúc với một đối tượng bên ngoài, những rung động vật lý nặng nề thêm nhiều năng lượng cho các hình ảnh trí tuệ và dục vọng, nhưng về cơ bản, những rung động giống hệt nhau, và ký ức là sự sao chép trong chất trí bởi Chủ Thể Biết về các đối tượng được tiếp xúc trước đây. Sự phản ánh này có

thể được – và được – lặp đi lặp lại [49] hoài, trong vật chất càng ngày càng tinh anh, không liên quan đến bất kỳ Chủ Thể Biết riêng biệt nào, những việc này trong toàn bộ của chúng là những nội dung một phần của ký ức về Thượng Đế, Vị Chủ Tế của Vũ trụ. Những hình ảnh của những hình ảnh này có thể được đạt tới bởi bất kỳ Chủ Thể Biết riêng biệt nào trong sự tương xứng như y đã phát triển trong chính y "năng lực rung động" được đề cập ở trên. Như trong điện tín không dây, một loạt rung động tạo ra một thông điệp có thể được bắt bằng bất kỳ máy thu thích hợp nào – nghĩa là bất kỳ máy thu nào có khả năng tái tạo chúng – như vậy một uy lực rung động tiềm tàng bên trong một Chủ Thể Biết có thể được kích hoạt bằng một rung động tương tự với nó trong các hình ảnh vũ trụ này. Các hình ảnh này, trên cõi Akasha, tạo thành "các ký ảnh akasha" ("akashic records", "Tiên Thiên Ký Ảnh") thường được nói đến trong văn chương Thông Thiên Học, và chúng tồn tại trong suốt cuộc đời của thái dương hệ.

SỰ THIẾU TRÍ NHỚ

Để chúng ta có thể hiểu rõ ràng điều gì là căn nguyên của "việc thiếu trí nhớ", chúng ta phải xem xét các quá trình trí tuệ diễn ra để tạo nên cái được gọi là ký ức. Mặc dù trong nhiều sách tâm lý học, ký ức được nói đến như là một khả năng trí tuệ, thực ra không có một khả năng mà tên đó có thể được dành cho nó. Sự kéo dài của một hình ảnh trí tuệ không phải là do bất kỳ khả năng đặc biệt nào, mà thuộc về tính chất chung của thể trí; một cái trí yếu ớt thì yếu đuối trong việc duy trì như trong mọi thứ khác, và – như một chất quá lỏng để giữ hình dạng của khuôn [50] mà nó đã được đổ ra trong đó – rơi nhanh chóng ra khỏi hình thức nó đã lấy. Nơi thể trí ít được tổ chức, chỉ là một sự kết hợp lỏng lẻo của các phân tử

chất trí, một khối giống đám mây không có sự cố kết nhiều, thì ký ức chắc chắn sẽ rất yếu. Nhưng điểm yếu này thì phổ biến, không đặc biệt; nó là thông thường cho toàn bộ thể trí, và là do giai đoạn tiến hóa thấp của nó.

Khi thể trí trở nên có tổ chức và các quyền năng của Jiva tác động lên nó, tuy nhiên, chúng ta vẫn thường nhận thấy cái được gọi là "một trí nhớ kém". Nhưng nếu chúng ta quan sát "trí nhớ kém" này, chúng ta sẽ thấy rằng nó không có lỗi trong mọi khía cạnh, rằng có một số điều được nhớ tốt, và thể trí giữ lại mà không cần nỗ lực nào. Nếu bây giờ chúng ta xem xét những điều đã được ghi nhớ này, chúng ta sẽ thấy rằng chúng là những điều thu hút thể trí rất nhiều, là những điều được yêu thích nhiều thì sẽ không bị lãng quên. Tôi đã biết một phụ nữ phàn nàn về một trí nhớ kém đối với những vấn đề đã được nghiên cứu, trong khi tôi đã quan sát ở cô ấy một trí nhớ rất lâu liên quan đến các chi tiết của một bộ váy mà cô ấy ngưỡng mộ. Thể trí của cô không thiếu một số lượng trung bình của khả năng nhớ lâu, và khi cô quan sát cẩn thận và chăm chú, tạo ra một hình ảnh trí tuệ rõ ràng, hình ảnh này sống khá lâu. Ở đây chúng ta có chìa khóa đối với "bộ nhớ kém". Đó là do sự thiếu quan tâm, thiếu sự quan sát chính xác, và vì thế dẫn tới tư tưởng không rõ ràng. Tư tưởng lẫn lộn là ấn tượng không rõ ràng do quan sát bất cẩn [51] và sự thiếu quan tâm, trong khi tư tưởng rõ ràng là ấn tượng sắc nét do sự chú ý được tập trung và sự quan sát cẩn thận, chính xác. Chúng ta không nhớ những điều mà chúng ta ít chú ý, nhưng chúng ta nhớ rõ những điều làm cho chúng ta quan tâm một cách hăng hái.

Vậy thì một trí nhớ kém nên được chữa trị như thế nào? Thứ nhất, các sự việc cần được lưu ý về mặt xấu và về mặt tốt, để đánh giá tính chất kết dính chung. Sau đó, những điều

liên quan tới điều xấu nên được xem xét kỹ lưỡng, để xem liệu chúng có đáng ghi nhớ không, và liệu chúng là những thứ mà chúng ta không cần quan tâm hay không. Nếu chúng ta thấy rằng chúng ta ít quan tâm đến chúng, nhưng trong những khoảnh khắc tuyệt vời nhất chúng ta cảm thấy chúng ta cần quan tâm đến chúng, thì chúng ta nên tự nói với mình: "Tôi sẽ chú ý đến chúng, sẽ quan sát chúng một cách chính xác, và sẽ suy nghĩ cẩn thận và liên tục về chúng. " Làm điều này, chúng ta sẽ nhận thấy trí nhớ của chúng ta được cải thiện. Vì, như đã nói ở trên, trí nhớ thực sự phụ thuộc vào sự chú ý, sự quan sát chính xác, và tư tưởng rõ ràng; các yếu tố thu hút có giá trị như là làm cố định sự chú ý, nhưng nếu điều đó không hiện diện, nó phải được thay thế theo ý muốn.

Bây giờ, ngay đây là một khó khăn rất rõ ràng và thường được cảm thấy nổi lên. Làm thế nào mà "ý chí" có thể thay thế cho sự thu hút? Điều gì để chuyển dịch chính ý chí? Sự thu hút gọi lên ước muốn, và sự ham muốn thúc đẩy sự di chuyển về phía đối tượng hấp dẫn, trong trường hợp giả định này thì điều này vắng mặt. [52] Sự vắng mặt này của ham muốn được ý chí làm cho tốt như thế nào? Ý chí là lực thúc đẩy hành động khi lực đó được quyết định theo hướng của nó bằng Lý Trí có tính toán, chứ không phải do ảnh hưởng của các đối tượng bên ngoài hấp dẫn. Khi xung lực dẫn đến hành động, điều mà tôi đã thường gọi là năng lượng đi ra của Bản Ngã, được thúc đẩy bởi các đối tượng bên ngoài, được rút ra, chúng ta gọi xung lực dẫn tới ham muốn; khi nó được thúc đẩy bởi Lý Trí Thuần Túy (Pure Reason), được phóng ra, chúng ta gọi nó là ý chí. Bây giờ, điều mà ta cần, khi không có sự thu hút được cảm thấy từ bên ngoài, là sự soi sáng từ bên trong, và là động cơ đối với ý chí, phải có được bằng một cuộc khảo sát trí tuệ về lĩnh vực đó, và một sự

luyện tập phán đoán về lợi ích cao nhất, là mục đích của nỗ lực. Cái mà Lý Trí chọn là điều có ích nhất cho lợi ích của Bản Ngã, dùng như là động lực cho ý chí. Và điều này một khi đã được thực hiện một cách dứt khoát, bấy giờ, trong những giây phút mệt mỏi, yếu đuối, việc nhớ lại chuỗi tư tưởng dẫn đến sự lựa chọn, lại kích thích ý chí. Một việc như thế, được cố ý chọn, sau đó có thể trở nên hấp dẫn, tức là, một đối tượng của ham muốn, bằng cách thiết lập sự tưởng tượng để hình dung những phẩm chất dễ chịu của nó, những hiệu quả có ích, mang lại hạnh phúc của việc sở hữu nó. Nhưng khi y muốn một đối tượng thì y sẽ muốn phương tiện, chúng ta trở nên có thể vượt qua sự chùn bước tự nhiên khỏi sự nỗ lực và kỷ luật khó chịu, bằng một sự luyện tập, được thúc đẩy như thế, về ý chí. Trong trường hợp được xem xét, sau khi đã quyết định rằng một số đối tượng là rõ ràng đáng mong muốn, có lợi cho hạnh phúc lâu dài, chúng ta thiết lập [53] ý chí hoạt động để thực hiện các hoạt động vốn sẽ dẫn đến việc sở đắc chúng.

Trong việc trau dồi năng lực quan sát, như trong mọi thứ khác, một sự thực hành nhỏ được lặp lại hằng ngày có hiệu quả hơn nhiều so với một nỗ lực lớn lao được tiếp theo bằng một thời gian không hoạt động. Chúng ta nên tự đặt cho mình một công việc nhỏ hằng ngày để quan sát cẩn thận một điều, tưởng tượng nó trong trí theo mọi chi tiết của nó, giữ thể trí cố định vào nó trong một thời gian ngắn, như mắt hồng trần có thể được cố định trên một vật thể. Vào ngày hôm sau chúng ta nên gọi lên hình ảnh, tái tạo nó một cách chính xác nhất có thể, và sau đó nên so sánh nó với đối tượng, và quan sát bất kỳ điểm không chính xác nào. Nếu chúng ta dành 5 phút một ngày cho việc thực hành này, quan sát luân phiên một đối tượng với hình ảnh của nó trong trí,

và nhớ lại hình ảnh của ngày hôm trước, và so sánh hình ảnh của chúng ta với đối tượng, chúng ta có thể "cải thiện trí nhớ" rất nhanh, và chúng ta thực sự có thể nâng cao các năng lực quan sát, chú ý, tưởng tượng, tập trung; trên thực tế, chúng ta có thể tổ chức thể trí, và điều chỉnh nó, nhanh hơn nhiều so với thiên nhiên sẽ điều chỉnh nó mà không cần sự trợ giúp, để giải phóng các chức năng của nó một cách hiệu quả và hữu ích. Không ai có thể thực hiện một sự luyện tập như thế này, và vẫn không bị nó ảnh hưởng; và y sẽ sớm có sự hài lòng khi biết rằng các quyền năng của y đã tăng lên, và rằng chúng chịu sự kiểm soát nhiều hơn của ý chí.

Các cách nhân tạo để cải thiện trí nhớ đưa ra những sự việc cho thể trí theo một hình thức hấp dẫn, hoặc [54] kết hợp với một hình thức mà những sự việc cần được ghi nhớ. Nếu một người hình dung một cách dễ dàng, y sẽ hỗ trợ một trí nhớ kém bằng cách tạo ra một bức tranh, và gắn vào những điểm trong bức tranh đó những điều y muốn nhớ; khi đó việc gọi lên bức tranh cũng sẽ mang lại những điều cần nhớ. Những người khác, mà năng lực thính giác ở họ chiếm ưu thế, nhớ bằng sự lặp âm của những câu có vần, và, chẳng hạn như, đan kết một loạt các ngày tháng, hoặc các sự kiện không hấp dẫn khác thành các câu thơ "dính vào trong trí". Nhưng cách tốt hơn bất kỳ cách nào trong số các cách này là phương pháp hợp lý được nêu chi tiết ở trên, bằng việc sử dụng nó, thể trí trở nên được tổ chức tốt hơn, mạch lạc hơn với các vật liệu của nó.

KÝ ỨC VÀ SỰ TIÊN ĐOÁN

Chúng ta hãy trở lại với Chủ Thể Biết chưa phát triển của chúng ta.

Khi ký ức bắt đầu hoạt động, sự dự đoán nhanh chóng theo sau, vì sự lường trước chỉ là ký ức được phóng về phía trước. Khi trí nhớ cung cấp một sự nếm trải lại một niềm vui được trải nghiệm trong quá khứ, sự ham muốn tìm cách để lại nếm bắt được đối tượng đã tạo ra niềm vui, và khi việc nếm trải này được nghĩ đến như là kết quả của việc tìm thấy đối tượng đó trong thế giới bên ngoài và tận hưởng nó, chúng ta có sự lường trước. Hình ảnh của đối tượng và hình ảnh của niềm vui được Chủ Thể Biết nhắc đi nhắc lại trong mối quan hệ với nhau; nếu y thêm vào sự chiêm ngưỡng này yếu tố thời gian, của quá khứ và tương lai, hai cái tên được đưa ra để chiêm ngắm như thế: [55] sự chiêm ngưỡng cộng với ý tưởng về quá khứ là ký ức, cộng với ý tưởng về tương lai, đó là sự dự đoán. Khi chúng ta nghiên cứu những hình ảnh này, chúng ta bắt đầu hiểu được ý nghĩa đầy đủ của câu châm ngôn của Patanjali, rằng đối với việc thực hành Yoga một người phải dừng lại "các biến thái của nguyên khí suy tư". Khi được nhìn từ quan điểm của khoa học huyền bí, mỗi sự tiếp xúc với Phi Ngã sẽ biến đổi thể trí. Một phần của chất mà thể trí được cấu tạo được sắp xếp lại như một bức tranh hoặc hình ảnh của đối tượng bên ngoài. Khi các mối quan hệ được thiết lập giữa những hình ảnh này, đó là sự suy tư, được thấy trên khía cạnh hình tượng. Tương ứng với điều này là những rung động trong chính Chủ Thể Biết, và những biến đổi này trong chính bản thân y là sự suy tư được thấy trên khía cạnh sự sống. Không được quên rằng việc thiết lập các mối quan hệ này là công việc đặc biệt của Chủ Thể Biết, sự bổ sung của y vào các hình ảnh, và rằng sự bổ sung này làm thay đổi hình ảnh thành các tư tưởng. Những hình ảnh trong thể trí rất giống với, về đặc tính của chúng, những ấn tượng được tạo ra trên một tấm kính ảnh nhạy cảm bởi các

sóng dĩ thái nằm ngoài quang phổ ánh sáng, và vốn tác động về mặt hóa học trên muối bạc, sắp xếp lại vật chất trên tấm kính ảnh nhạy cảm, để cho hình ảnh được hình thành trên đó của các đối tượng mà nó đã được phơi sáng. Vì thế, trên tấm kính nhạy cảm mà chúng ta gọi là thể trí, các vật liệu được sắp xếp lại như một bức tranh của các đối tượng đã được tiếp xúc. Chủ Thể Biết nhận thức những hình ảnh này bằng những rung động nhạy cảm riêng của y, nghiên cứu chúng, và sau một thời gian bắt đầu sắp xếp chúng và [56] sửa đổi chúng bằng những rung động mà y gửi ra cho chúng từ chính y. Theo định luật đã được đề cập đến, năng lượng đó đi theo đường lối ít đối kháng nhất; y tái tạo nhiều lần cùng những hình ảnh, tạo ra những hình ảnh của những hình ảnh; chừng nào mà y còn tự hạn chế y vào bản sao chép đơn giản này, với sự bổ sung duy nhất của yếu tố thời gian, thì chúng ta có, như đã nói, ký ức và sự dự đoán.

Cuối cùng, việc tư duy cụ thể chỉ là một sự lặp lại trong vật chất tinh anh những trải nghiệm hàng ngày với sự khác biệt này, đó là Chủ Thể Biết có thể dừng lại và thay đổi trình tự của chúng, lặp lại chúng, xúc tiến nhanh hoặc làm chậm lại chúng theo ý muốn của y. Y có thể lưu lại trên bất cứ hình ảnh nào, nghiên ngẫm nó, chăm chú vào nó, và do đó có thể, từ việc xem xét lại một cách nhàn nhã, có được những kinh nghiệm vốn trước đó đã thoát khỏi y khi y đi qua chúng, bị ràng buộc vào bánh xe thời gian không ngơi nghỉ, không vội vã. Trong lãnh vực riêng của y, y có thể tạo thời gian cho riêng y, trong chừng mực các biện pháp của nó có liên quan, cũng như Thượng Đế làm đối với các thế giới của Ngài; y chỉ không thể thoát khỏi bản chất của thời gian, là sự liên tiếp nhau, cho đến khi y có thể tiếp xúc với tâm thức Thượng Đế,

giải thoát y khỏi sự ràng buộc của thể giới vật chất; và mặc dù thế, chỉ trong chừng mực thái dương hệ này có liên quan.

CHƯƠNG VI – SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VIỆC QUAN SÁT TƯ TƯỞNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA NÓ

Điều cần thiết đầu tiên đối với việc tư duy thành thạo là sự quan sát chăm chú và chính xác. Bản Ngã với vai trò là Chủ Thể Biết phải quan sát Phi Ngã với sự chăm chú và chính xác, nếu nó sẽ trở thành Cái Được Biết, và như vậy được hợp nhất trong Bản Ngã.

Điều cần thiết thứ hai là tính dễ tiếp thu và tính nhớ dai trong thể trí, năng lực nhường chỗ một cách nhanh chóng cho các ấn tượng, và năng lực duy trì chúng khi được tạo ra.

Cân xứng với sự chú tâm và tính chính xác của sự quan sát của Chủ Thể Biết, và tính dễ tiếp thu và sự nhớ dai của thể trí của y, sẽ là sự nhanh chóng tiến hóa của y, tốc độ mà tại đó các tiềm lực của y trở thành các năng lực hoạt động.

Nếu Chủ Thể Biết đã không quan sát chính xác hình tư tưởng, hoặc nếu thể trí, chưa được phát triển, đã không nhạy cảm với mọi rung động trừ các rung động mạnh mẽ của một đối tượng bên ngoài, và do đó đã được biến đổi thành một bản sao không hoàn hảo, vật liệu suy tư không thích hợp và sai lạc. Bản phác thảo khái quát lúc đầu tiên là tất cả những gì thu được, [58] các chi tiết không rõ ràng hoặc thậm chí bị bỏ qua. Khi chúng ta phát triển các quan năng của chúng ta, và khi chúng ta gắn những chất liệu thanh mịn hơn vào thể trí, chúng ta thấy rằng chúng ta nhận được từ cùng một đối tượng bên ngoài nhiều hơn nhiều so với chúng ta nhận được

trong những thời chưa phát triển của chúng ta. Do đó chúng ta nhận thấy nhiều hơn trong một đối tượng so với chúng ta đã nhận thấy trước đó trong nó.

Hãy để hai người đứng trong một cánh đồng, trước một buổi hoàng hôn tuyệt vời. Hãy để một trong hai người này là một người lao động nông nghiệp kém phát triển, không có thói quen quan sát thiên nhiên, trừ khi liên quan với các nông sản của y, y chỉ nhìn bầu trời để xem liệu nó có có thể mưa hay nắng, không quan tâm đến các khía cạnh của nó, trừ khi các khía cạnh đó liên quan đến phương kế sinh nhai và việc làm của chính y. Hãy để người thứ hai là một nghệ sĩ, một họa sĩ thiên tài, đầy tình yêu với vẻ đẹp, và được đào tạo để thấy và thưởng thức mỗi sắc thái và mức độ của màu sắc. Các thể xác, thể cảm dục và thể trí của người lao động đều ở trong sự hiện diện của hoàng hôn tuyệt đẹp đó, và tất cả những rung động do nó gây ra đều đang tác động trên các hiện thể của tâm thức y; y nhìn thấy những màu sắc khác nhau trên bầu trời, và nhận xét rằng có nhiều màu đỏ, hứa hẹn một ngày tốt đẹp cho ngày mai, tốt hay xấu cho nông sản của y, như là trường hợp có thể có. Đây là tất cả những gì y rút ra từ điều đó. Các thể xác, thể cảm dục, và thể trí của họa sĩ đều được đặt vào cùng những nhịp rung động chính xác như của người lao động, nhưng kết quả thì khác nhau biết bao! Vật liệu thanh mịn của các thể của vị họa sĩ tái tạo ra một triệu rung động, quá nhanh và tinh tế để làm chuyển dịch vật liệu thô trực của người kia. Hình ảnh của vị họa sĩ về hoàng hôn do đó hoàn toàn khác với hình ảnh [59] được tạo ra trong người lao động. Các sắc thái tinh tế của màu sắc, màu sắc tan chảy vào màu sắc, màu xanh và màu hồng mờ và màu xanh lá cây mờ nhạt được chiếu sáng với những tia sáng màu vàng và lốm đốm với màu tím vương giả – tất cả đều được ném

trái với một niềm vui mong manh, một sự xuất thần của khoái cảm giác quan; những điều này đã đánh thức tất cả những tình cảm tốt đẹp, tình yêu và sự ngưỡng mộ kết hợp vào sự tôn kính và niềm vui mà một vẻ đẹp như thế có thể có; những ý tưởng về tính cách gây cảm hứng nhất nảy sinh, vì thể trí tự biến đổi nó theo những rung động đang tác động lên nó trên cõi trí từ khía cạnh trí tuệ của cảnh hoàng hôn. Sự khác biệt của các hình ảnh không phải do một nguyên nhân bên ngoài, mà là do tính dễ tiếp thu bên trong. Nó không nằm ở bên ngoài, mà nằm ở trong khả năng đáp ứng. Nó không ở trong Phi Ngã, mà ở trong Bản Ngã và các vỏ bọc của nó. Theo với những khác biệt này là kết quả được tạo ra; thật ít kết quả chảy vào một người này, thật nhiều kết quả chảy vào một người khác!

Ở đây chúng ta thấy, với sức mạnh đáng chú ý, ý nghĩa của sự tiến hóa của Chủ Thể Biết. Một vũ trụ mỹ lệ có thể ở xung quanh chúng ta, các sóng của nó tác động trên chúng ta từ mọi phía, và tuy vậy, đối với chúng ta, nó có thể không tồn tại. Mọi thứ ở trong tâm trí của Thượng Đế của thái dương hệ của chúng ta đang tác động lên chúng ta và lên các thể của chúng ta ngay bây giờ. Mức độ mà chúng ta có thể tiếp nhận các điều đó đánh dấu giai đoạn tiến hóa của chúng ta. Những gì cần cho sự phát triển không phải là một sự thay đổi bên ngoài chúng ta, mà là một sự thay đổi bên trong chúng ta. Mọi thứ đã được cung cấp cho chúng ta, nhưng chúng ta phải phát triển năng lực tiếp nhận.

Nó sẽ được thu thập từ những gì đã vừa được nói, là một yếu tố trong việc suy nghĩ rõ ràng, là sự quan sát chính xác [60]. Chúng ta phải bắt đầu công việc này trên cõi trần, nơi mà các thể của chúng ta tiếp xúc với Phi Ngã. Chúng ta leo lên trên, và toàn bộ sự tiến hoá bắt đầu trên cõi thấp và

tiếp tục đi vào các cõi cao; ở cõi thấp, chúng ta lần đầu tiên tiếp xúc với thế giới bên ngoài, và từ đó các rung động chuyển lên trên – hoặc chuyển vào bên trong – kêu gọi các quyền năng bên trong.

Bấy giờ, sự quan sát chính xác là một khả năng được vun bồi một cách rõ rệt. Hầu hết mọi người đi khắp thế gian với đôi mắt nửa đóng nửa mở, và chúng tôi có thể kiểm tra điều này ở mỗi người chúng ta bằng cách tự hỏi chúng tôi đã quan sát thấy gì trong khi đi dọc theo đường phố. Chúng ta có thể hỏi: "Tôi đã quan sát thấy gì trong khi đi xuống phố này?" Nhiều người sẽ gần như không quan sát thấy gì, không có hình ảnh rõ ràng nào đã được tạo ra. Những người khác sẽ quan sát thấy một vài điều; một số sẽ quan sát thấy nhiều. Điều đó đã được Houdin kể, rằng ông đã huấn luyện con của ông quan sát nội dung của các cửa hàng mà nó đi qua, khi đi dọc theo các đường phố London, cho đến khi nó có thể cung cấp toàn bộ nội dung của một cửa hàng mà nó đã đi qua mà không dừng lại, đã ném qua nó chỉ là một cái nhìn thoáng qua. Đứa trẻ bình thường và người hoang dã hay quan sát, và theo mức độ khả năng quan sát của họ là thước đo trí thông minh của họ. Thói quen quan sát rõ ràng, nhanh chóng nằm ở người trung bình là căn nguyên của việc tư duy rõ ràng. Những người suy tư lộn xộn nhất thường là những người quan sát ít chính xác nhất; ngoại trừ trường hợp trí thông minh phát triển cao và thường xuyên được chuyển vào bên trong, và các thể [61] đã không được huấn luyện theo cách được nói dưới đây.

Nhưng câu trả lời cho câu hỏi trên có thể là: "Tôi đã nghĩ đến cái gì khác, và do đó tôi không quan sát." Và câu trả lời này là một câu trả lời tốt, nếu người trả lời nghĩ đến điều gì đó quan trọng hơn so với việc huấn luyện thể trí và huấn

luyện năng lực chú ý bằng cách quan sát cẩn thận. Một người như thế có thể đã làm tốt trong sự thiếu quan sát của y; nhưng nếu người trả lời đã chỉ đang mơ mộng, trôi dạt lang thang không mục đích, bấy giờ y đã lãng phí thời gian của y nhiều hơn là nếu y đã chuyển năng lượng của y ra bên ngoài.

Một người bận chìm sâu vào suy nghĩ sẽ không hay quan sát các đối tượng ngang qua, quay vào trong chứ không quay ra ngoài, và sẽ không tham gia vào những gì đang xảy ra trước y. Trong cuộc đời này, không có gì đáng công để y huấn luyện các thể của y thực hiện các quan sát gần như độc lập, vì thể trí phát triển cao và thể trí phát triển một phần cần sự đào tạo khác nhau.

Nhưng có bao nhiêu người không hay quan sát thực sự "tham gia sâu vào việc suy nghĩ"? Trong tâm trí của hầu hết mọi người, tất cả những gì đang diễn ra đều là một cái nhìn vắn vơ vào bất kỳ hình tư tưởng nào tình cờ xuất hiện, việc lật qua nội dung của tâm trí theo cách băng quơ, như một người phụ nữ nhàn rỗi lật soạn các vật chứa của tủ quần áo của cô ấy hoặc hộp nữ trang của cô. Đây không phải là suy nghĩ, vì suy nghĩ có nghĩa là, như chúng ta đã thấy, việc thiết lập các mối quan hệ, việc bổ sung một thứ gì đó chưa từng có trước đây. Trong việc suy nghĩ, sự chú ý của Chủ Thể Biết [62] được cố tình hướng tới những hình tư tưởng, và y tự áp dụng một cách tích cực theo chúng.

Lúc bấy giờ, sự phát triển thói quen quan sát là một phần của việc huấn luyện thể trí, và những người nào thực hành nó sẽ thấy rằng thể trí trở nên rõ ràng hơn, tăng năng lực, và trở nên dễ quản lý hơn, để họ có thể hướng nó vào bất kỳ đối tượng đã cho nào tốt hơn nhiều so với trước đây họ có thể làm được. Bây giờ, khả năng quan sát, một khi được thiết lập chắc chắn, sẽ tự động hoạt động, thể trí và các thể khác

xem xét các hình ảnh có sẵn nếu cần sau đó, mà không cần đòi hỏi sự chú ý của chủ sở hữu của chúng ở thời điểm đó. Bây giờ, không còn cần thiết là sự chú ý của nhân vật nên được hướng các đối tượng được trình bày đến các cơ quan cảm giác, để một ấn tượng về các đối tượng đó có thể được tạo ra và được bảo tồn. Một trường hợp rất nhỏ nhưng đáng kể thuộc loại này đã xảy ra theo kinh nghiệm của riêng tôi. Trong khi tôi đang đi du lịch ở Mỹ, một ngày, một câu hỏi nảy sinh về con số trên động cơ của một chiếc xe lửa mà chúng tôi đã đi du lịch. Con số này được thể trí của tôi đưa ra ngay lập tức cho tôi, nhưng điều này, theo bất cứ ý nghĩa nào, không phải là một trường hợp của thần nhãn. Đối với nhận thức thần nhãn, nó sẽ phải cần để săn tìm tàu lửa và tìm kiếm con số. Không có bất kỳ hành động hữu thức nào về phía tôi, các cơ quan cảm giác, các giác quan, và thể trí đã quan sát và ghi nhận con số đó khi đoàn tàu đến ga, và khi con số được cần đến thì hình ảnh bằng chất trí của con tàu đang đến, [63] với con số ở mặt trước của động cơ, ngay lập tức xuất hiện. Khả năng này, một khi được thiết lập, là một khả năng hữu ích, vì nó có nghĩa là khi những điều, đã đi qua xung quanh bạn, không thu hút sự chú ý của bạn vào thời điểm đó, tuy nhiên, bạn vẫn có thể nhớ lại chúng bằng cách xem xét hồ sơ mà thể trí, thể cảm dục và thể xác đã thực hiện về chúng trên sổ sách riêng của chúng.

Tuy nhiên, hoạt động tự động của thể trí, ngoài hoạt động hữu thức của Jiva, tiếp diễn rộng rãi trong tất cả chúng ta hơn là nó có thể được giả định; vì người ta đã phát hiện ra rằng khi một người bị thôi miên thì anh ta sẽ tường thuật một số sự kiện nhỏ đã đi qua anh ta mà không gây sự chú ý của anh ta. Những ấn tượng này đến thể trí qua bộ não, và được ghi khắc lên não bộ cũng như lên thể trí. Nhiều ấn tượng như

thể đến thể trí không đủ sâu để đi vào tâm thức – không phải vì tâm thức không thể nhận thức chúng, mà bởi vì nó thường không đủ tỉnh táo để chú ý bất cứ thứ gì ngoài những ấn tượng sâu sắc hơn. Trong cơn xuất thần do thôi miên, trong tình trạng mê sảng, trong giấc mơ ở cõi trần, khi Jiva vắng mặt, não bộ mang lại những ấn tượng này, vốn thường bị áp đảo bởi những ấn tượng mạnh mẽ hơn nhiều mà chính Jiva đã nhận và đã tạo ra; nhưng nếu thể trí được huấn luyện để quan sát và ghi chép, thì Jiva có thể phục hồi từ nó, tùy ý, những ấn tượng được tạo ra như thế.

Vì vậy, nếu hai người đi xuống một đường phố, một người được đào tạo về quan sát còn người kia thì không, cả hai sẽ [64] nhận được một số ấn tượng, và có thể cũng không có ý thức về việc nhận những ấn tượng này vào thời điểm đó; nhưng sau đó, người quan sát có đào tạo sẽ có thể phục hồi những ấn tượng này, trong khi người kia thì không. Vì năng lực này có căn nguyên ở việc tư duy rõ ràng, những ai muốn vun bồi và kiểm soát quyền năng tư tưởng sẽ cố gắng trau dồi thói quen quan sát và hy sinh niềm vui nhỏ nhất là trôi dạt một cách lười nhác dọc theo bất cứ nơi nào mà dòng tưởng tượng có thể mang chúng.

SỰ TIẾN HÓA CỦA CÁC QUAN NĂNG TRÍ TUỆ

Khi các hình ảnh tích lũy, công việc của Chủ Thể Biết sẽ trở nên phức tạp hơn, và hoạt động của y trên chúng rút ra hết quyền năng này đến quyền năng khác, vốn có trong bản tính thiêng liêng của y. Y không còn chấp nhận thế giới bên ngoài chỉ trong mối quan hệ đơn giản của nó với chính y, như là chứa đựng những đối tượng vốn là nguyên nhân của niềm vui hay đau khổ cho bản thân y; nhưng y sắp xếp bên cạnh nhau những hình ảnh đại diện cho chúng, nghiên cứu chúng

ở các khía cạnh khác nhau của chúng, di chuyển chúng chỗ này chỗ kia, và xem xét lại chúng. Y cũng bắt đầu sắp xếp các quan sát riêng của y. Y quan sát, khi một hình ảnh đưa ra một hình ảnh khác, thứ tự của chuỗi nối tiếp của chúng. Khi một hình ảnh thứ hai đã theo sau một hình ảnh thứ nhất nhiều lần, y bắt đầu tìm kiếm cái thứ hai khi cái thứ nhất xuất hiện, và như thế liên kết cả hai với nhau. Đây là nỗ lực đầu tiên của y về lý luận, và ở đây, một lần nữa, chúng ta có việc gọi ra từ một quan năng vốn có. Y lập luận rằng vì A và B đã [65] luôn xuất hiện liên tiếp, do đó khi A xuất hiện thì B sẽ xuất hiện. Dự báo này được liên tục kiểm chứng, y đi đến liên kết chúng với nhau như là "nhân" và "quả", và nhiều sai lầm ban đầu của y là do sự thiết lập quá nhanh mối quan hệ này. Hơn nữa, khi đặt các hình ảnh cạnh nhau, y quan sát những điểm không giống nhau và giống nhau của chúng, và phát triển một năng lực so sánh. Y chọn cái này hoặc cái kia như là một cái mang lại niềm vui, và di chuyển thể xác để tìm kiếm chúng trong thế giới bên ngoài, phát triển sự phán đoán bằng những lựa chọn này và các hậu quả của chúng. Y phát triển một ý thức về sự cân xứng trong mối quan hệ với cái giống và không giống nhau, và tập hợp các đối tượng lại với nhau bằng những điểm tương đồng nổi bật của chúng, tách chúng ra khỏi những cái khác bằng những điểm không giống nhau nổi bật của chúng; ở đây y cũng tạo ra nhiều sai sót, được sửa chữa bằng các quan sát sau đó, lúc đầu dễ bị đánh lừa bởi sự tương đồng bề mặt.

Như vậy, sự quan sát, sự phân biệt, lý trí, sự so sánh, sự phán xét được phát triển từng cái một, và những quan năng này phát triển với sự luyện tập, và do đó khía cạnh của Bản Ngã với vai trò là Chủ Thể Biết được phát triển bởi hoạt động

của tư tưởng, bởi việc hành động và việc tái hành động liên tục được lặp đi lặp lại giữa Bản Ngã và Phi Ngã.

Để thúc đẩy sự phát triển các quan năng này, chúng ta phải có chủ ý và có ý thức tập luyện chúng, sử dụng các tình huống của cuộc sống hàng ngày như là các cơ hội cho việc phát triển chúng. Cũng như chúng ta thấy rằng năng lực quan sát có thể được huấn luyện trong cuộc sống hàng ngày, vì vậy chúng ta có thể làm quen để thấy [66] các điểm giống nhau và không giống nhau trong các đối tượng xung quanh chúng ta, chúng ta có thể rút ra kết luận và kiểm tra chúng bằng các sự kiện, chúng ta có thể so sánh, và đánh giá, và tất cả điều này được làm một cách hữu thức và có mục đích nhất định. Quyền năng tư tưởng phát triển nhanh chóng dưới sự rèn luyện có chủ ý này, và trở thành một thứ được sử dụng hữu thức, được cảm thấy như là một quyền sở hữu rõ rệt.

SỰ HUẤN LUYỆN THỂ TRÍ

Để huấn luyện thể trí theo một chiều hướng nào đó là huấn luyện nó hoàn toàn đến một mức độ nào đó, vì bất kỳ loại hình đào tạo nhất định nào đều tổ chức chất trí mà từ đó thể trí được tạo thành, và cũng gọi lên một số quyền năng của Chủ Thể Biết. Năng lực gia tăng có thể được hướng đến một mục tiêu nào đó, và có sẵn cho mọi mục tiêu. Một thể trí được huấn luyện có thể được áp dụng cho một chủ đề mới, và nó sẽ vật lộn với chủ đề đó và chú trị nó theo cách không thể có đối với người không được huấn luyện, và điều này là công dụng của giáo dục.

Nhưng phải luôn luôn nhớ rằng việc huấn luyện thể trí không bao gồm việc nhồi nhét nó với các sự kiện, mà bằng việc khai thác các năng lực của nó. Thể trí không phát triển bằng cách ngấu nghiến những suy nghĩ của người khác, mà

bằng cách tập luyện các năng lực của chính nó. Người ta nói về các Huấn Sư vĩ đại, là những người đứng đầu sự tiến hoá của con người, rằng các Ngài biết mọi thứ tồn tại trong thái dương hệ. Điều này không có nghĩa là mỗi sự kiện trong đó luôn luôn nằm trong tâm thức của các Ngài, nhưng có nghĩa là các Ngài đã phát triển [67] khía cạnh tri thức trong các Ngài đến nỗi bất cứ khi nào các Ngài chuyển sự chú ý của các Ngài theo bất kỳ hướng nào, các Ngài biết đối tượng mà sự chú ý được chuyển đến. Đây là một điều tuyệt vời hơn nhiều so với việc lưu trữ trong tâm trí bất kỳ số lượng sự kiện nào, vì nó là một điều tuyệt vời để nhìn thấy bất kỳ đối tượng nào mà mắt được chuyển vào nó, hơn là mù quáng và chỉ biết nó bằng sự mô tả nó bởi những người khác. Sự tiến hóa của thể trí được đo lường không phải bởi những hình ảnh mà nó chứa đựng, mà bởi sự phát triển của bản chất vốn là tri thức, năng lực tái tạo trong chính nó bất cứ điều gì được trình bày cho nó. Điều này cũng sẽ hữu ích trong bất kỳ vũ trụ nào khác như trong vũ trụ này, và một khi đạt được thì nó là của chúng ta để sử dụng ở bất cứ nơi nào mà chúng tôi có thể ở.

SỰ KẾT HỢP VỚI NHỮNG ĐẰNG BỀ TRÊN

Bây giờ, công việc huấn luyện tâm trí này có thể được giúp tiến bộ rất nhiều bằng việc tiếp xúc với những người tiến hóa cao hơn chính chúng ta. Một nhà tư tưởng mạnh mẽ hơn so với chúng ta, có thể trợ giúp chúng ta một cách cơ bản, vì ông gửi ra những rung động có cấp độ cao hơn cấp độ chúng ta có thể tạo ra. Một mảnh sắt nằm trên mặt đất không thể bắt đầu các rung động nhiệt theo ý kiến riêng của nó; nhưng nếu nó tình cờ được đặt gần một ngọn lửa, nó có thể đáp ứng với các rung động nhiệt của lửa, và do đó trở nên nóng lên. Khi chúng ta đến gần một nhà tư tưởng mạnh mẽ,

những rung động của ông tác động lên thể trí của chúng ta và khởi động trong đó những rung động tương ứng, để chúng ta rung động một cách đồng cảm với ông. Trong lúc này, [68] chúng ta cảm thấy rằng năng lực trí tuệ của chúng ta được gia tăng và chúng ta có thể nắm bắt các khái niệm thường vượt quá chúng ta. Nhưng khi chúng ta lại ở một mình, chúng ta thấy rằng những khái niệm này đã trở nên không rõ ràng và lẫn lộn.

Mọi người sẽ nghe một bài thuyết giảng, và theo dõi nó một cách thông minh, vào lúc đó, hiểu biết giáo huấn mà nó chuyển tải. Họ thoả mãn rồi đi, cảm thấy rằng họ đã có được một sự hiểu biết đáng kể trong kiến thức. Ngày hôm sau, muốn chia sẻ với một người bạn những gì đã đạt được, họ nhận thấy với sự xấu hổ rằng họ không thể tái tạo được những khái niệm đã dường như rõ ràng và sáng sủa. Thường thì họ sẽ kêu lên một cách sốt ruột: "Tôi chắc chắn tôi biết nó, nó ở đó, giá mà tôi có thể nắm bắt nó." Cảm giác này phát sinh từ ký ức về những rung động mà cả thể trí và Jiva đã trải nghiệm; có ý thức về việc đã nhận thức được các khái niệm, ký ức về các hình thể được mang lấy, và cảm giác rằng, đã tạo ra chúng, nên việc tái tạo sẽ dễ dàng. Nhưng vào ngày hôm trước, chính các rung động uyên thâm của nhà tư tưởng mạnh mẽ hơn đã nắn tạo nên hình thể mà thể trí khoắc lấy; chúng được đúc từ bên ngoài, không phải từ bên trong. Cảm giác về sự bất lực được trải nghiệm về nỗ lực để tái tạo chúng có nghĩa là việc tạo hình này phải được thực hiện cho họ vài lần, trước khi họ có đủ sức để tái tạo các hình thể đó bằng những rung động tự khởi tạo. Chủ Thể Biết đã phải rung động theo các cách cao này [69] nhiều lần trước khi y có thể tái tạo những rung động theo ý thích. Nhờ bản chất vốn có của riêng y, y có thể phát triển năng lực bên trong bản thân y

để tái tạo chúng, khi y đã được làm cho đáp ứng nhiều lần bởi tác động từ bên ngoài. Quyền năng trong cả hai Chủ Thể Biết đều giống nhau, nhưng một người đã phát triển nó, trong khi ở người kia thì nó còn tiềm tàng. Nó được đưa ra khỏi sự tiềm tàng bởi sự tiếp xúc với một quyền năng tương tự đã hoạt động, và do đó năng lực mạnh mẽ hơn thúc đẩy sự tiến hóa của năng lực yếu.

Ở đây có một trong những giá trị của việc liên kết với những người tiến hóa hơn chúng ta. Chúng ta có lợi nhờ sự tiếp xúc của họ, và phát triển dưới ảnh hưởng kích thích của họ. Một vị Huấn Sư thật sự sẽ trợ giúp như thế cho các môn đồ của mình nhiều hơn bằng cách giữ họ gần Ngài so với bất cứ lời nói nào.

Đối với ảnh hưởng này, sự tiếp xúc trực tiếp với cá nhân tạo ra kênh dẫn có hiệu quả nhất. Nhưng nếu không thể có điều này, hoặc trong sự kết hợp với nó, nhiều ảnh hưởng cũng có thể thu được từ sách, nếu các sách được lựa chọn khôn ngoan. Khi đọc tác phẩm của một nhà văn thực sự vĩ đại, chúng ta nên cố gắng dành thời gian để tự đặt chúng ta vào tình trạng tiêu cực hoặc dễ tiếp thu, để nhận được càng nhiều những rung động tư tưởng của tác giả càng tốt. Khi chúng ta đọc những từ ngữ, chúng ta nên suy ngẫm về chúng, trầm tư về chúng, cố gắng để cảm nhận phần nào tư tưởng mà chúng biểu lộ, rút ra từ chúng tất cả các mối quan hệ ẩn giấu. Sự chú ý của chúng ta phải được tập trung, để xuyên thấu thể trí của tác giả, qua tấm màn che của các từ ngữ của ông. Việc đọc như vậy dùng có lợi như một chương trình giáo dục, và giúp [70] sự tiến hóa trí tuệ của chúng ta tiến bộ. Việc đọc ít căng thẳng có thể có lợi như một sự giải trí dễ chịu, có thể lưu trữ trong thể trí của chúng ta các sự kiện có giá trị, và do đó phục vụ cho sự hữu ích của chúng ta.

Nhưng việc đọc được mô tả như thế hàm ý một sự kích thích cho sự tiến hóa của chúng ta, và không nên xao lãng bởi những người tìm cách phát triển để phụng sự.

CHƯƠNG VII – SỰ ĐỊNH TRÍ

Vài việc đòi hỏi nhiều hơn các năng lực của môn sinh, là người đang bắt đầu huấn luyện thể trí của y, là sự định trí. Trong các giai đoạn đầu của hoạt động của thể trí, sự tiến bộ phụ thuộc vào các hoạt động nhanh chóng của nó, vào sự lanh lợi của nó, vào sự sẵn sàng nhận các tác động của hết cảm giác này đến cảm giác khác, chuyển sự chú ý của nó nhanh chóng từ cái này sang khác. Tính linh hoạt, ở giai đoạn đó, là tính chất có giá trị nhất, và việc chuyển sự chú ý liên tục ra ngoài là điều cần thiết để tiến bộ. Trong khi thể trí đang thu thập nguyên liệu cho tư tưởng, tính mau thay đổi cực độ là một lợi thế, và đối với rất nhiều kiếp sống, thể trí tăng trưởng nhờ tính mau thay đổi này, và gia tăng nó bằng sự luyện tập. Việc ngừng thói quen chạy ra ngoài theo mọi hướng này, việc áp đặt sự chú ý cố định trên một điểm duy nhất – sự thay đổi này tự nhiên xảy ra cùng với một sự bức bối và một cú choáng, và thể trí lao tới điên cuồng, giống như một con ngựa bất kham khi lần đầu tiên nó cảm nhận cái hàm thiếc ngựa.

Chúng ta đã thấy rằng thể trí được nắn tạo thành những hình ảnh của các đối tượng mà sự chú ý được [72] hướng tới. Patanjali nói về sự ngăn chặn các biến đổi của nguyên khí suy tư, nghĩa là việc dừng lại những bản sao luôn thay đổi này của thế giới bên ngoài. Để ngăn chặn sự biến đổi hằng biến dịch của thể trí, và giữ cho nó được tạo hình theo một hình

ảnh ổn định, là sự định trí trong chừng mực hình thức này có liên quan; để hướng sự chú ý ổn định theo hình thức này, tái tạo nó một cách hoàn hảo trong chính nó, là sự định trí trong chừng mực Chủ Thể Biết có liên quan.

Trong sự định trí, tâm thức được duy trì tới một hình ảnh duy nhất; toàn bộ sự chú ý của Chủ Thể Biết được cố định vào một điểm duy nhất, không dao động hoặc chuyển hướng. Thể trí – vốn chạy liên tục từ một việc này đến việc khác, bị thu hút bởi các đối tượng bên ngoài và tự tạo hình cho chính nó theo mỗi đối tượng trong chuỗi nối tiếp nhanh chóng – được kiểm tra, được kiềm chế, và bị bắt buộc bởi ý chí để nó vẫn ở trong một hình thức, được nắn tạo theo một hình ảnh, bất chấp tất cả các ấn tượng được phóng vào nó.

Bây giờ, khi thể trí được giữ theo sự tạo hình như vậy với một hình ảnh, và Chủ Thể Biết bình tĩnh chiêm ngắm nó, y đạt được một sự hiểu biết đầy đủ hơn nhiều về đối tượng so với khi y có thể có được nhờ bất kỳ sự mô tả bằng lời về nó. Ý tưởng của chúng ta về một hình ảnh, một phong cảnh, đầy đủ hơn nhiều khi chúng ta đã nhìn thấy nó, so với khi chúng ta đã chỉ đọc về nó, hoặc nghe mô tả về nó. Và nếu chúng ta định trí vào một mô tả như thế thì hình ảnh được hình thành trong thể trí, và chúng ta có được một sự hiểu biết đầy đủ hơn về nó hơn là đạt được bằng cách chỉ đọc các từ ngữ. Từ ngữ là các biểu tượng của các sự vật, và sự định trí vào phác thảo thô sơ của một vật được tạo ra [73] bởi một lời mô tả về nó lấp đầy càng lúc càng nhiều chi tiết, khi tâm thức đi vào tiếp xúc gần hơn với vật được mô tả.

Phải nhớ rằng sự định trí không phải là một tình trạng thụ động, mà, trái lại, là một hoạt động mãnh liệt và có kiểm soát. Nó giống như, trong thế giới trí tuệ, sự quy tụ các cơ bắp cho một cái nhảy ở thế giới vật chất, hoặc việc làm cứng

chúng để đáp ứng một sự căng thẳng kéo dài. Trong thực tế, sự căng thẳng này luôn tự thể hiện trong một sự căng thẳng về thể chất tương ứng với những người sơ cơ, và sự mệt mỏi về thể chất theo sau sự luyện tập định trí – sự mệt mỏi của các cơ bắp chứ không chỉ của hệ thần kinh. Khi việc cố định mắt một cách ổn định trên một đối tượng cho phép chúng ta quan sát các chi tiết của nó, vốn không được để ý trong một cái liếc mắt nhanh chóng, cũng vậy, sự định trí cho phép chúng ta quan sát các chi tiết của một ý tưởng. Và khi chúng ta tăng cường độ định trí, chúng ta nắm được nhiều trong thời gian đó, như một người chạy nhanh qua nhiều đối tượng – trong một phút – nhiều hơn so với một người đi bộ. Người đi bộ sẽ tiêu tốn chính xác cùng số lượng năng lượng cơ bắp khi đi qua 20 đối tượng giống như người chạy, nhưng người chạy bộ rút ra năng lượng tương ứng với thời gian ngắn hơn của đoạn đường.

Vào lúc đầu, có hai khó khăn phải được khắc phục. Thứ nhất, Chủ Thể Biết phải lờ đi những ấn tượng liên tục bị ném vào thể trí. Thể trí phải được ngăn ngừa việc đáp ứng với các sự tiếp xúc này, và ta phải chống lại xu hướng đáp ứng với những ấn tượng bên ngoài; nhưng điều này đòi hỏi việc hướng một phần sự chú ý đến [74] chính sự đối kháng, và khi xu hướng đáp ứng đã được khắc phục, thì chính sự đối kháng phải đi đến kết thúc; cần có sự cân bằng hoàn hảo, không có đối kháng mà cũng không có không đối kháng, nhưng một sự yên tĩnh đều đặn quá chắc chắn đến nỗi các con sóng từ bên ngoài sẽ không tạo ra bất kỳ kết quả nào, thậm chí không có kết quả phụ nào của ý thức về một cái gì đó để được chống lại.

Thứ hai, chính thể trí phải duy trì một hình ảnh duy nhất, trong thời gian này, là đối tượng cho sự định trí; nó

phải không chỉ từ chối để thay đổi bản thân khi đáp ứng với những tác động từ bên ngoài, mà còn phải chấm dứt hoạt động bên trong của riêng nó, bằng việc đó, nó liên tục tái sắp xếp các nội dung của nó, suy tư về chúng, thiết lập các mối quan hệ mới, khám phá những điều giống nhau và khác nhau bị che giấu. Bây giờ nó phải giới hạn sự chú ý của nó tới một đối tượng duy nhất, để tập trung chính nó vào điều đó. Tất nhiên nó không chấm dứt hoạt động của nó, nhưng gửi nó hoàn toàn theo một kênh duy nhất. Nước chảy trên một bề mặt rộng so với lượng nước thì sẽ có ít sức mạnh vận động. Cùng lượng nước như vậy được gửi theo một kênh hẹp, với cùng xung lực ban đầu như nhau, sẽ mang đi một trở ngại. Đó là giá trị của "sự nhất tâm" mà các giáo viên về thiền định liên tục yêu cầu như thế. Không cần thêm vào sức mạnh của thể trí, sức mạnh ảnh hưởng của nó được tăng lên vô cùng. Hơi nước được phép mở rộng trong không khí tự do không di chuyển một con ruồi ra khỏi đường đi của nó; nhưng dọc theo một đường ống, cùng hơi nước như vậy sẽ làm chạy một van đẩy (piston). Sự áp đặt này của sự tĩnh lặng bên trong thậm chí còn khó khăn hơn so với việc bỏ qua các tác động bên ngoài, có liên quan với [75] sự sống sâu xa và đầy đủ hơn của chính nó. Quay lưng với thế giới bên ngoài thì dễ dàng hơn là làm tĩnh lặng bên trong, vì thế giới nội tâm này được đồng nhất hóa hơn với Bản Ngã, và, trên thực tế, đối với hầu hết mọi người ở giai đoạn hiện tại của quá trình tiến hóa, đại diện cho cái "Ngã". Tuy nhiên, chính nỗ lực như thế để làm tĩnh lặng thể trí sớm mang lại một bước tiến tới trong sự tiến hóa tâm thức, vì chúng ta nhanh chóng cảm thấy rằng Chủ Thể Cai Trị và người bị trị không thể là một, và theo bản năng, tự đồng hóa chúng ta với Chủ Thể Cai Trị. "Hãy làm yên lặng thể trí của tôi", là sự biểu lộ của tâm thức, và thể trí

được cảm nhận như là thuộc về, như một vật sở hữu của cái "Ngã".

Sự khác biệt này lớn lên một cách vô thức, và đệ tử tự thấy mình trở nên ý thức về một nhị nguyên, về một cái gì đó vốn đang kiểm soát, và một cái gì đó vốn bị kiểm soát. Trí cụ thể thấp hơn bị tách ra, và cái "Ngã" được cảm nhận như là có sức mạnh lớn hơn, tầm nhìn rõ ràng hơn, và được phát triển một cảm giác rằng cái "Ngã" này không phụ thuộc vào hoặc thể xác, hoặc thể trí. Đây là sự nhận thức đầu tiên, tức là cảm giác trong tâm thức về bản chất bất tử thật sự, mà về mặt trí tuệ đã được xem như đang tồn tại, trên thực tế, tầm nhìn như vậy đã thúc đẩy chính sự định trí, vốn được tưởng thưởng theo cách đó. Khi sự thực hành tiếp diễn, chân trời mở rộng ra, nhưng như thể vào bên trong, chứ không phải ra ngoài, vào bên trong và vào bên trong liên tục, một cách không thể bắt chước được. Có sự khai mở một năng lực hiểu biết Chân Lý ngay từ cái nhìn, vốn chỉ tự tỏ lộ khi thể trí, với các quá trình lý luận chậm chạp của nó, được vượt qua. [Độc giả không được bao giờ quên rằng "thể trí" ("the mind") được sử dụng xuyên suốt có nghĩa là [76] hạ trí, thể trí tuệ, cộng với manas.] Vì cái 'Ngã' là sự biểu hiện của Bản Ngã có bản chất là tri thức, và bất cứ khi nào y tiếp xúc với một sự thật, y nhận thấy những rung động của nó thường xuyên, và do đó có khả năng tạo ra một hình ảnh cố kết trong chính y, trong khi điều giả gây ra một hình ảnh méo mó, không tương xứng, bởi chính sự phản chiếu của nó cho người ta biết bản chất của nó. Khi thể trí có một vị trí ngày càng phụ thuộc nhiều hơn, các quyền năng của Chân Nhân (Ego) khẳng định ưu thế riêng của chúng, và trực giác – tương tự như tầm nhìn trực tiếp của cõi trần – thay thế cho sự lý luận, mà có lẽ có thể được so sánh với các giác quan tiếp xúc của cõi trần. Thật ra,

sự tương tự, vốn gần hơn ngay từ cái nhìn thoáng qua đầu tiên, có thể xuất hiện. Vì trực giác phát triển từ việc lý luận theo cách liên tục tương tự, và không có sự thay đổi của tính chất căn bản, như mắt phát triển từ xúc giác. Chắc chắn là có một sự thay đổi lớn về "cách thức", nhưng điều này không nên làm chúng ta mù quáng đối với sự tiến hóa có trật tự và tuần tự. Trực giác của người kém thông minh là xung lực, được sinh từ ham muốn, và thấp hơn, chứ không phải cao hơn, việc lý luận.

Khi thể trí được huấn luyện tốt trong việc định trí vào một đối tượng, và có thể duy trì sự nhất tâm của nó – như trạng thái này được gọi – một thời gian ngắn nào đó, giai đoạn tiếp theo là bỏ rơi đối tượng, và duy trì thể trí trong thái độ chú ý bất động mà không có sự chú ý hướng đến bất cứ điều gì. Trong trạng thái này thể trí không cho thấy hình ảnh nào; chất liệu riêng của nó đang ở đó, được giữ ổn định và vững chắc, không nhận ấn tượng nào, [77] trong một tình trạng bình tĩnh hoàn hảo, như một cái hồ không có sóng. Đây không phải là một trạng thái có thể kéo dài hơn một khoảng thời gian rất ngắn ngủi, giống như "trạng thái tới hạn" của nhà hóa học, điểm tiếp xúc giữa hai trạng thái phụ được nhận biết và được xác định của vật chất. Nếu không, tâm thức, khi thể trí được yên tĩnh, thoát ra khỏi nó, và chuyển vào và ra khỏi "trung tâm laya", là các điểm tiếp xúc trung tính giữa thể trí và thể nguyên nhân; sự đi qua này được đi kèm với một sự bất tỉnh tạm thời, hoặc mất ý thức – là kết quả tất yếu của sự biến mất của các đối tượng của ý thức – được tiếp theo bằng tâm thức ở cõi cao hơn. Việc bỏ rơi các đối tượng của tâm thức thuộc về các cõi giới thấp như vậy được tiếp theo bằng sự xuất hiện của các đối tượng của tâm thức trong các cõi cao. Bấy giờ Chân Nhân (Ego) có thể nắn tạo thể trí theo

các tư tưởng cao cả của chính y và tràn ngập nó với các rung động của chính y. Y có thể đúc nặn nó theo các linh thị cao siêu của các cõi vượt qua cõi của chính y, mà y đã thoáng thấy trong những khoảnh khắc cao nhất của chính y, và như thế có thể truyền đạt xuống dưới và ra ngoài các ý tưởng mà thể trí sẽ không thể đáp ứng theo cách khác. Đây là những sự cảm hứng của thiên tài, vốn lóe xuống vào thể trí với ánh sáng rực rỡ, và chiếu sáng một thế giới. Chính người này vốn là người cung cấp chúng cho thế gian, không thể kể trong trạng thái trí tuệ bình thường của y về cách thức mà chúng đã đến với y; y chỉ biết rằng theo một cách kỳ lạ nào đó

"..... sức mạnh trong tôi ngân lên

Sống trên môi của tôi và vẫy gọi với bàn tay của tôi".

[78]

TÂM THỨC Ở BẤT CỨ NƠI NÀO CÓ MỘT ĐỐI TƯỢNG MÀ NÓ ĐÁP ỨNG VỚI.

Trong thế giới sắc tướng, một hình tướng chiếm một vị trí nhất định, và không thể nói là – nếu sự diễn đạt có thể được tha thứ – nó ở một nơi mà nó không được ở. Nghĩa là, khi chiếm một vị trí nhất định, nó gần hơn hoặc xa hơn các hình tướng khác cũng chiếm các vị trí nhất định có liên quan với vị trí riêng của nó. Nếu nó muốn thay đổi từ nơi này sang nơi khác, nó phải băng qua không gian ở giữa; việc đi qua này có thể nhanh hay chậm, nhanh như tia chớp, chậm chạp như rùa, nhưng nó phải được thực hiện, và nó mất một thời gian nào đó, cho dù thời gian có ngắn hay dài.

Bây giờ, đối với tâm thức, không gian không có sự tồn tại như vậy. Tâm thức thay đổi trạng thái của nó, chứ không phải vị trí của nó, và ôm lấy nhiều hay ít hơn, biết hoặc không biết cái vốn không phải là chính nó, chỉ cần xứng khi

nó có thể hoặc không thể đáp ứng các rung động của các phi ngã. Chân trời của nó mở rộng theo khả năng tiếp nhận của nó, tức là, theo năng lực đáp ứng của nó, theo các khả năng tái tạo các rung động của nó. Trong điều này, không có vấn đề về việc đi lại, việc vượt qua các khoảng trống trung gian. Không gian thuộc về các hình tượng, vốn ảnh hưởng nhau nhiều nhất khi gần nhau, và sức mạnh của chúng lên nhau giảm đi khi khoảng cách giữa chúng tăng lên.

Tất cả các môn sinh thành công trong việc định trí lại phát hiện cho chính họ sự không tồn tại của không gian đối với tâm thức. Một vị Cao Đồ (Adept) có thể hoạch định sự hiểu biết [79] về bất kỳ đối tượng nào trong phạm vi giới hạn của Ngài bằng cách định trí vào nó, và khoảng cách không hề ảnh hưởng sự định trí đó. Ngài trở nên ý thức về một đối tượng, có thể nói là trên một hành tinh khác, không phải vì nhân quan cảm dục của Ngài tác động như kính viễn vọng, mà bởi vì ở trong lĩnh vực bên trong, toàn thể vũ trụ tồn tại như một điểm; một người như thế đạt đến Tâm của Sự sống (Heart of Life), và nhìn thấy mọi vật trong đó.

Điều đó được viết trong Áo Nghĩa Thư (Upanishads) rằng trong trái tim có một buồng nhỏ, và trong đó là "ête nội tại" ("inner ête"), vốn cùng bao quát với không gian; đây là Atma, Bản Ngã (the Self), bất tử, vượt qua sự đau khổ:

"Trong nơi này, vẫn còn bầu trời và thế giới; trong nơi này, vẫn còn lửa và không khí, mặt trời và mặt trăng, chớp sét và các ngôi sao, tất cả những gì hiện hữu và tất cả những gì không hiện hữu ở trong nơi này [vũ trụ]." (7)

⁷⁷ Chhandogyopnishad, VIII. i. 3.

"ête nội tại của tâm" là một thuật ngữ thần bí cổ xưa mô tả về bản chất tinh tế của Bản Ngã, mà thực ra là một và thâm nhập khắp nơi, để cho bất cứ ai có ý thức trong Bản Ngã thì có ý thức ở mọi điểm của vũ trụ. Khoa học nói rằng sự chuyển động của một cơ thể ở đây ảnh hưởng đến những ngôi sao xa nhất, bởi vì tất cả các cơ thể đều được nhúng trong, được thấu nhập bởi ête, một trung gian liên tục truyền các rung động không ma sát, do đó mà không mất năng lượng, do đó đến bất kỳ khoảng cách nào. Điều này thuộc khía cạnh sắc tướng của Thiên Nhiên. Khi đó, thật tự nhiên biết bao, tâm thức đó, khía cạnh sự sống của Thiên Nhiên, có thể thâm nhập khắp nơi và liên tục.

[80] Chúng ta cảm thấy mình "ở đây" bởi vì chúng ta đang nhận các ấn tượng từ các đối tượng xung quanh chúng ta. Vì vậy, khi tâm thức rung động đáp ứng với các đối tượng "ở xa" cũng đầy đủ như với các đối tượng "ở gần", chúng ta cảm thấy mình ở bên chúng. Nếu tâm thức đáp ứng với một sự kiện đang diễn ra ở Sao Hỏa cũng đầy đủ như với một sự kiện diễn ra trong phòng riêng của chúng ta, không có sự khác biệt nào trong sự hiểu biết của nó về mỗi sự kiện, và nó cảm thấy nó như "ở đây" như nhau trong mỗi trường hợp. Không có vấn đề nào về nơi chốn, mà là một vấn đề về sự tiến hóa của năng lực. Chủ Thể Biết ở bất cứ nơi nào mà tâm thức của y có thể đáp ứng, và gia tăng năng lực của y để đáp ứng, nghĩa là bao gồm trong tâm thức của y tất cả những gì mà y đáp ứng, tất cả những gì trong phạm vi rung động của y.

Ở đây, một lần nữa, sự tương tự vật chất là hữu ích. Mắt nhìn thấy tất cả những gì có thể phóng vào nó các rung động ánh sáng, và không có gì khác. Nó chỉ có thể đáp ứng trong một phạm vi rung động nhất định; tất cả những gì vượt qua

phạm vi đó, ở trên hoặc dưới nó, là bóng tối đối với nó. Châm ngôn xưa của Hermes: "Trên sao dưới vậy", là một manh mối trong mê cung xung quanh chúng ta, và bằng một nghiên cứu phản ánh bên dưới, chúng ta thường có thể học một cái gì đó về đối tượng bên trên vốn phóng ra phản ánh đó.

Một sự khác biệt giữa năng lực ý thức ở bất cứ nơi nào với năng lực "đi đến" các cõi cao là, trong trường hợp đầu tiên, Jiva, dù được bao bọc trong những hiện thể thấp của nó hay không, cảm thấy chính nó ngay lập tức ở trước mặt các đối tượng ở "xa xôi", và trong trường hợp thứ hai, được bao bọc trong thể trí và thể cảm dục, hoặc chỉ trong thể trí, du hành nhanh chóng từ điểm này sang điểm khác, và [81] ý thức về sự chuyển. Một sự khác biệt quan trọng hơn nhiều là trong trường hợp thứ hai, Jiva có thể thấy mình ở giữa một đám đông của các đối tượng mà y không hiểu chút nào cả, một thế giới mới lạ vốn làm y hoang mang và bối rối; trong khi ở trường hợp thứ nhất, y hiểu tất cả những gì y thấy, và biết sự sống cũng như hình tướng trong mỗi trường hợp. Khi được nghiên cứu như thế, ánh sáng của Bản Ngã Duy Nhất tỏa sáng xuyên qua tất cả, và một sự hiểu biết trong sáng được thường thức mà không bao giờ có thể đạt được bằng cách sử dụng vô số thời đại giữa rừng hình tướng.

Định trí là phương tiện mà nhờ đó Jiva thoát khỏi sự lệ thuộc vào hình tướng và nhập vào Sự Yên Bình. "Đối với người, không có định trí thì không có Yên Bình," Vị Huấn Sư nói (8), vì sự bình yên có cái tổ của nó trên một tảng đá cao hằn bên trên những con sóng bập bênh của hình tướng.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐỊNH TRÍ

⁸ Bhagavad-Gita, ii, 66.

Sau khi đã hiểu được lý thuyết của sự định trí, môn sinh nên bắt đầu thực hành nó.

Nếu y có một khí chất mộ đạo, công việc của y sẽ được đơn giản hóa nhiều, vì lúc đó y có thể xem đối tượng của lòng sùng kính của y như là đối tượng chiêm ngưỡng, và trái tim được thu hút mạnh mẽ tới đối tượng đó, thể trí sẽ dễ dàng chăm chú vào nó, đưa ra hình ảnh yêu thích mà không cần nỗ lực và loại trừ những hình ảnh khác cũng dễ dàng như vậy. Vì thể trí [82] liên tục bị thúc đẩy bởi ham muốn, và đáp ứng liên tục như vị công sứ của niềm vui. Những gì mang đến niềm vui luôn luôn được thể trí tìm kiếm, và nó luôn luôn tìm cách trình bày các hình ảnh mang lại niềm vui và loại trừ những hình ảnh mang lại đau khổ. Do đó nó sẽ chú tâm vào một hình ảnh thân yêu, được vững vàng trong sự chiêm nghiệm bằng niềm vui được trải nghiệm trong đó, và nếu bị bắt buộc phải kéo ra khỏi đó, nó sẽ trở lại đó hết lần này đến lần khác. Một người sùng tín khi đó có thể rất dễ dàng đạt được một mức độ định trí đáng kể; y sẽ nghĩ về đối tượng của lòng sùng kính của y, tạo ra bằng trí tưởng tượng, hết sức rõ ràng có thể, một bức tranh, một hình ảnh của đối tượng đó, và sau đó y sẽ giữ cho thể trí của y cố định trên hình ảnh đó, trên ý tưởng về Đấng Được Yêu Thương. Vì vậy, một tín đồ Ki Tô sẽ nghĩ về Đấng Christ, về Đức Mẹ Đồng Trinh, về Thánh Bốn Mạng của y, về Thiên Thần Hộ Mệnh của y; một người Ấn Giáo sẽ nghĩ về Maheshvara, về thần Vishnu, về Uma, về Shri Krishna; một Phật tử sẽ nghĩ về Đức Phật, về Bồ Tát; một tín đồ Bái Hỏa Giáo sẽ nghĩ về Ahura-Mazda, về Mithra; và v.v.... Mỗi một và tất cả các đối tượng này thu hút sự sùng kính của các tín đồ, và sự thu hút, được các tín đồ thực hiện qua tim, ràng buộc thể trí với đối

tượng đem lại hạnh phúc. Bằng cách này, thể trí trở nên được định trí với sự cố gắng tối thiểu, mất công sức ít nhất.

Khi tính khí không thuộc loại sùng tín, yếu tố hấp dẫn vẫn có thể được sử dụng như một sự giúp đỡ, nhưng trong trường hợp này, nó sẽ ràng buộc với một Ý Tưởng chứ không phải với một Nhân Vật. Những nỗ lực ban đầu ở sự định trí nên luôn luôn được thực hiện với sự giúp đỡ này. Với [83] người không sùng tín, hình ảnh hấp dẫn sẽ mang hình thức của một ý tưởng sâu sắc nào đó, một vấn đề cao siêu nào đó; điều đó sẽ tạo thành đối tượng cho sự định trí, và dựa vào đó thể trí sẽ được tập trung ổn định. Ở đây năng lực thu hút tập trung là sự quan tâm trí tuệ, sự ham muốn sâu sắc đối với sự hiểu biết, một trong những yêu thích sâu sắc nhất của con người.

Một hình thức định trí rất hiệu quả khác, vì một người không bị thu hút tới một nhân vật như một đối tượng của lòng sùng kính, sẽ chọn một đức tính và định trí vào đó. Một loại sùng kính rất chính đáng có thể được kích thích bởi một đối tượng như vậy, vì nó thu hút đến trái tim qua tình yêu về đẹp trí tuệ và đạo đức. Đức hạnh nên được thể trí hình dung theo cách toàn diện nhất có thể, và khi một cái nhìn chung về ảnh hưởng của nó đã được đạt đến, thể trí nên được ổn định trên tính chất căn bản của nó. Một lợi thế phụ lớn của loại định trí này là khi thể trí nắn tạo nó theo đức hạnh và lặp lại những rung động của nó, đức hạnh sẽ dần dần trở thành một phần của bản chất, và sẽ được thiết lập vững chắc trong tính cách. Việc nắn tạo thể trí này thực sự là một hành động tự sáng tạo, vì thể trí, sau một thời gian, sẽ rơi dễ dàng vào các hình thức mà nó đã bị sự định trí ép buộc, và những hình thức này trở thành các cơ quan của sự biểu lộ quen thuộc của nó. Điều đó là thật, như xưa kia được viết:

Con người là sự sáng tạo của tư tưởng; những gì y suy tư trong kiếp này thì trong kiếp sau y sẽ trở thành.⁹)

[84] Khi thể trí không còn giữ các đối tượng của nó, cho dù thuộc sùng tin hay trí tuệ – vì nó sẽ như thế, hết lần này đến lần khác, nó phải được đưa trở lại, và một lần nữa được hướng đến đối tượng. Thường thì lúc đầu nó sẽ đi lang thang mà không để ý đến việc đi lang thang, và môn sinh đột nhiên thức tỉnh với thực tế rằng y đang suy nghĩ về một cái gì đó hoàn toàn khác so với đối tượng thích hợp của tư tưởng. Điều này sẽ xảy ra hết lần này đến lần khác, và y phải kiên nhẫn đưa nó trở lại – một quá trình chán ngắt và mệt mỏi, nhưng không có cách nào khác để cho sự định trí có thể đạt được.

Đó là một sự luyện tập trí tuệ hữu ích và có tính giáo dục, khi thể trí trượt đi mà không thông báo, để đưa nó trở lại bằng con đường mà nó đã đi qua trong những lần đi lạc của nó. Quá trình này làm tăng sự kiểm soát của người kỵ mã trên con ngựa chạy trốn của y, và do đó làm giảm khuynh hướng trốn thoát của nó.

Việc suy nghĩ liên tiếp, mặc dù là một bước tiến trong việc định trí, lại không giống với sự định trí, vì trong việc suy nghĩ liên tiếp, thể trí chuyển từ cái này đến cái khác của một chuỗi các hình ảnh, và không cố định trên một mình cái nào. Nhưng vì nó dễ dàng hơn nhiều so với định trí, người sơ cơ có thể sử dụng nó để dẫn đến nhiệm vụ khó khăn hơn. Nó thường hữu ích cho một người sùng tín để chọn một cảnh tượng từ đời sống của đối tượng của lòng sùng kính của y, và hình dung ra cảnh tượng một cách sinh động trong các chi tiết của nó, với môi trường xung quanh cục bộ của phong

⁹ Chhandogyopnishad, III, xiv, i.

cảnh và màu sắc. Do đó, thể trí được dần dần ổn định trên một đường lối, và nó có thể được đưa đến và cuối cùng được cố định trên nhân vật trung tâm của cảnh quan, đối tượng của lòng sùng kính. Khi cảnh quan được tái tạo [85] trong thể trí, nó mang một cảm giác về thực tại, và theo cách này, nó hoàn toàn có thể đi vào trong sự tiếp xúc từ tính với ký ảnh (record) của cảnh quan đó trên một cõi cao hơn – bức ảnh vĩnh viễn của nó trong ête vũ trụ – và do đó có được rất nhiều kiến thức về nó so với khi được cung cấp bởi bất kỳ sự mô tả nào về nó có thể đã được đưa ra. Như vậy người sùng tín cũng có thể đi vào sự tiếp xúc từ tính với đối tượng của lòng sùng tín, và bằng sự tiếp xúc trực tiếp này, đi vào các mối quan hệ mật thiết hơn nhiều với y hơn là cách nào khác có thể. Vì tâm thức không chịu những hạn chế về không gian vật lý, nhưng ở bất cứ nơi nào mà nó có ý thức – một phát biểu đã được giải thích rồi.

Tuy nhiên, cần phải nhớ, bản thân sự định trí không phải là việc suy nghĩ liên tiếp này, và thể trí cuối cùng phải được gắn chặt vào một đối tượng duy nhất và vẫn được cố định vào đó, không lý luận về nó, nhưng, có thể nói là, rút ra, hấp thụ, nội dung của nó.

CHƯƠNG VIII

CÁC CHƯƠNG NGẠI CHO VIỆC TẬP TRUNG CÁC THỂ TRÍ ĐI LANG THANG

Sự phàn nàn chung xuất phát từ những người đang bắt đầu thực hành định trí là chính sự cố gắng định trí đưa đến kết quả là một sự hiếu động nhiều hơn của thể trí. Ở một

chùng mực nào đó thì điều này là đúng, vì qui luật tác động và phản tác động hoạt động ở đây cũng như ở khắp mọi nơi, và áp lực đặt trên thể trí gây ra một phản lực tương ứng. Nhưng trong khi thừa nhận điều này, trong nghiên cứu kỹ lưỡng hơn, chúng ta thấy rằng sự bồn chồn gia tăng phần lớn lại là ảo tưởng. Cảm giác về sự bồn chồn gia tăng như thế chủ yếu là do sự chống đối bất ngờ được thiết lập giữa Ego, sự kiên định sẵn sàng, và thể trí trong tình trạng hay thay đổi bình thường của nó. Trong một chuỗi dài các kiếp sống, Ego đã bị thể trí mang đây đó trong mọi chuyển động nhanh chóng của nó, như một người luôn luôn được trái đất quay cuông mang xuyên qua không gian. Y không ý thức về chuyển động; y không biết rằng thế giới đang di chuyển, vì vậy y hoàn toàn là một phần của nó, di chuyển khi nó di chuyển. Nếu y đã có thể tách y ra khỏi trái đất và ngăn chặn chuyển động riêng của y mà không bị vỡ ra [87] nhiều mảnh, chỉ khi đó y sẽ ý thức rằng trái đất đang di chuyển với tốc độ cao. Vì vậy, chùng nào mà một người đang nương theo từng chuyển động của tâm trí, y không nhận ra sự hoạt động và bồn chồn liên tục của nó; nhưng khi y trở nên vững vàng, khi y không còn di chuyển, bấy giờ y cảm thấy sự chuyển động không ngừng của thể trí mà từ trước đến nay y đã vâng lời.

Nếu người sơ cơ biết những sự thật này, y sẽ không bị nản lòng ngay lúc bắt đầu các nỗ lực của y bởi việc gặp kinh nghiệm phổ biến này, mà sẽ chấp nhận nó như vậy, lặng lẽ tiếp tục với nhiệm vụ của y. Và, sau cùng, y chỉ đang lặp lại kinh nghiệm mà Arjuna đã nói năm ngàn năm trước:

Yoga này mà Ngài đã tuyên bố là sự thư thái, ôi kẻ sát nhân của Madhu, tôi thấy không có nền tảng ổn định cho nó, do sự không yên; vì thể trí quả thật là không yên, ôi Krishna! nó bốc đồng, mạnh mẽ, và

khó để uốn cong; Tôi cho rằng nó khó kiềm chế như gió.

Và câu trả lời vẫn là đúng, câu trả lời chỉ ra con đường duy nhất dẫn đến thành công:

Không nghi ngờ gì, ôi thể trí, được vũ trang cẩn thận, khó kiềm chế và không yên; nhưng nó có thể được kiềm chế bằng cách thực hành liên tục và bằng sự lãnh đạm.⁽¹⁰⁾

Do đó, thể trí được vững vàng sẽ không quá dễ dàng bị ném ra khỏi sự cân bằng của nó bởi các tư tưởng đi lang thang từ các thể trí khác, vốn luôn luôn tìm cách tạo ra một chỗ tạm trú, đám đông vô định vốn liên tục bao quanh chúng ta. Thể trí thường định trí, luôn luôn duy trì một trạng thái tích cực nhất định, và không dễ dàng bị định hình bởi những kẻ xâm nhập không có giấy phép.

[88] Mọi người đang huấn luyện thể trí của họ nên duy trì một thái độ cảnh giác ổn định đối với những tư tưởng "đi vào thể trí", và nên luyện tập một sự chọn lọc thường xuyên với chúng. Việc từ chối chứa chấp những suy nghĩ ác, nhanh chóng đuổi chúng nếu chúng đi vào, thay thế ngay lập tức một ý nghĩ xấu bằng một tư tưởng tốt có đặc tính ngược lại – sự thực hành này sẽ điều chỉnh thể trí đến nỗi sau một thời gian nó sẽ tự động hoạt động, đẩy lùi điều xấu theo ý riêng của nó. Các rung động hài hòa, nhịp nhàng đẩy lùi những rung động bất hài hòa và bất quy tắc; chúng bay ra khỏi bề mặt rung động nhịp nhàng như một hòn đá va vào một bánh xe đang quay. Khi sống, như tất cả chúng ta đều làm, trong một dòng liên miên của các tư tưởng, tốt và xấu, chúng ta cần phải vun bồi những hành động có chọn lọc của thể trí, để cho

¹⁰ Bhagavad-Gita, vi, 35, 36.

điều tốt có thể được tự động đi vào trong, điều xấu tự động bị đẩy lùi.

Thể trí giống như một nam châm, thu hút và đẩy lùi, và bản chất của những sự thu hút và những sự đẩy lùi của nó có thể được chúng ta quyết định. Nếu chúng ta trông chừng những tư tưởng đó đi vào thể trí của chúng ta, chúng ta sẽ thấy rằng chúng cùng loại với những tư tưởng mà chúng ta thường xuyên khuyến khích. Thể trí thu hút những tư tưởng thích hợp với các hoạt động bình thường của nó. Nếu lúc đó, chúng ta, trong một thời gian, cố ý thực hành sự chọn lọc, thể trí sẽ sớm thực hiện sự chọn lọc này cho chính nó theo các đường lối được đặt ra cho nó, và vì thế, các tư tưởng xấu sẽ không thâm nhập vào thể trí, trong khi tư tưởng tốt sẽ luôn luôn tìm thấy một cánh cửa mở.

[89] Hầu hết mọi người chỉ quá dễ tiếp thu, nhưng sự tiếp nhận là do sự yếu đuối, không chủ tâm tự phục tùng những ảnh hưởng cao siêu. Do đó, thật tốt để học cách thức sao cho chúng ta có thể khiến cho chúng ta tích cực một cách bình thường, và cách thức để chúng ta có thể trở nên tiêu cực khi chúng ta quyết định rằng thật đáng mong muốn để chúng ta nên như vậy.

Thói quen định trí sẽ tự có xu hướng tăng cường thể trí, sao cho nó sẽ dễ dàng thực hiện việc kiểm soát và chọn lọc đối với những tư tưởng đến với nó từ bên ngoài, và người ta đã nói cách thức mà nó có thể được huấn luyện tự động để đẩy lùi cái xấu. Nhưng có thể là tốt để thêm vào những gì đã được nói, rằng khi một tư tưởng xấu đi vào thể trí, tốt hơn là đừng chiến đấu với nó một cách trực tiếp, mà hãy tạm dừng sự kiện là thể trí chỉ có thể nghĩ đến một việc tại một thời điểm; hãy để cho thể trí ngay lập tức được chuyển sang một ý nghĩ tốt, và một ý nghĩ xấu sẽ tất nhiên bị trục xuất. Trong

khi chiến đấu chống lại bất cứ điều gì, chính mãnh lực mà chúng ta phóng ra gây ra một phản ứng tương ứng, và do đó làm tăng sự khó khăn của chúng ta; trong khi việc chuyển con mắt trí tuệ tới một hình ảnh theo một hướng khác sẽ khiến cho hình ảnh khác âm thầm rơi ra khỏi lĩnh vực của tầm nhìn. Một người lãng phí nhiều năm trong cuộc chiến chống lại những tư tưởng bất tịnh, khi sự chiếm đóng êm ả thể trí với những tư tưởng trong sạch sẽ không chứa chỗ cho những kẻ tấn công của y; hơn nữa, khi thể trí rút cho chính nó vật chất không đáp ứng với điều xấu, y đang dần trở nên tích cực, không dễ tiếp thu, đối với loại tư tưởng đó.

[90] Đây là sự bí mật của khả năng cảm thụ đúng đắn; thể trí đáp ứng theo cấu tạo của nó; nó đáp ứng với tất cả những gì có bản chất giống như bản thân nó; chúng ta làm cho nó tích cực đối với điều xấu, tiêu cực đối với điều tốt, bằng việc thường xuyên suy tư tốt đẹp, do đó đưa vào trong chính kết cấu của nó các vật liệu dễ tiếp thu điều tốt, không dễ tiếp thu điều xấu. Chúng ta phải suy tư những gì mà chúng ta muốn nhận, và từ chối suy tư những gì mà chúng ta không muốn nhận. Một thể trí như vậy, trong đại dương tư tưởng bao quanh nó, thu hút vào nó những tư tưởng tốt, đẩy lùi những tư tưởng xấu, và do đó luôn luôn trở nên thanh khiết hơn và mạnh mẽ hơn giữa chính cùng những tình trạng tư tưởng đó lại làm cho một kẻ khác trở nên thô lỗ hơn và yếu ớt hơn.

Phương pháp thay thế một tư tưởng bằng một tư tưởng khác là một phương pháp có thể được sử dụng cho lợi ích quan trọng hơn theo nhiều cách. Nếu một tư tưởng không tốt về một người khác nhập vào tâm trí, nó sẽ ngay lập tức được thay thế bằng một tư tưởng về một đức tính nào đó mà y sở hữu, về một hành động tốt nào đó mà y đã làm. Nếu thể trí bị

căng thẳng vì lo lắng, hãy chuyển nó sang tư tưởng có mục đích tồn tại suốt đời sống, Định Luật Tốt Đẹp vốn "thu xếp mọi thứ một cách mạnh mẽ và dịu dàng". Nếu một loại đặc biệt của tư tưởng không mong muốn liên tục ép buộc nó thì thật là khôn ngoan để cung cấp một vũ khí đặc biệt; một câu thơ hoặc cụm từ nào đó thể hiện ý tưởng ngược lại nên được chọn, và bất cứ khi nào tư tưởng đáng chê trách xuất hiện, cụm từ này nên được lặp đi lặp lại và được suy ngẫm. Trong một hoặc hai tuần, tư tưởng đó sẽ không còn gây rắc rối.

[91] Đó là một kế hoạch tốt để cung cấp liên tục cho thể trí một tư tưởng cao siêu nào đó, một lời cổ vũ nào đó, một nguồn cảm hứng nào đó cho sinh hoạt cao thượng. Trước khi chúng ta tiến vào sự náo động của đời sống ngày này qua ngày khác, chúng ta nên cung cấp cho thể trí lá chắn này của tư tưởng tốt. Một vài lời là đủ, lấy từ một Kinh Thánh nào đó của chúng tộc, và điều này, được cố định trong thể trí bằng việc đọc thuộc lòng vài lần vào buổi sáng sớm, sẽ trở lại với thể trí nhiều lần trong ngày, và sẽ được nhận thấy lặp đi lặp lại trong trí, bất cứ khi nào thể trí rảnh rang.

CÁC NGUY HIỂM CỦA SỰ ĐỊNH TRÍ

Có những mối nguy hiểm nhất định liên quan đến việc thực hành định trí mà người sơ cơ nên được cảnh báo, vì nhiều môn sinh viên nhiệt tình, họ muốn đi quá nhanh, và vì thế gây trở cho chính họ thay vì là giúp đỡ.

Cơ thể dễ chịu đau khổ do sự thiếu hiểu biết và thiếu chú ý của môn sinh.

Khi một người tập trung tâm trí của y, cơ thể của y tự đặt nó vào một trạng thái căng thẳng, và y không nhận thấy điều này, mà từ trước đến nay y không cố ý khi liên quan đến y. Những điều theo sau thể trí này của cơ thể có thể được

nhận thấy trong rất nhiều những điều tầm thường; một nỗ lực để nhớ gây ra một sự nhần trán, mắt bị bất động, và lông mày bị kéo xuống; sự chú ý căng thẳng được đi kèm với sự bất động của mắt, sự lo lắng bởi một sự háo hức, nhìn chăm chăm đắm chiêu. Trong nhiều thời đại, nỗ lực của thể trí đã được theo sau bởi nỗ lực của cơ thể, thể trí bị [92] điều khiển hoàn toàn hướng tới việc cung cấp nhu cầu của cơ thể bởi các gắng sức của cơ thể, và do đó một sự kết hợp đã được thiết lập, hoạt động một cách tự động.

Khi sự định trí được bắt đầu, cơ thể, theo thói quen của nó, đi theo sau thể trí, và các bắp thịt trở nên cứng ngắc và các dây thần kinh căng thẳng; do đó, sự mệt mỏi nhiều về thể chất, sự kiệt sức của bắp thịt và thần kinh, đầu nhức buốt, rất dễ có khuynh hướng theo sau sự định trí, và do đó người ta được thuyết phục để bỏ nó, tin rằng những tác động xấu này là không thể tránh khỏi.

Thật tình mà nói, chúng có thể tránh được bằng một biện pháp phòng ngừa đơn giản. Người sơ cơ nên thỉnh thoảng ngắt ngang sự định trí của y, đủ để nhận thấy tình trạng cơ thể của y, và nếu y thấy nó không thoải mái, căng thẳng, hoặc cứng nhắc, y nên thư giãn ngay lập tức; khi điều này đã được thực hiện nhiều lần, các liên kết của sự kết hợp sẽ bị phá vỡ, và cơ thể sẽ vẫn mềm dẻo và nghỉ ngơi trong khi thể trí được tập trung. Patanjali nói rằng trong thiền định, tư thế được nuôi dưỡng nên là "thoải mái và dễ chịu"; cơ thể không thể giúp thể trí bởi sự căng thẳng của nó, và nó tự làm tổn thương chính nó.

Có lẽ một giai thoại thuộc về cá nhân có thể được tha thứ như một sự minh họa. Một ngày nọ, trong khi ở dưới sự huấn luyện của H.P. Blavatsky, tôi đã được bà yêu cầu thực hiện một nỗ lực của ý chí; Tôi đã làm như vậy một cách mãnh

liệt, và với kết quả là các mạch máu ở đầu phồng lên nhiều. "Trời ơi," bà nói một cách cộc lốc "em không được muốn với các mạch máu của em".

Một nguy hiểm khác về thể chất phát sinh từ tác dụng được tạo ra bởi sự định trí vào các tế bào thần kinh của [93] não bộ. Khi năng lực định trí tăng lên, khi thể trí được yên lặng, và Chân Nhân (Ego) bắt đầu hoạt động thông qua thể trí, y thực hiện một yêu cầu mới lên các tế bào thần kinh của não bộ. Những tế bào này, tất nhiên, về cơ bản được tạo thành từ các nguyên tử, và các vách của các nguyên tử này bao gồm các vòng xoắn ốc, mà các dòng năng lượng sự sống chảy qua. Có bảy bộ xoắn ốc này, chỉ có bốn trong số đó đang được sử dụng; ba vòng còn lại cho đến nay chưa được sử dụng – hầu như là là các cơ quan sơ đẳng. Khi các năng lượng cao đổ xuống, tìm kiếm một kênh trong các nguyên tử, bộ xoắn ốc đó – về sau trong quá trình tiến hóa – sẽ đóng vai trò là kênh dẫn của chúng, được thúc đẩy vào hoạt động. Nếu điều này được thực hiện rất chậm và cẩn thận, thì không có kết quả tác hại, nhưng áp suất quá mức có nghĩa là một sự tổn thương cấu trúc tinh tế của xoắn ốc. Các ống nhỏ và tinh tế này, khi không được sử dụng, có các cạnh của chúng tiếp xúc, giống như các ống cao su mềm; nếu các cạnh bị bắt ép tách ra dữ dội, kết quả là sự vỡ ra. Cảm giác đồ đản và nặng nề khắp não bộ là dấu hiệu nguy hiểm; nếu điều này bị bỏ qua, tiếp theo là cơn đau cấp tính, và chứng sưng viêm dai dẳng có thể xảy ra. Do đó, sự định trí nên được thực hành rất ít lúc đầu và không bao giờ nên đưa đến mức nào bị mệt mỏi. Một vài phút một lần là đủ cho một sự khởi đầu, thời gian được kéo dài dần dần khi việc thực hành tiếp tục.

Tuy thời gian ngắn dành cho nó, nhưng nó cần được thường xuyên; nếu một ngày thực hành bị bỏ qua thì tình

trạng trước đó của nguyên tử tái khẳng định [94] chính nó, và công việc phải được bắt đầu trở lại. Ổn định và thường xuyên, nhưng không kéo dài, việc thực hành đảm bảo các kết quả tốt nhất và tránh được nguy hiểm. Trong một số trường phái của cái gọi là Hatha Yoga, các môn sinh được khuyến khích hỗ trợ sự định trí bằng việc cố định mắt trên một đốm đen trên một bức tường trắng, và duy trì cái nhìn chăm chăm cố định này cho đến khi trạng thái xuất thần đột nhiên xảy ra. Bây giờ, có hai lý do tại sao không nên làm điều. Thứ nhất, việc thực hành này, sau một thời gian, làm tổn thương thị giác hồng trần, và đôi mắt mất đi năng lực điều chỉnh của chúng. Thứ hai, nó mang lại một hình thức liệt não. Điều này bắt đầu bằng sự mệt mỏi của các tế bào võng mạc, khi những sóng ánh sáng đánh lên chúng, và cái đốm biến mất khỏi tầm nhìn, vị trí này trên võng mạc, nơi hình ảnh của nó được hình thành ngày càng trở nên nhạy cảm, kết quả của phản ứng kéo dài. Sự mệt mỏi này lan vào bên trong, cho đến khi cuối cùng là một loại tê liệt xảy ra, và kẻ đó chuyển vào một trạng thái xuất thần do thôi miên. Trong thực tế, sự kích thích quá mức của một giác quan, ở phương Tây, là một phương tiện được công nhận cho việc tạo ra sự thôi miên – gương xoay, ánh sáng điện, v.v..., được sử dụng với mục tiêu này.

Nhưng chứng liệt não không chỉ dừng mọi sự suy nghĩ trên cõi trần, mà còn làm cho não bộ nhạy cảm với các rung động phi vật lý, sao cho Ego không thể gây ấn tượng lên nó; nó không giải thoát y, mà chỉ lấy y ra khỏi khí cụ của y. Một người có thể vẫn ở một trạng thái xuất thần, được gây ra như thế, trong nhiều tuần, nhưng khi y tỉnh lại, y không thông thái hơn so với lúc bắt đầu xuất thần. Y đã không đạt được tri thức; y đã chỉ [95] lãng phí thời gian. Phương pháp đó không

đạt được quyền năng tinh thần, mà chỉ mang lại sự khuyết tật thể chất.

THAM THIỀN

Có thể nói việc tham thiền đã được giải thích, vì nó chỉ là thái độ duy trì thể trí được tập trung khi đối mặt với một đối tượng của lòng sùng kính, với một vấn đề cần sự soi sáng để có thể hiểu được, về bất cứ điều gì mà sự sống sẽ được nhận thức và hấp thụ, chứ không phải là hình tượng.

Tham thiền không thể thực hiện một cách hiệu quả cho đến khi sự định trí được nắm vững ít nhất là một phần. Vì sự định trí không phải là sự kết thúc, mà một phương tiện đi đến sự kết thúc; nó nắn tạo thể trí thành một công cụ có thể được sử dụng theo ý chí của chủ sở hữu. Khi một thể trí tập trung được hướng vững vàng đến bất kỳ đối tượng nào, với cái nhìn xuyên qua tấm màn che, và đạt đến sự sống, và thu hút sự sống đó vào sự hợp nhất với sự sống mà thể trí thuộc về – bấy giờ sự tham thiền được thực hiện. Sự định trí có thể được coi như là việc nắn tạo cơ quan, còn tham thiền được coi như là việc luyện tập cơ quan đó. Thể trí đã được làm cho nhất tâm; sau đó nó được hướng đến và an trụ vững chắc trên bất kỳ đối tượng nào mà người ta muốn hiểu biết.

Bất cứ ai quyết định đi theo một đời sống tinh thần thì hằng ngày phải dành một thời gian nào đó cho việc thiền định. Nếu muốn đời sống thể chất có thể được duy trì mà không có thức ăn thì cũng như là muốn đời sống tinh thần mà không có thiền định. Những người không thể dành nửa giờ mỗi ngày, trong thời gian đó, [96] thế gian có thể được đóng lại và thể trí có thể nhận được một dòng sự sống từ các cõi tinh thần, thì không thể đi đến đời sống tinh thần.

Chỉ với thể trí được tập trung, ổn định, bị ngăn khỏi thế gian, thì Thiên Chúa mới có thể tiết lộ chính mình. Thượng Đế tự tỏ lộ trong vũ trụ của Ngài dưới những hình thức bất tận; nhưng trong trái tim con người, Ngài tự tỏ lộ trong Sự Sống và Bản Chất của Ngài, tự tiết lộ chính Ngài cho cái là một mảnh của chính Ngài. Trong sự tĩnh lặng đó, sự bình an, sức mạnh và lực chảy vào linh hồn, và người thiền định luôn luôn là người hiệu quả nhất trên thế gian.

Lord Rosebery, khi nói về Cromwell, đã mô tả ông là "một người huyền bí thực tiễn", và tuyên bố rằng một nhà huyền bí thực tiễn là mãnh lực vĩ đại nhất trên thế gian. Đúng là thế. Trí thông minh được tập trung, năng lực triệt thoái khỏi tình trạng hỗn độn, hàm ý là năng lượng được gia tăng hết mức trong công việc, hàm ý là sự ổn định, sự tự chủ, tính thanh thản; người thiền định là người không lãng phí thời gian, không phân tán năng lượng, không bỏ qua cơ hội. Một người như vậy chỉ phối các sự kiện, bởi vì trong y là quyền năng mà các sự kiện chỉ là biểu hiện bên ngoài của nó; y chia sẻ sự sống thiêng liêng, và do đó chia sẻ quyền năng thiêng liêng.

CHƯƠNG IX

TĂNG CƯỜNG QUYỀN NĂNG CỦA TƯ TƯỞNG

Bây giờ chúng ta có thể tiếp tục chuyển việc nghiên cứu của chúng ta về Quyền Năng của Tư tưởng sang miêu tả thực tế, vì việc nghiên cứu mà không dẫn đến thực tế là vô ích. Lời tuyên bố cũ vẫn đúng: "Mục tiêu của triết học là chấm dứt sự đau khổ." Chúng ta sẽ học cách phát triển và sau đó sử dụng

sức mạnh tư tưởng đã được phát triển của chúng ta để giúp những người xung quanh chúng ta, người sống và những người được gọi là chết, để thúc đẩy sự tiến hoá của con người, và cũng là thúc đẩy tiến bộ của chính chúng ta.

Sức mạnh tư tưởng chỉ có thể được tăng lên nhờ sự luyện tập đều đặn và bền bỉ; theo nghĩa đen và thực tế thì sự phát triển cơ bắp phụ thuộc vào việc tập thể dục các cơ mà chúng ta đã có, cũng vậy, sự phát triển về trí tuệ phụ thuộc vào việc tập luyện thể trí vốn đã là của chúng ta.

Chính một quy luật của sự sống là sự tăng trưởng là kết quả từ việc rèn luyện. Sự Sống, là Bản Ngã của chúng ta, luôn luôn tìm kiếm sự biểu lộ thêm ra bên ngoài nhờ hình tướng mà nó được chứa đựng trong đó. Vì nó được gọi ra bằng [98] việc tập luyện, nên áp lực của nó trên hình tướng làm cho hình tướng mở rộng, và vật chất mới được đưa vào trong các hình tướng, và một phần của việc mở rộng do đó trở thành thường trực. Khi cơ bị căng ra do tập thể dục, nhiều sự sống hơn chảy vào trong nó, các tế bào nhân lên, và cơ bắp do đó sẽ tăng trưởng. Khi thể trí rung động dưới tác động của tư tưởng, vật chất mới từ bầu khí quyền trí tuệ được rút ra, và được gắn vào trong thể trí, nhờ đó thể trí gia tăng kích thước cũng như gia tăng sự phức tạp của cấu trúc. Một thể trí được liên tục rèn luyện sẽ phát triển, cho dù tư tưởng được mang vào trong nó tốt hay xấu. Số lượng của tư tưởng quyết định sự tăng trưởng của thể trí, chất lượng của tư tưởng quyết định loại vật chất được sử dụng trong sự tăng trưởng đó.

Bây giờ các tế bào của chất xám của bộ não hồng trần nhân lên khi bộ não được luyện tập trong việc suy nghĩ. Sự khám nghiệm tử thi đã chỉ cho thấy rằng bộ não của nhà tư tưởng không chỉ lớn hơn và nặng hơn bộ não của người thợ cày, mà nó còn có một số lượng rất lớn hơn nhiều các nếp

cuộn. Các nếp cuộn này cung cấp một bề mặt tăng lên nhiều cho chất xám thần kinh, vốn là công cụ hồng trần trực tiếp của tư tưởng.

Do đó, cả thể trí và bộ não hồng trần đều tăng trưởng nhờ việc luyện tập, và những người muốn cải thiện và mở rộng chúng phải trông cậy vào việc tư duy hàng ngày đều đặn, với mục đích được lựa chọn một cách cố ý là nâng cao các năng lực trí tuệ của họ. Không cần phải thêm rằng các năng lực vốn có của Chủ Thể Biết cũng [99] phát triển nhanh hơn bằng việc luyện tập này, và luôn luôn tác động trên các hiện thể với lực ngày càng tăng.

Để nó có thể có ảnh hưởng đầy đủ của nó, việc thực hành này nên có phương pháp. Một người hãy chọn một cuốn sách có thể về một chủ đề nào đó hấp dẫn anh ta, một cuốn sách được viết bởi một tác giả có khả năng, có chứa tư tưởng tươi mới và mạnh mẽ. Một câu, hoặc một vài câu, nên được đọc chậm, và sau đó người đọc nên suy nghĩ kỹ lưỡng và chăm chú về những gì y đã đọc. Đó là một nguyên tắc tốt để suy nghĩ lâu hơn hai lần khi người ta đọc, vì mục đích của việc đọc không chỉ đơn giản là để có được những ý tưởng mới, mà còn để tăng cường các khả năng tư duy. Nếu có thể, bạn nên dành nửa giờ cho việc tập luyện này, nhưng môn sinh có thể bắt đầu bằng một phần tư giờ, vì lúc đầu y sẽ cảm thấy sự chú ý cao độ làm kiệt sức một chút.

Bất cứ ai thực hiện việc tập luyện này và theo nó thường xuyên trong vài tháng sẽ có ý thức về sự tăng trưởng rõ rệt của sức mạnh tư tưởng vào lúc cuối thời gian đó, và y sẽ nhận thấy y có khả năng giải quyết các vấn đề bình thường của cuộc sống hiệu quả hơn rất nhiều so với trước đây. Thiên nhiên là một bà chủ phát lương công bằng, trả cho mỗi người chính xác tiền công mà y đã kiếm được, nhưng không có một

xu không xứng đáng. Những người muốn có tiền công của khả năng gia tăng thì phải kiếm chúng bằng việc suy tư vất vả.

Công việc này có hai mặt, như đã được chỉ ra. Một mặt các quyền năng của tâm thức được khai thác; mặt khác các hình tướng mà qua đó tâm thức biểu lộ, được phát triển; và điều đầu tiên [100] trong số này phải không bao giờ được quên. Nhiều người nhận thức được giá trị của việc suy tư rõ ràng có ảnh hưởng đến não bộ, nhưng quên rằng nguồn gốc của mọi tư tưởng là Bản Ngã bất sinh bất tử, và rằng họ chỉ khai thác những gì họ đã có. Trong họ, tất cả đều là năng lượng (power), và họ chỉ phải sử dụng nó, vì Bản Ngã thiêng liêng là cội nguồn của sự sống của mỗi người, và trạng thái của Bản Ngã là tri thức sống trong mỗi người, và luôn tìm kiếm cơ hội cho sự biểu lộ đầy đủ hơn của chính y. Quyền năng ở trong mỗi người, là không được tạo ra, có tính vĩnh cửu; hình tướng được đúc nặn ra và thay đổi, nhưng sự sống là của Bản Ngã của con người, vô hạn trong các quyền năng của y. Quyền năng đó trong mỗi người là cùng năng lực hình thành vũ trụ; nó thì thiêng liêng, không thuộc về con người, là một phần của sự sống Thượng Đế, và không tách rời với Ngài.

Nếu điều này được nhận thức, và nếu môn sinh nhớ rằng đó không phải là sự ít ỏi quyền lực mà là sự không thích hợp của khí cụ gây ra khó khăn, y sẽ thường hoạt động một cách dũng cảm và hy vọng hơn, và do đó một cách hiệu quả hơn. Y hãy cảm thấy rằng bản chất căn bản của y là tri thức, và rằng điều đó ở với y cho đến khi mà bản chất căn bản sẽ tìm thấy sự biểu lộ trong kiếp luân hồi này. Thật ra, sự biểu lộ bị giới hạn bởi những việc suy tư của quá khứ, nhưng bây giờ có thể được tăng lên và trở nên hiệu quả hơn bởi cùng một

quyền năng mà trong quá khứ đã định hình hiện tại. Các hình tướng mềm dẻo và có thể được đúc lại, một cách từ từ, thật thế, bởi những rung động của sự sống.

Trên hết, môn sinh hãy nhớ rằng để sự tăng trưởng vững chắc, việc luyện tập đều đặn là điều thiết yếu.

[101] Khi việc thực hành của một ngày bị bỏ qua, cần phải có hoạt động của ba hoặc bốn ngày để cân bằng ngược lại với việc trượt trở lại, ít nhất là trong các giai đoạn đầu của sự tăng trưởng. Khi thói quen của tư tưởng ổn định được hoạch định, bấy giờ việc thực hành đều đặn ít quan trọng hơn. Nhưng cho đến khi thói quen này được thiết lập chắc chắn, nếu không thì tính đều đặn này có tầm quan trọng tối cao, vì thói quen cũ của xu hướng phóng túng sẽ tự tái khẳng định chính nó, và vấn đề của thể trí rơi trở lại các hình dạng cũ của nó, và lại phải được giữ ra khỏi chúng khi tiếp tục việc thực hành. Việc thực hành năm phút thường xuyên thì tốt hơn là nửa giờ trong vài ngày và không thực hành trong những ngày khác.

SỰ LO LẮNG – Ý NGHĨA VÀ VIỆC TRỪ TIỆT NÓ

Thật ra điều này đã được nói đầy đủ rằng người ta già đi do lo lắng hơn là do công việc. Công việc, trừ khi quá mức, thì không làm tổn thương bộ máy tư tưởng, mà trái lại, còn làm nó mạnh thêm. Nhưng quá trình trí tuệ được biết như là "sự lo lắng" chắc chắn làm tổn thương nó, và sau một thời gian sẽ tạo ra một sự kiệt sức và kích thích về thần kinh làm cho việc ổn định trí tuệ không thể xảy ra.

"Lo lắng" là gì? Đó là quá trình lặp lại cùng một chuỗi tư tưởng hết lần này đến lần khác với những thay đổi nhỏ, không đi đến kết quả nào, và thậm chí không nhằm đạt tới một kết quả. Đó là sự tái tạo liên tục các hình tư tưởng, được

khởi đầu bởi thể trí và não bộ, chứ không phải bởi tâm thức, và bị chúng áp đặt lên tâm thức. Vì các bắp thịt quá mệt mỏi không thể giữ cho đứng yên mà vận động không ngừng nghỉ, [102] thậm chí là chống lại với ý chí, cũng vậy, thể trí và não bộ mệt mỏi lặp lại nhiều lần những rung động vốn đã làm chúng mệt mỏi, và Chủ Thể Tư Tưởng cố gắng vô ích để làm yên tĩnh chúng và nhờ đó có được sự nghỉ ngơi. Một lần nữa sự tự động hóa được nhìn thấy, đó là xu hướng di chuyển theo chiều hướng mà sự chuyển động đã được thực hiện. Chủ Thể Tư Tưởng đã chăm chú vào một chủ đề khó nhọc, và đã cố gắng để đạt được một kết luận rõ ràng và hữu ích. Y đã thất bại và không còn suy nghĩ, nhưng vẫn không hài lòng, muốn tìm một giải pháp, và bị chi phối bởi sự sợ hãi về sự rắc rối được dự đoán. Sự sợ hãi này giữ y trong một tình trạng lo lắng và bồn chồn, gây nên một dòng chảy ra bất thường của năng lượng. Bây giờ, thể trí và não bộ, dưới sự thúc đẩy của năng lượng này và của mong muốn, nhưng không được Chủ Thể Tư Tưởng hướng dẫn, tiếp tục hoạt động và tung ra những hình ảnh đã được hình thành và bị loại ra. Những hình ảnh này, cứ như là, được đẩy vào sự chú ý của y, và trình tự này tái diễn nhiều lần. Khi sự mệt mỏi gia tăng, tính dễ kích thích được thiết lập, và phản ứng trở lại trên các hình thức mệt mỏi, và như thế sự tác động và phản tác động tiếp tục trong một vòng tròn luẩn quẩn. Chủ Thể Tư Tưởng, trong sự lo lắng, là nô lệ của các thể tôi tớ của y, và đang chịu đựng sự chuyên quyền của chúng.

Bây giờ, chính tính tự động này của thể trí và não bộ, xu hướng này lặp lại các rung động đã được tạo ra, có thể được sử dụng để hiệu chỉnh sự lặp lại vô ích của những tư tưởng gây ra đau khổ. Khi một luồng tư tưởng đã tạo cho nó một con kênh – một hình tư tưởng – những luồng tư tưởng mới có

xu hướng chảy dọc theo cùng một đường mòn, vốn là đường lối ít [103] đối kháng nhất. Một tư tưởng gây ra đau khổ dễ dàng tái diễn như thế bởi sự mê hoặc của sự sợ hãi, cũng như một tư tưởng đem lại niềm vui được tái lập bởi sự mê hoặc của tình yêu thương. Đối tượng của sự sợ hãi, hình ảnh của những gì sẽ xảy ra khi sự dự đoán trở thành hiện thực, như vậy tạo nên một kênh dẫn của thể trí, một khuôn mẫu cho tư tưởng, và là một đường mòn cho bộ não. Xu hướng của thể trí và não bộ, được giải thoát khỏi công việc trước mắt, là lặp lại hình tư tưởng này, và để cho năng lượng không được sử dụng chảy vào con kênh đã được tạo ra.

Có lẽ cách tốt nhất để thoát khỏi một cái "kênh lo lắng" là đào một cái khác, có một tính cách hoàn toàn ngược lại. Một kênh như thế, như chúng ta đã thấy, được làm bởi tư tưởng rõ rệt, bền bỉ, chuẩn mực. Khi đó, hãy để cho một người đang đau khổ vì lo lắng, dành ba hoặc bốn phút vào buổi sáng, vào lúc thức dậy đầu tiên, cho một tư tưởng cao quý và có tính khích lệ nào đó: "Bản Ngã là An Bình, Tôi là Bản Ngã đó. Bản Ngã là Sức Mạnh, Tôi là Bản Ngã đó." Y hãy suy nghĩ, trong bản thể trong cùng của y, làm thế nào mà y là một với Chúa Cha tối cao; làm thế nào mà, trong bản thể đó, y bất tử, bất biến, vô úy, thoải mái, thanh thản, mạnh mẽ; làm thế nào mà y được bao bọc trong các bộ y phục để hư hỏng vốn cảm thấy nỗi đau sâu sắc, sự dày vò vì lo lắng; làm thế nào mà y, một cách nhàm lẫn, coi những điều này là chính y. Khi y nghiền ngẫm như vậy, Sự An Bình sẽ bao bọc y, và y sẽ cảm thấy nó là của chính y, là bầu không khí tự nhiên của y.

Khi y thực hiện điều này, ngày này qua ngày khác, tư tưởng sẽ đào con kênh riêng của nó trong thể trí và trong não bộ, và chẳng bao lâu, khi thể trí được thông thả không làm việc, [104] tư tưởng về Bản Ngã vốn là An Bình và Sức Mạnh

sẽ tự ý trình diện, và xếp đôi cánh của nó xung quanh thể trí trong chính sự hỗn loạn của thế gian. Năng lượng trí tuệ sẽ chảy tự nhiên vào kênh này, và sự lo lắng sẽ thuộc về quá khứ.

Một cách khác là rèn luyện thể trí tin vào Thiên Luật Tốt Lành, như thể thiết lập một thói quen ở trạng thái bằng lòng. Ở đây, người đó an trú vào tư tưởng là: mọi hoàn cảnh đều hoạt động trong Thiên Luật, và không có gì xảy ra một cách ngẫu nhiên. Chỉ những gì Thiên Luật mang đến cho chúng ta mới có thể chạm đến chúng ta, Thiên Luật ấy có thể đến bằng bất cứ bàn tay nào ở bề ngoài. Không gì có thể làm tổn thương chúng ta mà không phải do chúng ta, được mang đến cho chúng ta bởi ý định và hành động trước kia của chính chúng ta; không ai có thể đối xử bất công với chúng ta, trừ phi với tư cách là một công cụ của Thiên Luật, thu hồi nợ đến hạn từ chúng ta. Cho dù một dự đoán về đau khổ hoặc khó khăn đến với thể trí, nó sẽ xoay sở để đối mặt với điều đó một cách bình tĩnh, chấp nhận nó, đồng ý với nó. Hầu hết những ray rút biến mất khi chúng ta chấp nhận khi nhận ra Thiên Luật, cho dù điều đó có thể là gì. Và chúng ta có thể làm điều này dễ dàng hơn nếu chúng ta nhớ rằng Thiên Luật luôn luôn hoạt động để giải thoát chúng ta, bằng cách đòi hỏi các khoản nợ vốn giam giữ chúng ta, và mặc dù nó mang lại cho chúng ta sự đau khổ, thì sự đau khổ chỉ là lối đi đến hạnh phúc. Tất cả những đau khổ, đến theo cách nó có thể, hành động cho sự chí phúc cuối cùng của chúng ta, và chỉ là việc phá vỡ những ràng buộc vốn giữ chúng ta bị cột với bánh xe sinh tử đang quay tít.

Khi những tư tưởng này đã trở thành thói quen, thể trí không còn lo lắng nữa, vì những móng vuốt của sự lo lắng

không thể nào tìm thấy chỗ để nắm trên bộ áo giáp an bình mạnh mẽ đó.

[105]

SUY TƯ VÀ CHẤM DỨT SUY TƯ

Nhiều thành tựu về sức mạnh có thể được thực hiện bằng cách học cả việc suy nghĩ và ngừng suy nghĩ tùy ý thích. Trong khi chúng ta đang suy nghĩ, chúng ta nên đưa toàn bộ tâm trí của chúng ta vào tư tưởng, và tư duy với hết khả năng của chúng ta. Nhưng khi hoạt động tư tưởng đã xong, nó nên được kết thúc hoàn toàn, và không được phép tiếp tục trôi dạt một cách lơ đãng chạm vào thể trí và bỏ lại nó, giống như một chiếc thuyền tự va vào một tảng đá. Một người không giữ một cỗ máy tiếp tục chạy khi nó không sản xuất sản phẩm, làm mòn máy móc không cần thiết. Nhưng máy móc vô giá của thể trí lại được phép quay và quay vu vơ, làm mòn nó mà không có kết quả hữu ích nào. Để học cách ngừng suy nghĩ, để cho thể trí nghỉ ngơi, là một sự thành tựu có giá trị lớn nhất. Khi tứ chi mệt mỏi thích thú khi được giãn ra trong lúc nghỉ ngơi, cũng vậy, thể trí mệt mỏi có thể tìm sự thoải mái trong khi nghỉ ngơi hoàn toàn. Việc suy nghĩ liên tục hàm ý là sự rung động liên tục; sự rung động liên tục có nghĩa là sự lãng phí liên tục. Sự kiệt sức và sự suy sụp sớm là do sự tiêu phí năng lượng một cách vô ích, và một người có thể giữ gìn cả thể trí và não bộ lâu dài hơn bằng cách học cách ngừng việc suy nghĩ, khi tư tưởng không được hướng đến kết quả hữu ích.

Đúng là "việc ngừng suy nghĩ" không hề là một thành tựu dễ dàng. Có lẽ nó thậm chí còn khó khăn hơn việc suy nghĩ. Nó phải được thực hành trong những khoảng thời gian rất ngắn cho đến khi thói quen được thiết lập, vì lúc đầu nó

hàm ý một sự tiêu phí lực trong việc giữ cho thể trí yên lặng. Môn sinh hãy, khi y đã đang [106] suy nghĩ ổn định, thả tư tưởng đó ra, và khi bất kỳ tư tưởng nào xuất hiện trong thể trí, hãy chuyển sự chú ý ra khỏi nó. Hãy kiên trì quay ra khỏi mỗi kẻ xâm nhập; nếu cần, hãy tưởng tượng một sự trống rỗng, như một bước đi tới sự yên lặng, và cố gắng chỉ ý thức về sự tĩnh lặng và bóng tối. Việc thực hành những đường lối này sẽ ngày càng trở nên dễ hiểu hơn nếu được kiên trì, và một cảm giác về sự yên tĩnh và an bình sẽ khuyến khích môn sinh kiên trì.

Cũng không nên quên rằng việc chấm dứt suy nghĩ, bận rộn với các hoạt động bên ngoài, là một bước sơ bộ cần thiết để hoạt động trên các cõi cao. Khi nào bộ đã học cách để được tĩnh lặng, khi nó không còn bồn chồn đưa ra những hình ảnh đứt quãng của các hoạt động trong quá khứ, bấy giờ mở ra khả năng triệt thoái tâm thức khỏi lớp vỏ vật chất của nó, và khả năng hoạt động tự do của nó trong cõi giới riêng của nó. Những người hy vọng thực hiện bước tiến tới này trong kiếp sống hiện tại thì phải học cách chấm dứt suy nghĩ, vì chỉ khi nào "các biến thái của nguyên khí suy tư" được kiểm soát trên cõi thấp thì sự tự do trên các cõi cao mới có thể đạt được.

Một cách khác để cung cấp sự nghỉ ngơi cho thể trí và não bộ – một cách dễ dàng hơn nhiều so với sự chấm dứt suy tư – là bằng sự thay đổi tư tưởng. Một người suy nghĩ một cách căng thẳng và kiên trì theo một đường lối nên có một đường lối tư tưởng thứ hai, càng khác với cái thứ nhất càng tốt, mà y có thể chuyển thể trí của y vào đó để nghỉ ngơi. Sự tươi mát và trẻ trung khác thường của tư tưởng vốn đã được mô tả.

[107] William Ewart Gladstone trong tuổi già của ông chủ yếu là kết quả của các hoạt động trí tuệ phụ của cuộc đời

ông. Tư tưởng mạnh mẽ và bền bỉ nhất của ông đã đến với chính trị, nhưng các nghiên cứu của ông về thần học và tiếng Hy Lạp đã lấp đầy nhiều giờ nhàn rỗi. Quả thật, ông chỉ là một nhà thần học bình thường, và điều mà ông có với tư cách là một học giả tiếng Hy Lạp thì tôi không có khả năng để nói; nhưng mặc dù thế giới không thể được nói là phong phú hơn nhiều đối với các tuyên bố thần học của ông, bộ não của chính ông đã được giữ tươi mát và dễ tiếp thu bởi những điều này và các nghiên cứu về Hy Lạp của ông. Charles Darwin, về một mặt khác, đã than thở ở tuổi già của ông rằng ông đã để cho những khả năng trong số các khả năng của ông teo lại do không sử dụng, vốn có thể có liên quan đến các chủ đề ngoài tác phẩm chuyên ngành của chính ông. Văn học và nghệ thuật đối với ông không có sự thu hút, và ông cảm thấy một cách sâu sắc những hạn chế mà ông đã áp đặt lên ông bởi việc quá chăm chú của ông vào một đường lối nghiên cứu. Một người cần thay đổi sự rèn luyện trong tư tưởng cũng như trong thể xác, nếu không, y có thể bị chứng vọp bẻ trí tuệ như một số triệu chứng từ chứng vọp bẻ của nhà văn.

Có lẽ, thật đặc biệt quan trọng đối với những người bận rộn vào việc say mê các mưu cầu trần tục, rằng họ nên chọn một chủ đề đòi hỏi khả năng của thể trí không được phát triển trong hoạt động kinh doanh, liên quan đến nghệ thuật, khoa học, hoặc văn học, trong đó họ có thể tìm thấy sự tiêu khiển và sự tao nhã trí tuệ. Trên tất cả, những thanh niên nên chấp nhận một việc theo đuổi nào đó như vậy, trước khi não bộ tươi trẻ và tích cực của họ trở nên chán ngấy và mệt mỏi, và trong tuổi già, khi đó họ sẽ tìm thấy trong chính họ các nguồn lực vốn sẽ làm phong phú và làm rạng rỡ những ngày xuống dốc của họ. Hình thể [108] sẽ duy trì độ đàn hồi của nó

trong một khoảng thời gian lâu hơn nhiều khi nó được cung cấp sự nghỉ ngơi như vậy bằng sự thay đổi công việc.

BÍ MẬT VỀ SỰ BÌNH AN CỦA THỂ TRÍ

Nhiều điều mà chúng ta đã nghiên cứu cho chúng ta biết điều gì đó về cách thức mà trong đó sự tĩnh lặng của thể trí có thể được đảm bảo. Nhưng điều cần thiết cơ bản của nó là sự thừa nhận rõ ràng và sự nhận thức về vị trí của chúng ta trong vũ trụ.

Chúng ta là một phần của Sự Sống vĩ đại duy nhất, nó không biết tới thất bại, không mất công sức hay sức mạnh, nó "sắp xếp mọi thứ một cách mạnh mẽ và duyên dáng" mang các thể giới hướng đến mục tiêu của chúng. Ý nghĩ kỳ quặc cho rằng cuộc sống nhỏ bé của chúng ta là một đơn vị độc lập riêng biệt, chiến đấu vì lợi ích của bản thân chống lại vô số các đơn vị độc lập riêng biệt, là một sự hoang tưởng thuộc loại gây đau khổ nhất. Vì vậy, chừng nào mà chúng ta còn thấy thế giới và cuộc sống như thế, thì hòa bình ấp ủ ở xa tít trên một đỉnh cao nhất không thể tiếp cận. Khi chúng ta cảm thấy và biết rằng tất cả các bản ngã là một, bấy giờ sự bình an của thể trí là của chúng ta mà không có bất kỳ sự sợ hãi về việc mất nó.

Tất cả những rắc rối của chúng ta xuất phát từ việc suy nghĩ về chúng ta như là các đơn vị tách biệt, và sau đó quay trên các trục trí tuệ của riêng chúng ta, chỉ nghĩ về những lợi ích riêng của chúng ta, các mục đích riêng của chúng ta, các niềm vui và nỗi buồn riêng của chúng ta. Một số người làm điều này đối với những điều thấp kém của cuộc sống, và họ là những người bất mãn nhất trong tất cả, luôn không ngừng giành giật tại cửa hàng tổng hợp bán các hàng hóa vật chất, và chất đóng các tài sản tích lũy vô dụng. Những người khác

luôn luôn tìm kiếm [109] sự tiến bộ của riêng họ trong đời sống cao hơn, là những người tốt và đứng đắn, nhưng luôn luôn bất mãn và lo lắng. Họ luôn trầm tư và phân tích bản thân: "Có phải tôi đang tiến bộ hay không? Liệu tôi có hiểu biết nhiều hơn tôi đã đạt được năm ngoái hay không?" và v.v..., băn khoăn cho các bảo đảm liên tục về sự tiến bộ, các tư tưởng của họ được tập trung vào sự thành tựu bên trong của riêng họ.

Sự bình an không phải là để được tìm thấy trong sự tìm kiếm liên tục sự ban thưởng của bản ngã riêng biệt, cho dù sự ban thưởng thuộc một loại cao cả hơn. Nó được tìm thấy trong việc từ bỏ tiểu ngã (self) chia rẽ, trong sự nghỉ ngơi trên Đại Ngã (the Self) vốn Duy Nhất, Đại Ngã vốn đang biểu lộ ở mỗi giai đoạn của quá trình tiến hóa, và trong giai đoạn của chúng ta cũng nhiều như trong mỗi giai đoạn khác, và hài lòng trong tất cả các giai đoạn.

Việc mong muốn cho sự tiến bộ tinh thần có giá trị lớn bao lâu mà những ham muốn thấp kém còn làm vướng mắc và trói buộc người tìm đạo; y có được sức mạnh để tự giải thoát y ra khỏi chúng bằng sự khao khát thiết tha đối với sự phát triển tinh thần; nhưng nó không, và không thể, đem lại hạnh phúc, vốn chỉ được tìm thấy khi tiểu ngã chia rẽ bị ném đi và Đại Ngã được công nhận là điều mà vì đó chúng ta đang sống trong thế gian. Ngay cả trong cuộc sống bình thường, những người vị tha là người hạnh phúc nhất – những người này hoạt động để làm cho người khác hạnh phúc, và quên đi chính họ. Những người bất mãn là những người đang luôn luôn tìm kiếm hạnh phúc cho chính họ.

Chúng ta là Đại Ngã, và do đó những niềm vui và nỗi buồn của người khác là của chúng ta cũng nhiều như của họ, và theo tỷ lệ như chúng ta cảm thấy điều này, và học cách

sống sao cho cả thế giới chia sẻ sự sống chảy [110] qua chúng ta, làm cho thể trí của chúng ta học được Bí Mật của sự Bình An. "Y đạt được sự Bình An, mọi dục vọng chảy vào y như những con sông chảy vào đại dương, vốn được làm đầy với nước nhưng vẫn bất động – không phải y ham muốn dục vọng." ⁽¹¹⁾ Chúng ta càng ham muốn, thì sự khao khát hạnh phúc– vốn là sự bất hạnh – phải càng phát triển. Bí Mật của Sự Bình An là sự hiểu biết về Đại Ngã, và ý nghĩ "Tôi là Đại Ngã đó"" sẽ giúp hướng tới việc đạt được một sự bình an của thể trí mà không gì có thể làm ảnh hưởng.

CHƯƠNG X

GIÚP ĐỖ NGƯỜI KHÁC BẰNG TƯ TƯỞNG

Thành tựu có giá trị nhất trong mọi thành tựu được thực hiện bởi người hoạt động để có quyền năng của tư tưởng, là khả năng gia tăng để giúp đỡ những người xung quanh y, những người yếu ớt hơn thì chưa học được cách sử dụng các quyền năng của riêng y. Với thể trí và tâm an bình của y, thì y thích hợp để giúp đỡ người khác.

Một tư tưởng tử tế đơn thuần là hữu ích trong chừng mực của nó, nhưng môn sinh sẽ muốn làm nhiều hơn là chỉ thả ra một miếng ruột bánh mì cho người đang đói.

Trước tiên, chúng ta hãy lấy trường hợp của một người ở dưới sự thống trị của một thói quen xấu, chẳng hạn như uống rượu, và là người mà một môn sinh muốn giúp đỡ. Đầu tiên, y nên xác định, nếu có thể, vào những giờ nào mà thể trí

¹¹ Bhagavad-Gita, ii. 70

của bệnh nhân có thể không được dùng – chẳng hạn như giờ đi ngủ của y. Nếu người đó có thể ngủ, thì sẽ càng tốt.

Vào giờ đó, y nên ngồi xuống một mình, và hình dung ra hình ảnh bệnh nhân của y càng sống động càng tốt, ngồi trước mặt y – hình dung người ấy rõ ràng và chi tiết, để y có thể thấy hình ảnh này như y thấy người ấy. (Việc hình dung rất rõ ràng này không thiết yếu, mặc dù nhờ đó mà quá trình có hiệu quả hơn). Sau đó, y nên tập trung sự chú ý của y [112] vào hình ảnh này, và gửi đến nó, với tất cả sự tập trung mà y có thể, những tư tưởng, từng cái một và chậm rãi, mà y muốn gây ấn tượng lên thể trí bệnh nhân của y. Y nên trình bày chúng dưới dạng các hình ảnh trí tuệ rõ ràng, giống như y sẽ làm nếu đặt các lý lẽ bằng lời trước người ấy. Trong trường hợp này, y có thể đặt trước người ấy các hình ảnh sống động của bệnh tật và đau khổ được đưa đến bởi thói quen uống rượu, sự suy nhược thần kinh, là kết thúc không thể tránh khỏi. Nếu bệnh nhân đang ngủ, y sẽ bị thu hút tới người đang nghĩ về y như vậy, và sẽ làm sinh động hình ảnh của chính y vốn đã được tạo ra. Sự thành công tùy thuộc vào sự định trí và tính vững chắc của tư tưởng được hướng tới bệnh nhân, và chỉ tỷ lệ với sự phát triển của quyền năng tư tưởng sẽ là kết quả của nó.

Cần phải cẩn thận trong trường hợp đó để không cố tình kiểm soát, theo bất kỳ cách nào, ý chí của bệnh nhân; sự nỗ lực nên hoàn toàn được hướng tới việc đặt trước thể trí của y những ý tưởng, khi thu hút trí thông minh và cảm xúc của y, có thể kích thích y đi đến một sự phán đoán đúng và thực hiện một nỗ lực để đưa nó ra thành hành động. Nếu một cố gắng được thực hiện để áp đặt lên y một đường lối hạnh kiểm đặc biệt, và nỗ lực tiếp theo ngay khi đó sẽ đạt được ít. Khuyến hướng trí tuệ hướng tới sự bê tha xấu xa sẽ không

được thay đổi bằng cách chống lại một chương ngại bằng cách nuông chiều theo một hình thức đặc biệt của nó; được kiểm tra theo một hướng này thì nó sẽ tìm thấy một hướng khác, và một thói tật mới sẽ chiếm chỗ cái cũ. Một người bị ép buộc một cách mạnh mẽ để không uống rượu bằng sự thống trị của ý chí của y sẽ không còn được [113] chữa trị tật xấu nữa nếu anh ta đã bị nhốt trong tù. Ngoài điều này ra, không người nào nên cố áp đặt ý chí của y lên một người khác, thậm chí để làm cho anh ta làm cho đúng. Sự phát triển không được giúp đỡ bằng một sự ép buộc từ bên ngoài như thế; trí tuệ phải được thuyết phục, cảm xúc được khuấy động và được thanh luyện, nếu không, không có sự thành tựu thật sự nào được thực hiện.

Nếu môn sinh muốn đưa ra bất cứ loại giúp đỡ bằng tư tưởng nào khác, y nên tiến hành theo cùng một cách, hình dung người bạn của y, và trình bày rõ ràng những ý tưởng mà y muốn truyền đạt. Một mong muốn mạnh mẽ vì điều tốt cho người này, được gửi đến y như một tác nhân bảo vệ chung, sẽ vẫn ở gần y như một hình tư tưởng trong một thời gian tương ứng với sức mạnh của tư tưởng đó, và sẽ bảo vệ y chống lại điều xấu, tác động như một rào cản chống lại những tư tưởng bất lợi, và thậm chí tránh được các nguy hiểm về thể chất. Một tư tưởng hòa bình và an ủi được gửi một cách tương tự sẽ xoa dịu và làm êm dịu thể trí, trải ra xung quanh đối tượng của nó một bầu không khí yên tĩnh.

Sự trợ giúp vốn thường gửi đến một người khác bằng sự cầu nguyện phần lớn có tính chất được mô tả ở trên, hiệu quả thường xuyên của sự cầu nguyện qua những lời chúc tốt đẹp thông thường do sự định trí và sự xúc cảm mạnh mẽ được người tín đồ sùng đạo đưa vào lời cầu nguyện của y. Sự

định trí và xúc cảm tương tự sẽ đem lại các hiệu quả tương tự, mà không cần dùng lời cầu nguyện.

Tất nhiên có một cách khác mà trong đó sự cầu nguyện đôi khi có hiệu quả: nó kêu gọi sự chú ý của trí thông tuệ của một bậc siêu nhân, hoặc của một người tiến hóa, đến nhân vật mà sự cầu nguyện được hướng đến, và sự trợ giúp trực tiếp khi đó có thể [114] được đưa đến người này bằng một quyền năng vượt quá năng lực của người đưa ra lời cầu nguyện.

Có lẽ ở đây cũng nên xen vào nhận xét rằng người Thông Thiên Học được đào tạo nửa chừng không nên sợ hãi, và tránh việc cung cấp cho một người bạn bất kỳ sự hỗ trợ bằng tư tưởng nào mà y có khả năng, vì sợ rằng y sẽ đang "can thiệp vào nghiệp quả". Y hãy để cho nghiệp quả tự lo liệu cho nó, và không còn sự sợ hãi nào nữa về việc quấy rầy nó như việc quấy rầy định luật hấp dẫn. Nếu y có thể giúp người bạn của y, y hãy làm như vậy mà không sợ hãi, tin tưởng vào sự thật rằng, nếu y có thể làm như vậy, thì sự giúp đỡ đó ở trong nghiệp quả của bạn y, và y chính là tác nhân hạnh phúc của Định Luật.

GIÚP ĐỠ NGƯỜI ĐƯỢC GỌI LÀ NGƯỜI CHẾT

Tất cả những gì mà chúng ta có thể làm cho người sống bằng tư tưởng thì chúng ta có thể làm, thậm chí còn dễ dàng hơn, đối với những người đã đi trước chúng ta qua cánh cổng của sự chết, vì trong trường hợp của họ, không có vật chất cõi trần nặng nề được đặt rung động trước khi tư tưởng có thể đến tâm thức tinh tảo.

Sau khi cái chết được trải qua, xu hướng của con người là chuyển sự chú ý của y vào bên trong, và sống trong thể trí hơn là trong ngoại giới. Các luồng tư tưởng thường tuôn ra

ngoài, tìm kiếm ngoại giới qua các giác quan, bây giờ thấy chúng bị chặn lại bởi một sự trống rỗng, được gây ra bởi sự biến mất của các khí cụ của chúng. Điều đó như thể một người, đang vội vã hướng tới một cây cầu quen thuộc ngang [115] qua một khe núi, đột nhiên thấy mình bị chặn lại bởi vực thẳm không có cầu, cây cầu đã biến mất.

Việc tái sắp xếp thể cảm dục vốn nhanh chóng tiếp theo sau sự mất mát của thể xác, nhằm để giam nhốt các năng lượng trí tuệ, để ngăn chặn sự biểu lộ bên ngoài của chúng. Vật chất cảm dục, nếu không bị gây trở ngại bởi bất kỳ hành động nào của những người bị bỏ lại phía sau trên cõi trần, tạo thành một lớp vỏ bao bọc thay vì là một khí cụ mềm dẻo, và sự sống cõi trần vốn đã kết thúc càng cao thượng và thanh khiết chừng nào, thì rào cản càng hoàn hảo hơn chừng nấy để chống lại các ấn tượng từ bên ngoài, hoặc các ấn tượng nổi lên từ bên trong. Nhưng người bị ngăn chặn như vậy đối với năng lượng đi ra ngoài của y thì hoàn toàn dễ tiếp thu các ảnh hưởng từ cõi trí hơn, và do đó y có thể được giúp đỡ, được cổ vũ, và được khuyến bảo hiệu quả hơn nhiều so với khi y còn ở cõi trần.

Trong cõi giới mà những người được giải thoát khỏi thể xác đã đi vào đó, một tư tưởng yêu thương rõ ràng đối với các giác quan ở nơi đây như là một lời yêu thương của sự âu yếm dịu dàng. Do đó, mỗi người chết nên được theo sau bởi những tư tưởng về tình yêu và hòa bình, bằng những nguyện vọng cho đoạn đường đi tới nhanh chóng của y, xuyên qua thung lũng của sự chết, đến vùng đất tươi sáng bên kia. Chỉ quá nhiều người ở lại trong trạng thái trung gian lâu hơn họ muốn, bởi vì chính nghiệp quả xấu của họ là không có những người bạn biết cách giúp họ từ khía cạnh này của sự chết. Và nếu mọi người ở cõi trần biết rằng biết bao sự thoải mái và

hạnh phúc được trải nghiệm bởi những người đi du lịch đến các cõi trời từ những sứ giả thiên thần thực sự này, là những [116] tư tưởng về tình yêu và sự lạc quan, nếu họ biết tác dụng mà họ phải củng cố và an ủi, thì sẽ không ai bị bỏ lại cô đơn bởi những người còn ở lại phía sau. “Người chết” yêu quý chắc chắn có một yêu cầu về tình yêu và sự chăm sóc của chúng ta, và thậm chí, ngoài việc này, thật tuyệt vời biết bao niềm an ủi cho trái tim, bị mất đi sự hiện diện vốn đã đem ánh nắng mặt trời cho cuộc sống, để có thể vẫn phục vụ cho người thân yêu, và bao quanh người ấy trên con đường của người ấy bằng các thiên thần bảo vệ của tư tưởng.

Các huyền bí gia, những người đã sáng lập các tôn giáo lớn không phải không chú ý đến việc phụng sự này do từ những người còn ở lại trên cõi trần cho những người đã qua đời. Người Ấn Giáo có Shraddha của y, qua đó y giúp những linh hồn đã qua đời trên con đường của họ vào thế giới bên kia, đẩy nhanh hành trình của họ vào Svarga. Các Giáo hội Kitô giáo có các thánh lễ Misa và Lễ Cầu Kinh cho "người chết". Người Kitô giáo cầu nguyện cho người bạn của y trong thế giới bên kia: "Hỡi Chúa, hãy ban cho y sự bình an vĩnh cửu, và hãy để ánh sáng bất diệt tỏa sáng trên y". Chỉ có giáo phái Tin Lành của người Kitô giáo đã đánh mất tập tục tử tế này, cùng với rất nhiều thứ khác vốn gắn liền với đời sống cao siêu của người Kitô giáo. Mong cho sự hiểu biết sớm mang lại cho họ sự thực hành hữu dụng và có ích mà sự vô minh đã cướp chúng đi!

HOẠT ĐỘNG TƯ TƯỞNG BÊN NGOÀI THỂ XÁC

Chúng ta không cần phải giới hạn các hoạt động tư tưởng của chúng ta vào những giờ mà chúng ta trải qua trong thể xác, vì [117] hoạt động có hiệu quả rất nhiều có thể được

thực hiện bằng tư tưởng khi thể xác chúng ta đang nằm ngủ yên lành.

Tiến trình "đi ngủ" chỉ đơn giản là sự triệt thoái tâm thức, được bao bọc trong các thể tinh anh của nó, ra khỏi thể xác, vốn được để lại hài lòng trong giấc ngủ, trong khi người đó chuyển vào cõi cảm dục. Được giải thoát khỏi thể xác, y mạnh mẽ hơn nhiều xét về những hiệu quả mà y có thể tạo ra bằng tư tưởng của y, nhưng đối với phần lớn, y không gửi nó ra ngoài, nhưng sử dụng nó bên trong chính y về các chủ đề mà y quan tâm trong đời sống tinh thức của y. Các năng lượng tư tưởng của y chảy vào các khuôn quen thuộc, và tiếp tục làm việc về những vấn đề mà tâm thức lúc thức của y bận giải quyết.

Có nạn ngữ rằng "đêm mang lại lời khuyên", có lời chỉ bảo là khi sắp đưa ra một quyết định quan trọng thì "ngủ trên nó trước khi quyết định", là những trực giác mơ hồ về thực tế này của hoạt động trí tuệ trong suốt thời gian của giấc ngủ. Không có bất kỳ nỗ lực cố ý nào để sử dụng trí thông minh được giải thoát, con người chỉ thu thập và thu hoạch thành quả lao động của nó.

Tuy nhiên, những người nào tìm cách để hướng sự tiến hóa của họ thay vì để nó trôi dạt, nên hữu thức lợi dụng bản thân họ về các quyền năng lớn lao mà họ có thể luyện tập khi không bị cản trở bởi gánh nặng của cơ thể. Cách làm này rất đơn giản. Bất kỳ vấn đề nào cần có giải pháp nên được lắng lẽ giữ trong trí khi đi ngủ; không được tranh luận, bàn cãi về nó, nếu không, nó sẽ ngăn cản giấc ngủ, nhưng, có vẻ như là, chỉ cần nói rõ và để lại. Điều này đủ để cung cấp [118] sự hướng dẫn cần thiết cho tư tưởng, và Chủ Thể Tư Tưởng sẽ nhặt lấy nó và giải quyết khi được giải phóng ra khỏi thể xác. Nói chung, giải pháp sẽ ở trong trí khi thức dậy, tức là, Chủ

Thế Tư Tượng sẽ ghi khắc nó lên não – và tốt nhất là giữ giấy và bút chì cạnh giường để ghi lại giải pháp ngay khi thức giấc, vì một ý tưởng có được như vậy rất dễ dàng bị xóa bởi các kích thích đông đảo từ cõi trần, và không dễ được phục hồi. Nhiều khó khăn trong cuộc sống có thể được thấy rõ ràng theo cách này, và một lối đi rối rắm được làm cho mở ra. Và nhiều vấn đề trí tuệ cũng có thể tìm thấy giải pháp của nó, khi được để trình cho trí thông tuệ không bị quá tải bởi bộ não đậm đặc.

Môn sinh có thể giúp đỡ nhiều theo cùng một cách trong thời gian ngủ cho bất kỳ người bạn trong thế giới này hay thế giới bên kia. Y phải hình dung ra người bạn của y trong thể trí của y, và quyết định tìm và giúp anh ta. Hình ảnh trí tuệ đó sẽ thu hút y và người bạn của y lại cùng nhau, và họ sẽ liên lạc với nhau trong cõi cảm dục. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào mà trong đó bất kỳ cảm xúc nào được gọi lên bởi tư tưởng của người bạn – như trong trường hợp của một người đã qua đời – vị môn sinh phải tìm cách trấn an nó trước khi đi ngủ. Đối với cảm xúc gây ra một cơn xoáy trong thể cảm dục, và nếu thể đó ở trong trạng thái kích động mạnh, nó cách ly tâm thức, và làm cho những rung động trí tuệ không thể đi ra bên ngoài.

Trong vài trường hợp của thông tin như thế trong cõi cảm dục, một "giấc mơ" có thể vẫn còn trong ký ức lúc thức, trong khi ở những người khác, không có dấu vết nào có thể xuất hiện. [119] Giấc mơ là việc ghi chép – thường bị lộn xộn và trộn lẫn với những rung động xa lạ – sự gặp gỡ ngoài cơ thể, và nên được xem là như thế. Nhưng nếu không có dấu vết xuất hiện trong não thì nó không quan trọng, vì các hoạt động của trí thông tuệ được giải phóng không bị cản trở bởi sự không nhận biết của não bộ vốn không chia sẻ chúng. Tính

hữu dụng của một người trong cõi cảm dục không bị chi phối bởi những ký ức được in trên não bởi tâm thức quay trở lại, và những ký ức này có thể hoàn toàn không tồn tại, trong khi công việc có lợi nhất đang chiếm những giờ ngủ của cơ thể.

Một hình thức khác của hoạt động tư tưởng vốn ít được nhớ lại, và có thể được thực hiện ở trong hoặc ở ngoài thể xác, là việc giúp đỡ các sự nghiệp chính nghĩa, các phong trào quần chúng mang lại lợi ích cho nhân loại. Nghĩ về những điều này theo một cách nhất định là bắt đầu các luồng trợ giúp từ các cõi bên trong của sự hiện tồn, và chúng ta có thể đặc biệt xem xét việc này trong mối liên quan đến

QUYỀN NĂNG CỦA TƯ TƯỞNG KẾT HỢP

Tác dụng gia tăng vốn có thể đạt được bằng sự liên minh nhiều người để giúp một đối tượng chung được công nhận không chỉ bởi các nhà huyền bí, mà còn bởi tất cả những ai biết bất cứ điều gì về khoa học thâm sâu của thể trí. Đó là phong tục, ít nhất là trong một số bộ phận của các nước theo Kitô giáo, giới thiệu việc gửi một sứ mệnh truyền bá Phúc Âm cho một giáo khu đặc biệt nào đó bằng việc suy nghĩ rõ ràng và liên tục. Một nhóm nhỏ những người Công giáo La Mã, chẳng hạn, sẽ gặp nhau trong vài tuần hoặc vài [120] tháng trước khi một nhiệm vụ được gửi ra, và sẽ chuẩn bị khu đất, nơi nó sắp làm việc bằng việc hình dung vị trí này, nghĩ đến việc họ có mặt tại đó, và sau đó chăm chú thiền định về một giáo điều nhất định nào đó của Giáo Hội. Theo cách này, một bầu không khí của tư tưởng được tạo ra trên địa bàn đó thuận lợi nhất để truyền bá các giáo lý của Công giáo La Mã, và những bộ não dễ tiếp thu được chuẩn bị để ước mong tiếp nhận giáo huấn trong chúng. Hoạt động tư tưởng này sẽ được trợ giúp bằng sự xúc xâm mãnh liệt thêm

vào được cung cấp cho nó bởi sự cầu nguyện nhiệt thành, một hình thức khác của hoạt động tư tưởng, được kích thích bởi lòng nhiệt tình tôn giáo.

Các thành viên thiên định của Giáo hội Công giáo La Mã thực hiện một số lượng lớn công việc tốt đẹp và hữu ích bằng tư tưởng, như các ẩn sĩ của tín ngưỡng Ấn Giáo và Phật Giáo. Bất cứ nơi nào mà trí thông tuệ tốt đẹp và thanh khiết tự bố trí làm việc để giúp thế gian bằng việc khuếch tán xuyên qua nó các tư tưởng cao quý và cao cả, thì nơi đó việc phụng sự nhất định được thực hiện cho con người, và nhà tư tưởng cô đơn trở thành một trong những người nâng thế giới lên.

Một nhóm các nhà tư tưởng có cùng khuynh hướng, chẳng hạn như một nhóm người Thông Thiên Học, có thể làm được nhiều điều để truyền bá các ý tưởng Thông Thiên Học trong vùng lân cận của họ bằng cách đồng ý đưa ra mười phút cố định một ngày để suy nghĩ về một giáo lý Thông Thiên Học. Không cần thiết là thể xác của họ nên được tập trung tại một nơi, miễn là thể trí của họ gắn kết với nhau. Giả sử một nhóm như vậy quyết định suy nghĩ về sự tái sinh mười phút mỗi ngày tại một thời điểm cố định trong ba hoặc sáu tháng. Hình tư tưởng mạnh mẽ bấy giờ tụ tập chặt ních khu vực được chọn, và ý tưởng về luân hồi sẽ [121] đi vào trong một số lượng đáng kể thể trí. Những cuộc điều tra sẽ được thực hiện, các cuốn sách về đề tài này sẽ được tìm kiếm, và một bài thuyết giảng về đề tài này, sau một sự chuẩn bị như vậy, sẽ thu hút một lượng khán thính giả háo hức và quan tâm. Sự tiến bộ, từ mọi tỷ lệ cho các tác dụng vật chất được dùng, được thực hiện ở nơi mà những người nam và nữ sốt sắng kết hợp trong công tác tuyên truyền trí tuệ này.

LỜI SAU CÙNG

Như vậy chúng ta có thể học cách sử dụng các mãnh lực vĩ đại này vốn nằm trong tất cả chúng ta, và sử dụng chúng cho hiệu quả tốt nhất có thể. Khi chúng ta sử dụng chúng thì chúng sẽ phát triển, cho đến khi, với sự ngạc nhiên và vui sướng, chúng ta sẽ nhận thấy chúng ta sở hữu một năng lực phụng sự vĩ đại biết bao.

Hãy nhớ rằng chúng ta đang liên tục sử dụng các quyền năng này, một cách vô thức, ngất quảng, yếu ớt, luôn luôn ảnh hưởng tốt hay xấu tất cả những ai xung quanh con đường của chúng ta trong cuộc sống. Chính ở đây chúng ta tìm cách thuyết phục độc giả sử dụng các mãnh lực tương tự này một cách hữu thức, đều đặn, và mạnh mẽ. Chúng ta không thể giúp suy nghĩ đến một mức độ nào đó, bất kể các dòng tư tưởng mà chúng ta tạo ra có thể là yếu ớt thế nào. Chúng ta phải có ảnh hưởng đến những người xung quanh chúng ta, cho dù chúng ta muốn hay không; câu hỏi duy nhất chúng ta phải quyết định là liệu chúng ta sẽ làm điều đó có lợi hay có hại, yếu ớt hoặc mạnh mẽ, phò mặc hoặc có mục đích được đề ra. Chúng ta không thể giúp các tư tưởng của người khác tiếp xúc thể trí của chúng ta; chúng ta chỉ có thể chọn tư tưởng nào mà chúng ta sẽ nhận, tư tưởng nào chúng ta sẽ từ chối. Chúng ta phải ảnh hưởng và bị ảnh hưởng; nhưng chúng ta có thể ảnh hưởng những người khác để làm lợi hoặc làm hại họ, chúng tôi có thể bị ảnh hưởng bởi điều tốt hay bởi điều xấu. Sự lựa chọn của chúng ta nằm ở đây, một sự lựa chọn quan trọng đối với chính chúng ta và đối với thế gian:

Hãy chọn cho đúng; vì sự lựa chọn của bạn thì ngăn ngui nhưng lại vô tận.

Giúp đỡ người khác bằng tư tưởng

BÌNH AN CHO TẤT CẢ CHÚNG SINH

